UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**ĐỀ ÁN   
“Cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành**

**thành phố trực thuộc Trung ương”**



*Thừa Thiên Huế, tháng 2-2020*

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**ĐỀ ÁN   
Cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Đại Vui** | **VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**  **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  **VIỆN TRƯỞNG**  **Trần Thị Hồng Minh** |

**Thừa Thiên Huế, tháng 3 năm 2020**

**Mục lục**

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc34581952)

[1. Sự cần thiết và xuất xứ lập đề án 1](#_Toc34581953)

[2. Cơ sở pháp lý thực hiện đề án 2](#_Toc34581954)

[3. Mục tiêu xây dựng Đề án 4](#_Toc34581955)

[4. Phạm vi nghiên cứu 4](#_Toc34581956)

[5. Kết cấu của Đề án 4](#_Toc34581957)

[Phần 1 5](#_Toc34581958)

[MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ GẮN VỚI DI SẢN 5](#_Toc34581959)

[I. Một số vấn đề lý luận về thành phố gắn với hệ thống di sản 5](#_Toc34581960)

[1. Khái niệm và vai trò thành phố di sản 5](#_Toc34581961)

[2. Những vấn đề nảy sinh trong phát triển thành phố di sản 6](#_Toc34581962)

[3. Những di sản thế giới tại Việt Nam 7](#_Toc34581963)

[II. Một số mô hình và cơ chế, chính sách phát triển thành phố gắn với hệ thống di sản thế giới 8](#_Toc34581965)

[1. Cơ chế, chính sách quản lý, bảo tồn di sản văn hóa 8](#_Toc34581966)

[2. Cơ chế, chính sách khai thác và phát triển di sản văn hóa 12](#_Toc34581967)

[3. Cơ chế tài chính để phát triển thành phố di sản văn hóa 14](#_Toc34581968)

[3. Nhận xét chung 16](#_Toc34581969)

[Phần 2 18](#_Toc34581970)

[TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH 18](#_Toc34581971)

[CỦA THỪA THIÊN HUẾ PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG 18](#_Toc34581972)

[I. Thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế 18](#_Toc34581973)

[1. Thực trạng phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế 18](#_Toc34581974)

[*1.1. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển Thừa Thiên Huế* 18](#_Toc34581975)

[*1.2. Thực trạng về đầu tư và xây dựng đô thị* 20](#_Toc34581976)

[2. Vai trò, vị thế của tỉnh Thừa Thiên Huế đối với vùng và quốc gia 26](#_Toc34581977)

[*2.1. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực kinh tế* 26](#_Toc34581978)

[*2.2. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực xã hội* 28](#_Toc34581979)

[*2.3. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực văn hóa, di sản* 30](#_Toc34581980)

[3. Thực trạng về di sản văn hóa; không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị gắn với di sản văn hóa và công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản 31](#_Toc34581981)

[*3.1. Các di sản vật thể* 31](#_Toc34581982)

[*3.2. Di sản phi vật thể* 33](#_Toc34581983)

[*3.3. Không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị* 35](#_Toc34581984)

[II. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Thừa Thiên Huế có đặc thù về di sản 36](#_Toc34581985)

[1. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cấp Trung ương 36](#_Toc34581986)

[*1.1. Kết quả đạt được* 36](#_Toc34581987)

[*1.2. Hạn chế và nguyên nhân* 39](#_Toc34581988)

[2. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cấp địa phương 41](#_Toc34581989)

[*2.1. Kết quả đạt được* 41](#_Toc34581990)

[*2.2. Hạn chế và nguyên nhân* 43](#_Toc34581991)

[III. Phân tích lợi thế, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với Thừa Thiên Huế có đặc thù về di sản 44](#_Toc34581992)

[1. Phân tích lợi thế và cơ hội 44](#_Toc34581993)

[*1.1. Lợi thế* 44](#_Toc34581994)

[*1.2. Cơ hội phát triển xa hơn của Thừa Thiên Huế* 46](#_Toc34581995)

[2. Phân tích khó khăn và thách thức 49](#_Toc34581996)

[*2.1. Khó khăn* 49](#_Toc34581997)

[*2.2. Thách thức* 51](#_Toc34581998)

[Phần 3 53](#_Toc34581999)

[GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI 53](#_Toc34582000)

[THỪA THIÊN HUẾ TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CÓ ĐẶC THÙ VỀ DI SẢN 53](#_Toc34582001)

[I. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển 53](#_Toc34582002)

[1. Quan điểm và mục tiêu 53](#_Toc34582003)

[*1.1. Quan điểm phát triển* 53](#_Toc34582004)

[*1.2. Mục tiêu phát triển* 53](#_Toc34582005)

[2. Định hướng phát triển 54](#_Toc34582006)

[II. Giải pháp phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương 55](#_Toc34582007)

[1. Giải pháp đề xuất bộ tiêu chí đặc thù về phân loại đô thị, trong đó đô thị có tính chất đặc thù trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Huế và bản sắc văn hóa Huế 55](#_Toc34582008)

[2. Giải pháp về mô hình đô thị Thừa Thiên Huế 55](#_Toc34582009)

[3. Giải pháp bảo tồn di sản vật thể, phi vật thể và phát huy giá trị di sản, văn hóa Huế 56](#_Toc34582010)

[4. Giải pháp nâng cao chất lượng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; quy hoạch bảo vệ cảnh quan môi trường di sản 57](#_Toc34582011)

[5. Giải pháp phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa; giải pháp phát triển các vùng kinh tế động lực gắn với 4 trung tâm, Khu kinh tế Lăng Cô – Chân Mây, đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và Vườn Quốc gia Bạch Mã 58](#_Toc34582012)

[6. Giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển vùng 62](#_Toc34582013)

[7. Giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội: Di, giãn dân kinh thành Huế 63](#_Toc34582014)

[8. Giải pháp tổ chức bộ máy, quy chế quản lý đô thị Thừa Thiên Huế 64](#_Toc34582015)

[III. Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế 66](#_Toc34582016)

[1. Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước cho Thừa Thiên Huế với đặc thù về di sản 66](#_Toc34582017)

[2. Huy động các nguồn vốn hỗ trợ từ các nguồn 68](#_Toc34582018)

[3. Quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý đô thị 71](#_Toc34582019)

[4. Thu hút, xúc tiến đầu tư 75](#_Toc34582020)

[5. Đào tạo nguồn nhân lực và thú hút, đãi ngộ các nhân tài 76](#_Toc34582021)

[6. Các cơ chế chính sách khác 76](#_Toc34582022)

[7. Danh mục dự án, công trình ưu tiên đầu tư 1](#_Toc34582023)

[Phần 4 1](#_Toc34582024)

[KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN 1](#_Toc34582025)

[I. Đề xuất kiến nghị đối với Trung ương 1](#_Toc34582026)

[1. Kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép 1](#_Toc34582027)

[2. Kiến nghị Chính phủ cho phép: 2](#_Toc34582028)

[3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành cho phép: 4](#_Toc34582029)

[II. Đối với địa phương và cộng đồng người dân 6](#_Toc34582030)

[Phần 5 7](#_Toc34582031)

[TỔ CHỨC THỰC HIỆN 7](#_Toc34582032)

[1. Hội đồng nhân dân tỉnh 7](#_Toc34582033)

[2. Ủy ban nhân dân tỉnh 7](#_Toc34582034)

[3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố, huyện, thị xã 8](#_Toc34582035)

# PHẦN MỞ ĐẦU

# 1. Sự cần thiết và xuất xứ lập đề án

Trong thời đại phát triển hiện nay, các di sản ngày càng được coi trọng về giá trị văn hóa của nó, đồng thời các di sản cũng có thể là một trong những động lực cho phát triển kinh tế. Trên thực tế, di sản đã và đang được sử dụng như một công cụ để điều chỉnh các hoạt động kinh tế ở một phạm vi không gian nhất định. Một thành phố di sản có thể hiểu là một thành phố lấy các di sản văn hóa của mình làm trọng tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Hiện nay, cũng giống như nhiều nước, ở Việt Nam, vai trò của di sản văn hóa vẫn chưa thực sự được ghi nhận như là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế đất nước. Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X, kì họp thứ 9 (tháng 6 năm 2001) mới chỉ khẳng định: “*Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong việc dựng nước và giữ nước của nhân dân ta*”.

Theo Tổ chức Thành phố di sản Thế giới (OWHC), hiện nay, thành phố Huế nằm trong số 250 thành phố trên thế giới có chứa di sản thế giới được UNESCO công nhận. Đặc biệt, thành phố Huế là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế với các danh hiệu thành phố Festival, thành phố Xanh Quốc gia, thành phố văn hoá của cộng đồng ASEAN và thành phố du lịch sạch của ASEAN. Mặc dù, hiện nay pháp luật chưa ban hành quy định cụ thể đô thị đặc thù về di sản, song cái tên "Đô thị Huế gắn với di sản, là sự kết hợp hài hòa giữa đô thị và di sản, mang nét đặc trưng riêng về kiến trúc cảnh quan, môi trường thiên nhiên và văn hóa con người Huế. Trong quá trình điều hành, quản lý và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và thành phố Huế nói riêng đã gặp khá nhiều khó khăn do việc vừa phải bảo tồn các di sản văn hóa với nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh và thành phố để nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Công tác quy hoạch và quản lý khai thác di tích chưa thực sự được quan tâm đúng mức nên một số di sản bị mai một, bỏ quên hoặc biến dạng nhường chỗ cho quá trình phát triển đô thị. Trong khi đó, giá trị di sản (di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và tư liệu), di tích, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa Huế chính là báu vật của quốc gia cần được cả nước chung tay gìn giữ.

Thừa Thiên Huế còn là cố đô duy nhất còn nguyên vẹn của Việt Nam, mang trong mình những giá trị di sản của cả nước và thế giới với 7 di sản được UNESCO công nhận cùng nhiều đặc thù về văn hóa, di tích, cảnh quan thiên nhiên cần được bảo vệ, gìn giữ và phát huy. Với mong muốn xây dựng Thừa Thiên Huế trở thànhthành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Huế và bản sắc văn hóa Huế, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và Thông báo số 175-TB/TW ngày 01/8/2014 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 48-KL/TW; và sớm hiện thực hóa quan điểm, chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước, Bộ Chính trị đã đặc biệt ban hành Nghị quyết 54-NQ-TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định “*Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh*”.

Mặc dù, trong 10 năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có những chuyển biến tích cực, quy mô nền kinh tế tăng gần gấp 2 lần, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tuy nhiên, Thừa Thiên Huế có xuất phát điểm thấp, quy mô kinh tế còn tương đối nhỏ, tốc độ tăng trưởng chưa cao. Vị trí địa lý, hạ tầng giao thông kết nối, thời tiết không thuận lợi. Chính vì vậy, để tạo đột phá, thúc đẩy phát triển Thừa Thiên Huế nhanh và bền vững trên cơ sở các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, vị trí địa lý, chính trị trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn (Huế - Sài Gòn - Hà Nội), phát triển liên kết Vùng gắn với Đà Nẵng tạo thành “đô thị đôi” - hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; Thừa Thiên Huế cần phải có cơ chế đặc thù và bước đi riêng để trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huếnhằm phục dựng, bảo tồn toàn vẹn các di sản vật thể, phi vật thể và thiên nhiên mang nét đặc trưng của Việt Nam. Việc phát triển Thừa Thiên Huế theo hướng

Trong bối cảnh hiện nay, việc xây dựng phát triển đô thị Huế với đặc thù về di sản được đặt ra nhằm giải quyết các vấn đề bảo tồn nguyên vẹn di sản, đồng thời phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế góp phần triển kinh tế xã hội; nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt giải quyết vấn đề sinh kế cho các hộ dân sống trong khu vực Kinh thành Huế, bị di dời trả lại mặt bằng cho bảo tồn di tích. Để giải quyết vấn đề trên, cùng với cách tiếp cận đa chiều, toàn diện và bền vững rất cần có nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm chuyển hóa việc bảo tồn, phát huy di sản thành động lực cho phát triển các ngành kinh tế phù hợp, đặc biệt cho ngành du lịch; huy động nguồn lực trong việc bảo tồn và khai thác di sản; quy hoạch đô thị gắn với đền bù giải phóng mặt bằng; chính sách bảo vệ di sản, môi trường di sản. Vì vậy, việc nghiên cứu Đề án “*Cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”* là vô cùng bức thiết tạo đột phá trong xây dựng phát triển Thừa Thiên Huế, đẩy mạnh thu hút nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản, văn hóa của Việt Nam và thế giới. ***Đề án này cũng sẽ là đầu vào phục vụ nhiệm vụ*** *“Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế*” (theo Nghị quyết số 54-NQ-TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

# 2. Cơ sở pháp lý thực hiện đề án

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Nghị quyết số 54-NQ-TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Kết luận số 48-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế; Thông báo số 175-TB/TW ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị khóa X về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020; Thông báo số 09-TB/BKTTW ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Ban Kinh tế Trung ương về ý kiến của đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương tại buổi làm việc giữa Lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế; Thông báo số 3304/TB-TTKQH ngày ngày 03 tháng 9 năm 2019 về kết luận của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân tại chuyến thăm, làm việc với tỉnh Thừa Thiên Huế;

Quyết định số 143/2007/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2007 phê duyệt đề án xây dựng thành phố Huế thành phố Festival;

Quyết định số 11/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội đối với thành phố Huế, đô thị loại I trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế;

Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 86/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020;

Quyết định số 105/TTg ngày 12 tháng 02 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Dự án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 1996 - 2010;

Quyết định số 818/QĐ-TTg Thủ tướng ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Phê duyệt Đề án Điều chỉnh quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010 – 2020;

Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2012, phê duyệt chính sách hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế từ năm 2013 đến 2020;

Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 441/TTg-KGVX ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bảo tồn, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế;

Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Xây dựng, phát triển đô thị Huế đến năm 2030;

Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

# 3. Mục tiêu xây dựng Đề án

Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh; là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; liên kết với Đà Nẵng trở thành cực tăng trưởng của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, Vùng Duyên hải miền Trung.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho Thừa Thiên Huế, trong đó chú trọng xây dựng phát triển thành phố Huế gắn với hệ thống di sản tạo thuận lợi trong việc điều hành, quản lý đô thị; huy động nguồn lực phục vụ cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thừa Thiên Huế để hướng tới phát triển một đô thị di sản trường tồn, bền vững cho thế hệ tương lai của Việt Nam.

# 4. Phạm vi nghiên cứu

Toàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong đó định hướng phát triển không gian đô thị của đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 06/5/2014; bao gồm thành phố Huế hiện hữu (70,67 km2) và khu vực định hướng phát triển, mở rộng đô thị thuộc gồm một phần các thị xã: Hương Thủy, Hương Trà và huyện Phú Vang (thị trấn Thuận An và các xã lân cận), với quy mô khoảng 267 km2.

# 5. Kết cấu của Đề án

Đề án gồm 05 phần:

- Phần thứ nhất trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đô thị gắn với di sản.

- Phần thứ hai đánh giá tình hình thực hiện cơ chế chính sách của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phần thứ ba đề xuất định hướng phát triển và giải pháp cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phần thứ tư là kiến nghị và kết luận.

- Phần thứ năm là tổ chức thực hiện triển khai đề án.

# Phần 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ GẮN VỚI DI SẢN

# I. Một số vấn đề lý luận về thành phố gắn với hệ thống di sản

## 1. Khái niệm và vai trò thành phố di sản

Đến nay, vẫn chưa có một định nghĩa hay khái niệm riêng về thành phố hay đô thị di sản, thay vào đó, chỉ có những thành phố mà bên trong nó có các di sản. Theo Tổ chức Thành phố di sản Thế giới (OWHC), trên thế giới có 250 thành phố mà ở đó có chứa di sản thế giới được UNESCO công nhận. Để trở thành thành thành viên của OWHC, thì thành phố đó phải đáp ứng 02 điều kiện, đó là: (i) Thành phố là một đô thị sống có các di sản lịch sử hoặc đương đại, và giá trị phổ quát của các di sản này đã được UNESCO công nhận và được ghi vào sách Di sản thế giới; và (ii) Thành phố phải tuân thủ các giá trị của OWHC.

Công ước Di sản thế giới cũng nhóm 03 loại thành phố/thị trấn có di sản lịch sử, đó là: (i) Những thị trấn không còn là nơi sinh sống, những địa điểm khảo cổ, ví dụ: Palmyra của Syria, Angkor của Cambodia hay Tikal của Guatemala; (ii) Những thành phố lịch sử vẫn là nơi sinh sống, ví dụ: Djenne của Mali, Macao của Trung Quốc hay Baku ở Azerbaijan; và (iii) Những thành phố mới của thế kỷ chẳng hạn như Brasilia ở Brazil, Le Havre ở Pháp hay Tel Aviv ở Israel.

Nhìn chung, thành phố di sản có thể hiểu là một thành phố lấy các di sản văn hóa của mình làm trọng tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Theo đó, tất cả các hoạt động kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, đời sống văn hóa công cộng… đều xoay quanh giá trị di sản và có mục tiêu làm tăng cường và quảng bá giá trị của di sản. Do vậy, các ngành dịch vụ, du lịch, lưu trú, lữ hành sẽ là những trọng tâm phát triển kinh tế của các thành phố kiểu này.

Trước đây, vai trò của các di sản chỉ được nhìn nhận là những dấu ấn của quá khứ. Thậm chí, đôi khi các di sản còn được coi là gánh nặng cản trở sự phát triển của thành phố. Quan điểm này xuất phát từ cách tiếp cận truyền thống, trong đó tập trung chủ yếu vào hoạt động bảo tồn di sản thành phố. Tuy nhiên, ngày nay, nhiều nước đã có sự thay đổi trong nhìn nhận về vị trí và vai trò của văn hóa và di sản văn hóa, đặc biệt là tầm quan trọng của thành phố có di sản. Thực tế đã cho thấy, các di sản cũng có những đặc điểm kinh tế và đang đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế, tạo ra việc làm, giúp giảm nghèo đói, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, kích thích đầu tư tư nhân và tạo nguồn lực cho các hoạt động bảo tồn văn hóa cũng như môi trường. Điều này được thể hiện rất rõ, đó là các thành phố du lịch đã chuyển chức năng của mình từ “nơi có phong cảnh” (landscape of production) sang “nơi có phong cảnh để tiêu dùng” (landscape of consumption). Phương thức tiếp cận mới mở ra rất nhiều cơ hội cho sự phát triển kinh tế địa phương; và điều này cũng đang đòi hỏi cơ quan quản lý phải xem lại vị trí và vai trò của văn hóa và di sản văn hóa đối với sự phát triển của đất nước.

## 2. Những vấn đề nảy sinh trong phát triển thành phố di sản

Do điều kiện và đặc điểm tự nhiên khác nhau mà các thành phố di sản trên thế giới có các đặc điểm khác nhau. Trong những thập niên gần đây, Ủy ban Di sản văn hóa thế giới (World Heritage Committee) đã có những cảnh báo về thách thức trong quá trình gìn giữ và phát triển các thành phố di sản. Chẳng hạn, thành phố Dresden (tại thung lũng Elbe của Đức) năm 2009 đã bị loại ra khỏi danh sách các thành phố di sản vì không còn giữ được đặc điểm độc đáo riêng. Bên cạnh đó, sự phát triển bùng nổ của ngành du lịch cũng khiến cho những giá trị vật lý và xã hội của những thành phố di sản xuống cấp. Một vài ví dụ về tác động tiêu cực do du lịch quá mức gây ra dễ nhìn thấy ở thành phố Venice (Ý), Lệ Giang (Trung Quốc), Bali (Indonesia),... Tuy nhiên, nếu được quản lý tốt, du lịch lại có thể trở thành nguồn kinh tế chính cho phép chính quyền địa phương triển khai các hoạt động quản lý và bảo tồn các giá trị di như trường hợp ở thành phố Dubrovnik (Croatia), Quebec (Canada), Paris (Pháp),... Vấn đề là làm thế nào để cân bằng được sự phát triển của du lịch và việc lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống cũng đang là thách thức lớn nhất đối với các thành phố di sản.

Nhìn chung, quá trình phát triển thành phố di sản thường gặp 04 vấn đề lớn, đó là:

*- Mối quan hệ giữa khu vực di sản và các khu vực lân cận:* Ranh giới giữa hai khu vực này thường không được xác định rõ ràng, dẫn đến những chính sách phát triển thiếu hiệu quả do không gắn liền với đặc thù của khu vực di sản.

*- Phát triển đời sống xã hội:* Thực tế, ngay tại các khu vực di sản cũng luôn có các hộ gia đình sinh sống trong đó. Sự phát triển cuộc sống kéo theo sự hiện đại hóa của các khu nhà ở này. Tuy nhiên điều đó lại phá vỡ khối liên kết tự nhiên của khu vực di sản. Việc duy trì các khu dân cư này trong tình trạng nguyên bản là thách thức rất lớn, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ về tài chính đáng kể.

*- Phát triển kinh tế:* Một trong những bài toàn mấu chốt, đầy khó khăn trong quá trình hoạch định chính sách phát triển ở nhiều quốc gia nói chung và từng địa phương nói riêng, đó là sự lựa chọn một bên là sự thôi thúc bởi các lợi ích kinh tế đầy hấp dẫn và một bên là công tác gìn giữ, bảo tồn “nguồn vốn tự nhiên”. Thực tế dễ nhận thấy ở nhiều nước, để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế thì phần thua thiệt phần lớn lại thuộc về di sản. Bằng chứng là nhiều di sản, cảnh quan, môi trường văn hóa bị biến dạng hoặc tàn phá để đánh đổi cho những công trình hiện đại, hoành tráng, ô nhiễm,… và bài học đau đớn nhất là thành phố Dresden đã bị rút khỏi danh sách di sản thế giới do mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

*- Chính sách phát triển các thành phố di sản:* Ở các nước, chính sách phát triển thành phố di sản hoặc chưa được ban hành đầy đủ hoặc thường nằm trong khuôn khổ các chính sách công chung của nhà nước, trong khi đó, mỗi thành phố di sản thường có nét đặc thù riêng. Do đó, chính sách phát triển thành phố di sản cần được điều chỉnh theo quy mô và mức độ phù hợp với từng thành phố di sản. Rõ ràng, việc để thị trường tự do phát triển với sự dẫn dắt của khu vực tư nhân đã và sẽ tạo nguy cơ phá hủy thành phố di sản. Do vậy, sự phát triển của thành phố di sản cần được đảm bảo bằng một thể chế pháp luật đặc thù.

## 3. Những di sản thế giới tại Việt Nam

Di sản thế giớilà danh hiệu cao quý và lâu đời nhất trong các danh hiệu của UNESCO. Di sản thế giới gồm ba loại hình: di sản văn hóa thế giới, di sản thiên nhiên thế giới và di sản hỗn hợp văn hóa và thiên nhiên thế giới. Việt Nam hiện có 28 di sản được UNESCO công nhận, trong đó có: 8 di sản văn hóa vật thể thế giới, 12 di sản văn hóa thế giới phi vật thể và 7 di sản tư liệu. Một di sản Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu.

**Bảng 1: Danh sách di sản ở Việt Nam được UNESCO công nhận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Di sản thế giới** | **Tỉnh/thành phố** |
| ***I. Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*** | | |
| 1 | Thành nhà Hồ | Thanh Hóa |
| 2 | Hoàng thành Thăng Long | Hà Nội |
| 3 | Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng | Quảng Bình |
| 4 | Đô thị cổ Hội An | Quảng Nam |
| 5 | Khu di tích Chăm Mỹ Sơn | Quảng Nam |
| 6 | Vịnh Hạ Long | Quảng Ninh |
| 7 | **Quần thể di tích cố đô Huế** | **Thừa Thiên Huế** |
| 8 | Quần thể danh thắng Tràng An - Bái Đính | Ninh Bình |
| 9 | Cao nguyên đá Đồng Văn | Hà Giang |
| ***II. Di sản văn hóa phi vật thể*** | | |
| 10 | Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương | Tỉnh Phú Thọ |
| 11 | **Thực hành tín ngưỡng Thờ mẫu Tam Phủ** | Khắp cả nước |
| 12 | Hát Xoan | Tỉnh Phú Thọ |
| 13 | Dân ca quan họ Bắc Ninh | Bắc Ninh, Bắc Giang |
| 14 | Ca trù | 15 tỉnh, thành, nhưng nhiều nhất ở phía Bắc Việt Nam, tiêu biểu như: Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Tp. Hồ Chí Minh |
| 15 | Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ | Nam Bộ |
| 16 | **Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ** | Trung Bộ |
| 17 | Dân ca Ví, Dặm Nghệ Tĩnh | Nghệ An, Hà Tĩnh |
| 18 | Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc | Hà Nội |
| 19 | Nghi lễ và trò chơi kéo co | Chủ yếu vùng Trung Du, ĐBSH và BTB |
| 20 | Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên | Vùng Tây Nguyên |
| 21 | **Nhã nhạc cung đình Huế** | **Thừa Thiên Huế** |
| ***III. Di sản tư liệu*** | | |
| 22 | **Mộc bản triều Nguyễn** | **Thừa Thiên Huế** |
| 23 | Bia Tiến sỹ ở Văn Miếu | Hà Nội |
| 24 | Mộc bản Kinh Phật (Thiền phía Trúc Lâm) | Chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang |
| 25 | Châu Bản triều Nguyễn | Trung tâm lưu trữ quốc gia (Hà Nội) |
| 26 | Thơ văn trên kiến trúc Cung đình Huế | **Thừa Thiên Huế** |
| 27 | Mộc bản trường học Phúc Giang | Hà Tĩnh |
| 28 | Hoàng hoa sứ trình đồ | Hà Tĩnh |

*Nguồn: Tổng hợp từ bài viết Di sản thế giới Việt Nam và nhiều nguồn khác****[[1]](#footnote-1)****.*

# II. Một số mô hình và cơ chế, chính sách phát triển thành phố gắn với hệ thống di sản thế giới

## 1. Cơ chế, chính sách quản lý, bảo tồn di sản văn hóa

Cơ chế, chính sách quản lý và bảo tồn di sản văn hóa giữa các nước nói chung và các địa phương nói riêng đều rất đa dạng. Cụ thể như:

***Ở Nhật Bản*,** cố đô Kyoto được xây dựng vào năm 794 sau Công nguyên theo mô hình thủ đô của Trung Quốc cổ đại. Kyoto đại diện cho sự phát triển của kiến trúc gỗ Nhật Bản, đặc biệt là kiến trúc tôn giáo và nghệ thuật của các khu vườn Nhật Bản, đã ảnh hưởng đến cảnh quan làm vườn trên toàn thế giới. Hiện nay, thành phố Kyoto có dân số khoảng 1,5 triệu người với diện tích 828 km2 và hàng năm có khoảng 30 triệu lượt khách đến thăm quan thành phố.

Các di tích lịch sử của cổ xưa ở Kyoto là một trong những di sản thế giới tiêu biểu nhất nằm trong lòng đô thị. Hầu như tất cả các bộ phận cấu thành của di sản được bao quanh bởi các ngôi nhà, tòa nhà văn phòng và các cơ sở khác của thành phố. Do đó, để bảo tồn giá trị của di sản, việc bảo vệ các thuộc tính tự nhiên là không đủ, chính quyền thành phố đã có cách tiếp cận toàn diện hơn. Trước tiên, chính quyền thành phố đã thống nhất quan điểm di sản văn hóa, cảnh quan là tài sản công cần được lưu truyền giữa các thế hệ. Tiếp đến, chính quyền thành phố Kyoto cũng đã thành lập Hội đồng phục hưng thành phố với nỗ lực đưa thành phố Kyoto được công nhận là tài sản quốc gia vào năm 2002.

Tháng 9/2007, chính quyền thành phố Kyoto đã ban hành chính sách kiểm soát cảnh quan đô thị toàn diện, trong đó tập trung vào 5 vấn đề chính, đó là: (1) Chiều cao của các tòa nhà xung quanh; (2) Thiết kế của các tòa nhà xung quanh; (3) Cảnh quan xung quanh và tầm nhìn bao quát; (4) Các quảng cáo ngoài trời, và (5) Bảo tồn và cải thiện cảnh quan lịch sử. Mục đích của chính sách này là nhằm: bảo tồn Kyoto như một thành phố lịch sử thậm chí 100 năm sau; nhấn mạnh các tòa nhà có thể thuộc sở hữu tư nhân nhưng cảnh quan phải là tài sản công cộng; và luôn khẳng định tầm quan trọng của người dân trong việc thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ về quản lý và bảo tồn di sản, cảnh quan Kyoto cho thế hệ tương lai.

Chính quyền thành phố Kyoto cho rằng việc kiểm soát cảnh quan đô thị toàn diện sẽ giúp Kyoto không chỉ giữ được toàn bộ giá trị văn hóa của các di sản mà còn khiến cho các giá trị của di sản thấm nhuần vào đời sống người dân địa phương. Trong chính sách kiểm soát cảnh quan đô thị toàn diện, ứng với mỗi vấn đề trong 5 vấn đề trọng tâm nêu trên, đều có hệ thống chính sách hỗ trợ. Bên cạnh đó, chính quyền thành phố Kyoto đã thường xuyên: (1) Tổ chức các cuộc họp tư vấn địa phương định kì. Các cuộc họp này do thị trưởng thành phố chủ trì với sự tham gia của các cơ quan quản lý, các tổ chức xã hội dân sự và các doanh nghiệp để thảo luận các chính sách về cảnh quan thành phố; (2) Tổ chức các khóa học cho các chủ thể liên quan về các quy chuẩn xây dựng và các hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo các hoạt động không gây tổn hại đến hình ảnh chung của thành phố di sản; và (3) triển khai Chương trình hỗ trợ từ dưới lên để quản lý tài sản (và hoặc) thiết lập đô thị xung quanh.

Ngoài những chính sách của thành phố Kyoto, chính quyền thành phố còn nhận được sự hỗ trợ từ phía chính phủ quốc gia thông qua các chương trình thuế và trợ cấp cho phát triển cảnh quan của thành phố.

***Ở Malaysia,*** thành phố Georgetown (bang Penang) có lịch sử phát triển đô thị kéo dài hơn 200 năm. Sự kết hợp giữa truyền thống tôn giáo, văn hóa và kiến trúc đã khiến Georgetown hiện nay trở thành một thành phố độc nhất vô nhị trên thế giới, đây là nơi các tôn giáo và văn hóa lớn của phương Đông và phương Tây hiện diện và hòa trộn. Georgetown cũng nổi tiếng là thành phố ẩm thực của Malaysia với các món ăn đường phố khác biệt, đa dạng. Chính phủ Malaysia và bang Penang đã có nhiều nỗ lực bảo tồn di sản ở Georgetown; và năm 2008, Georgetown được ghi vào Danh sách Di sản Thế giới của UNESCO.

Trong mâu thuẫn giữa xu hướng kinh tế hiện đại và bảo tồn di sản, xu hướng hiện đại đang có vẻ có lợi thế hơn ở Georgetown. Vì vậy, giống như nhiều thành phố cổ trên thế giới, nhiều tài sản/di sản Georgetown đang gặp đe dọa. Chính quyền bang Penang và thành phố Georgetown đã nhận thức được vấn đề nan giải này nên đã ban hành chính sách bảo tồn cho khu vực nội thành thành phố Georgetown; ban hành bộ hướng dẫn về di sản, trong đó xác dịnh rõ các đặc tính của tòa nhà có giá trị kiến trúc, lịch sử và văn hóa của Penang; đưa ra các quy định hướng dẫn phát triển du lịch tích cực và khuyến khích bảo tồn di sản;... Ủy ban di sản bang Penang cũng đã nhiều lần có động thái gây sức ép cho chính quyền liên bang về tầm quan trọng và sự cần thiết phải bảo tồn các di sản văn hóa ở bang. Nhờ đó, chính quyền liên bang đã chỉ định một công ty bảo tồn có uy tín thực hiện các nghiên cứu, xác định các tòa nhà di sản và khu vực cần bảo tồn, và đưa ra các hướng dẫn bảo tồn và chính sách hỗ trợ bảo tồn mới phù hợp hơn với Georgetown. Chính sách hỗ trợ bảo tồn của chính quyền liên bang đưa ra đã giúp Hội đồng thành phố Georgetown thực hiện được một số dự án phục hồi di sản.

Bên cạnh đó, chính quyền bang Penang cũng đã xây dựng một kế hoạch bảo tồn theo cách tiếp cận toàn diện, có sự tham gia của tất cả các bên liên quan: chính phủ liên bang, bang và địa phương, chủ sở hữu tài sản, nhà đầu tư và nhà phát triển tư nhân, NGO và các chuyên gia, cộng đồng văn hóa và tôn giáo, các nhà lãnh đạo chính trị và cư dân, người thuê nhà và nhà điều hành. Kế hoạch bảo tồn cũng xem xét cẩn thận nhằm đảm bảo cân bằng giữa bảo tồn tốt nhất di sản văn hóa của thành phố Georgetown và thúc đẩy phát triển du lịch. Du lịch được coi là giải pháp quan trọng nhất trong phát triển kinh tế ở thành phố Georgetown.

Chính quyền bang Penang cũng đã có động thái can thiệp và cung cấp các chương trình/chính sách ưu đãi cho chủ sở hữu tài sản di sản để yêu cầu và khuyến khích chủ sở hữu tài sản thực hiện việc bảo tồn. Các ưu đãi có thể dưới hình thức: cho vay hoặc tài trợ; phê duyệt nhanh chóng thủ tục xin cấp phép cải tạo, thay đổi sử dụng và cấp phép xây dựng; miễn thuế thu nhập và các loại phí khác; và hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng (như: hệ thống thoát nước, dây cáp điện và cải thiện vệ sinh đường phố, khu vực công cộng,..). Bên cạnh đó, chính quyền bang còn điều chỉnh hoạt động quản lý giao thông theo hướng khuyến khích sử dụng giao thông công cộng và đi bộ. Ngoài ra, chính quyền bang Penang và thành phố Georgetown cũng chú trọng phát triển các sản phẩm văn hóa, các sản phẩm chính hiệu mang tính đặc thù của địa phương. Những hoạt động văn hóa bản sắc, đặc thù địa phương thường rất hấp dẫn du khách (như: cầu nguyện, nghi lễ và lễ hội như Thaipusam, Hari Raya và Tết Nguyên Đán).

Nhìn chung, thời gian qua, chính quyền liên bang, chính quyền bang Penang và thành phố Georgetown đã có chính sách và kế hoạch rõ ràng, hiệu quả nhằm quản lý, bảo tồn di sản và phát triển du lịch. Các chính sách, kế hoạch tập trung vào:

* Đưa ra những quy định, chỉ dẫn rõ ràng để kiểm soát sự phát triển tự phát của các tài sản cá nhân/hộ gia đình;
* Ưu đãi tài chính và những hỗ trợ khác để khuyến khích bảo tồn, bảo trì, phục hồi và cải tạo cho các chủ sở hữu và nhà phát triển tư nhân;
* Có chương trình tôn tạo, phục dựng và làm đẹp các khu vực bảo tồn;
* Có kế hoạch kiểm soát giao thông, đỗ xe, giao thông công cộng, khu phố đi bộ;
* Có chương trình nâng cấp cơ sở hạ tầng và tiện ích;
* Có chương trình thúc đẩy nghiên cứu và thực hành các hoạt động văn hóa và các ngành nghề truyền thống; và
* Có kế hoạch phát triển và quảng bá du lịch.

Với cách tiếp cận rõ ràng, được cân nhắc kỹ lưỡng và toàn diện, có sự tham gia của cả khu vực tư nhân và chính phủ, nỗ lực bảo tồn và phát triển thành phố Georgetown nói riêng và bang Penang nói chung đã và sẽ giúp thúc đẩy phát triển kinh tế cũng như đảm bảo gìn giữ văn hóa của thành phố di sản Georgetown.

***Ở Úc,*** khung chính sách quản lý và bảo tồn di sản văn hóa đã được xây dựng và có tác dụng như một chỉ dẫn trong quá trình ra quyết định hàng ngày về bảo tồn và phát triển di sản. Khung chính sách nhằm đảm bảo hài hòa trong ra quyết định quản lý trước các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội với hoạt động bảo tồn di sản. Khung chính sách quản lý và bảo tồn di sản văn hóa bao gồm một số nội dung quan trọng như:

* Chính sách liên quan đến cảnh quan tự nhiên: đưa ra các quy định rõ ràng về cảnh quan và các cấu phần nằm trong khu vực cảnh quan và khu vực lân cận; kiến trúc tổng thể của thành phố di sản.
* Chính sách liên quan đến giá trị khảo cổ học: Các chính sách này bao hàm hết được các vấn đề về khảo cổ, có thể đã biết hoặc chưa biết, nằm trong khu vực di sản cũng như các hoạt động bảo tồn khảo cổ trong tương lai. Chính sách này xác định rõ những nguyên tắc/quy định bắt buộc trong hoạt động quản lý phù hợp với tập quán của từng khu vực di sản. Các nguyên tắc phải được tuân thủ như:
* Đối với các khu vực có tầm quan trọng đặc biệt, các khu vực này không được phép xâm phạm, ngoại trừ các sự kiện khảo cổ chuyên nghiệp thuộc các kế hoạch nghiên cứu toàn diện.
* Đối với các khu vực có tầm quan trọng, các hoạt động xâm phạm khu vực này cần được tránh (nếu có thể). Khi các hoạt động xâm phạm là không tránh khỏi, công tác đánh giá khảo cổ phù hợp và chuyên nghiệp phải được triển khai trước đó.
* Bất kì hoạt động nào tác động vào khu vực di sản cần được kiểm soát để đảm bảo duy trì và bảo tồn các giá trị khảo cổ.
* Các tiêu chuẩn quốc tế: Các tiêu chuẩn quốc tế cũng như các quy định trong nước cần được thảo luận để áp dụng lên các di sản một cách phù hợp, có tính toán đến các tác động có thể xảy ra.
* Cách thức khai thác di sản phù hợp: Tất cả các hình thức khai thác di sản đều phải được đánh giá mức độ ảnh hưởng đến giá trị của di sản. Các khu vực, vùng được sử dụng để phát triển phải được phân định một cách hợp lý.

***Ở Anh,*** việc quản lý và bảo tồn di sản văn hóa chủ yếu dựa vào vào các tổ chức xã hội dân sự. Các tổ chức này tham gia vào công tác bảo tồn các công trình kiến trúc, tổ chức các hoạt động để kỷ niệm, quảng bá giá trị của các di sản vật thể và phi vật thể. Các tổ chức này được tham gia vào từ các công tác tư vấn chính trong việc xây dựng một thành phố di sản, từ định dạng hình ảnh thành phố, cho đến thực hiện các hoạt động xã hội để phát triển và quảng bá di sản văn hóa.

Leeds Civic Trust là một trong số các tổ chức xã hội dân sự như vậy. Đây là một tổ chức tình nguyện, luôn mong muốn nhiều người tham gia và tạo ra lan tỏa tác động lên sự phát triển của thành phố Leeds cũng như hoạt động của nhiều tổ chức dân sự khác. Theo ông Leanne Buchan, Giám đốc Cục thể thao và văn hóa của thành phố Leeds, Leeds Civic Trust và nhiều các tổ chức phi chính phủ khác trong thành phố đang đóng vai trò vô cùng tích cực trong sự phát triển của thành phố du lịch này trong tương lai. Năm 2016, Leeds đã tiến hành xây dựng Chiến lược Văn hóa với mục tiêu kết nối tất cả các tổ chức, cá nhân có liên quan trong và ngoài thành phố để tạo cơ chế đồng thuận trong xây dựng một cơ chế phát triển di sản toàn diện ở Leeds. Hiện nay, các tổ chức xã hội dân sự đang tiếp tục là cầu nối để lan tỏa Chiến lược Văn hóa này rộng rãi ra khắp cộng đồng.

Hội đồng thành phố Leeds cũng đã thành lập Ban Hợp tác phát triển bền vững kinh tế và văn hóa của thành phố. Ban Hợp tác phát triển bền vững kinh tế và văn hóa đã duy trì cơ chế đối thoại định kỳ hàng quý với các tổ chức xã hội dân sự (trong đó có Leeds Civic Trust) để thảo luận và triển khai quảng bá rộng rãi tầm nhìn phát triển dài hạn của thành phố đến tất cả người dân và du khách. Gần đây, Leeds Civic Trust đã được Ban Hợp tác phát triển bền vững kinh tế và văn hóa giao chủ trì xây dựng Chiến lược bảo tồn và phát triển di sản của thành phố.

*Nhìn chung, theo Công ước di sản Thế giới, để bảo tồn các giá trị di sản văn hóa tại các thành phố di sản, việc thiết lập một hệ thống quản lý bảo tồn di sản văn hóa hiệu quả là bắt buộc. Các yếu tố quan trọng của một hệ thống quản lý hiệu quả bao gồm: (1) Có sự thấu hiểu sâu sắc về giá trị di sản của tất cả các chủ thể có liên quan; (2) Quy trình lập quy hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá thực hiện quy hoạch; (3) Có sự tham gia đầy đủ của các chủ thể liên quan; (4) Có sự đầu tư nguồn lực cần thiết; và (5) Nâng cao năng lực của bộ máy, trách nhiệm giải trình và sự minh bạch đối với các chức năng quản lý.*

## 2. Cơ chế, chính sách khai thác và phát triển di sản văn hóa

***Ở Đan Mạch*,** thành phố lớn thứ hai và có dân số hơn 1 triệu người sống ở khu vực miền Trung là Aarhus. Thành phố Aarhus có một vị trí hàng đầu như một điểm đến du lịch ở Đan Mạch bởi sức hút về mức độ chuyên môn hóa trong kiến trúc và thiết kế cao nhất ở Đan Mạnh, đồng thời cũng được mệnh danh là thành phố của những bảo tàng[[2]](#footnote-2). Hiện nay, Aarhus cũng là một trong những thành phố phát triển nhanh nhất ở Châu Âu về du lịch.

Có được thành công này cũng là nhờ có sự thay đổi trong tư duy và cách tiếp cận xây dựng cơ chế, chính sách khai thác và phát triển di sản văn hóa của thành phố, cùng với sự hỗ trợ tài chính rất lớn từ chính quyền trung ương. Chính quyền thành phố Aarhus luôn coi nghệ thuật và văn hóa là động lực tăng trưởng kinh tế và một phần không thể tách rời trong quá trình chỉnh trang và xây dựng hạ tầng vật chất của thành phố. Nghệ thuật, văn hóa và sáng tạo luôn luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong chính sách và kế hoạch phát triển văn hóa của thành phố. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách khác của thành phố (như: phát triển môi trường kinh doanh, phát triển đô thị, hội nhập quốc tế, thể thao và giải trí, trẻ em và thanh thiếu niên, y tế, dịch vụ công dân,…), chính quyền thành phố luôn gắn kết chặt chẽ các chính sách này với chính sách phát triển văn hóa của thành phố. Chính quyền thành phố luôn hướng tới hành động làm sao để thúc đẩy, đưa giá trị di sản văn hóa thành phố đến gần hơn với những nhóm du khách khác nhau giúp quảng bá và thúc đẩy du lịch.

Trong suốt 12 năm qua, thành phố Aarhus đã nhận được các khoản đầu tư rất lớn để xây dựng và chỉnh trang các di sản trên địa bàn thành phố. Mặc dù, phần lớn kinh phí đầu tư phát triển nghệ thuật và văn hóa, đặc biệt là hệ thống bảo tàng đến từ nguồn ngân sách của chính quyền trung ương, tuy nhiên, chính quyền thành phố đóng vai trò rất lớn trong việc kêu gọi, thu hút đầu tư. Chính quyền Aarhus rất tích cực và kiên trì trong việc vận động hành lang và đề xuất các gói hỗ trợ từ chính quyền trung ương cho việc tu bổ di sản và xây mới các dự án du lịch.

***Ở Pháp***, vùng Limousin là khu vực đông dân thứ hai của nước này, với khoảng 740.000 dân, trong đó 45% dân số sống ở khu vực nông thôn. Đây là một khu vực của người Viking với các hoạt động kinh tế dựa chủ yếu vào các ngành sản xuất nhỏ như dệt thảm, làm đồ gốm, sứ. Nhiều ngành nghề tại đây đã được đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO.

Để gìn giữ và thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề truyền thống, sản xuất nhỏ lẻ đã được đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể và các hoạt động văn hóa và sáng tại tại đây, chính quyền địa phương đã ban hành các chính sách hỗ trợ như:

(i) Hỗ trợ tài chính đối với một số ngành nghề truyền thống;

(ii) Tăng cường quảng bá các sản phẩm nghệ thuật, văn hóa tại địa phương;

(iii) Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để giúp nâng cao chất lượng của các sản phẩm nghệ thuật nhằm hấp dẫn người mua;

(iv) Xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm nghệ thuật.

Chính quyền thành phố đã quảng bá mạnh mẽ nhãn hiệu địa lý “Limousin - dám khác biệt” của mình, và khuyến khích các doanh nghiệp/tổ chức hoạt động tại địa phương (từ các cơ quan nhà nước đến các tổ chức phi chính phủ) sử dụng chung nhãn hiệu địa lý này. Một trong những mục tiêu của chiến lược này là làm hiện đại hóa những sản phẩm thủ công truyền thống của địa phương như đồ sứ, và dệt thảm. Bên cạnh đó, hàng năm, chính quyền thành phố đã chi 1 triệu USD để thực hiện Chiến lược biến thành phố trở thành trung tâm về dệt thảm quốc tế. Chiến lược này bao gồm các hoạt động như: xây dựng bảo tàng trưng bày thảm và hàng loạt các hoạt động khác nhằm phát triển ngành nghề dệt thảm (đào tạo, quảng bá, và đổi mới công nghệ). Mặc dù chi phí hàng năm cho Chiến lược này khá lớn, song kết quả rõ rệt nhất của việc thực hiện Chiến lược này là đã giúp củng cố và thúc đẩy ngành nghề dệt thảm truyền thống phát triển mạnh mẽ. Hàng loạt các đơn hàng đã được bán ra thị trường nước ngoài sau các chương trình quảng bá của thành phố. Bảo tàng mới thành lập hấp dẫn hơn 20.000 du khách mỗi năm. Ngành dệt thảm truyền thống tại đây ngày càng có nhiều cơ hội phát triển hơn khi có sự liên, kết hợp tác ngày càng nhiều giữa các cơ sở sản xuất truyền thống và các doanh nghiệp lớn.

***Ở Nauy,*** thành phố Bergen nổi tiếng là nơi vẫn giữ được bản sắc thời trung cổ. Thành phố tự hào có ba nhà thờ thời trung cổ và các khu định cư thời hậu cổ đại ở Nordnes và Marken,… Bergen vừa sống động với các tòa nhà lịch sử đại diện cho từng giai đoạn phát triển, đồng thời cũng là một thành phố hiện đại và năng động. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thành phố đối mặt với vấn đến vừa phải bảo tồn, gìn giữ di sản lịch sử của mình và vừa phải phát triển thành phố theo nhu cầu mới, theo hướng hiện đại. Chẳng hạn, đối với vấn đề giao thông, chính quyền thành phố phải xem xét, cân nhắc giữa vấn đề gìn giữ nền đường (bằng gỗ, nhỏ hẹp) và bến cảng với vấn đề mở rộng đường và xây dựng đường bằng các thiết bị hiện đại đáp ứng phương tiện giao thông lớn, hiện đại. Để giải quyết những áp lực này, trước hết, thành phố đã mời các chuyên gia thiết kế quy hoạch đô thị, những người am hiểu về cấu trúc thành phố lịch sử và bản sắc thành phố Bergen để lập quy hoạch phát triển thành phố. Quy hoạch phát triển thành phố đã có sự tính toán đến các xung đột trong dài hạn giữa bảo tồn và phát triển đô thị.

Văn phòng quản lý di sản tại thành phố Bergen đã phát triển một công cụ để tích hợp các giá trị di sản văn hóa vào quy trình xây dựng quy hoạch đô thị. Cùng với việc sử dụng một loạt bản đồ Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System), khung quy hoạch phát triển thành phố đã quy hoạch thành phố thành 4 khu vực chính, đó là: Khu vực sơ khai, Khu vực cấu trúc định cư, Khu vực liên kết và các khu vực có tính năng đặc biệt (với các đối tượng được liệt kê theo các mốc lịch sử). Khi xây dựng kế hoạch phát triển đô thị thành phố, Văn phòng quản lý di sản và các chuyên gia về di sản văn hóa luôn được mời thảo luận và tham gia ý kiến. Với cách làm này, quản lý di sản và phát triển đô thị luôn được tích hợp, đảm bảo bảo tồn tốt hơn bản sắc lịch sử của thành phố.

## 3. Cơ chế tài chính để phát triển thành phố di sản văn hóa

Trong khi nhu cầu bảo tồn các di sản văn hóa ở các thành phố di sản là rất lớn thì nguồn lực để thực hiện các hoạt động này lại thường bị thiếu hụt. Đây là trường hợp phổ biến ở các nền kinh tế đang gặp khó khăn do nguồn ngân sách nhà nước thì hạn hẹp và việc huy động vốn từ khu vực tư nhân là không khả thi. Do đó, việc cấp bách là phải có phương án sử dụng những nguồn lực hiện tại một cách hiệu quả nhất và tiếp cận thường xuyên những nguồn lực hỗ trợ khác. Đối với từng nguồn vốn, các hình thức vận động và phân bổ sẽ khác nhau:

Ở các nước, nguồn vốn hỗ trợ chủ yếu đối với việc bảo tồn di sản là từ nguồn ngân sách Trung ương/vùng hoặc địa phương. Mức độ quan trọng của nguồn lực từ các cấp chính quyền này khác nhau tùy thuộc vào tính chất thể chế của mỗi nước. Đối với các quốc gia có sự quản lý tập trung, nguồn ngân sách Trung ương là nguồn quan trọng nhất, trong khi đối với các quốc gia theo hệ thống liên bang, nguồn ngân sách được phân bổ sẽ chủ yếu đến từ ngân sách của vùng hoặc của địa phương. *Thực tế cho thấy, ngân sách càng chủ động từ cấp chính quyền thấp hơn (gần địa phương hơn) sẽ thường đáp ứng tốt hơn các nhu cầu ưu tiên của địa phương đó.* Do đó, việc phối hợp nguồn lực và sử dụng nguồn lực từ các cấp hay sự phối hợp giữa các địa phương hoặc cấp vùng sẽ mang lại những hiệu quả sử dụng nguồn lực tốt hơn.

Việc có một cơ chế tài chính đặc biệt cho các dự án phát triển thành phố di sản là cần thiết, do những lợi ích kinh tế mà các giá trị di sản văn hóa có thể mang lại. Các dự án bảo tồn và phát triển di sản được triển khai khi những giá trị về kinh tế tiềm năng của nó được các cấp chính quyền cũng như các nhà đầu tư tư nhân nhìn nhận rõ. Chẳng hạn, nghiên cứu của GDRC Reseaarch đã ước tính được: ở công viên quốc gia Keny, mỗi con sư tử có thể tạo doanh thu 27.000 đô la mỗi năm, mỗi đàn voi tạo ra 610.000 đô la, và mỗi hec-ta công viên có thể mang lại 40 đô la doanh thu mỗi năm. Những con số này cao gấp 50 lần so với lợi nhuận ròng mà cùng diện tích này được sử dụng để làm nông nghiệp.

Mối liên hệ giữa việc bảo tồn di sản và phát triển kinh tế, đặc biệt là trong việc phát triển du lịch, vẫn khiến các ngân hàng và các tổ chức tài chính tư nhân thận trọng. Đối với việc huy động vốn từ các tổ chức này, sự thành công trong việc gọi vốn phụ thuộc vào việc dự án được xây dựng như thế nào. Những mô hình bảo tồn di sản mẫu sẽ là những căn cứ cần thiết để cho giúp các tổ chức như vậy nhận ra giá trị kinh tế to lớn của lĩnh vực di sản. Tuy nhiên, để thực hiện mô hình thí điểm này, rất cần có sự ủng hộ và hỗ trợ đắc lực của các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền địa phương và của cộng đồng địa phương.

Thực tế cho thấy, *khi các dự án này có độ mở nhiều hơn cho sự tham gia của các đơn vị tư nhân (như là một kênh bổ sung/thay thế cho ngân sách công) thì việc bảo tồn di sản và phát triển kinh tế sẽ hiệu quả hơn*. Điều này đòi hỏi phía nhà nước phải hoàn thiện các cơ chế, quy định pháp luật, môi trường pháp lý và có sự phân định rõ ràng vai trò và trách nhiệm của nhà nước và tư nhân trong hợp tác đối với các dự án bảo tồn di sản. Các quy tắc và tiêu chuẩn rõ ràng liên quan đến bảo tồn di sản phải được thể chế hóa. Về phía tư nhân, việc đảm bảo năng lực thực hiện với chất lượng và tiến độ cao khi thực hiện dự án sẽ là những đặc điểm quan trọng để tham gia có hiệu quả trong những dự án hợp tác công - tư như vậy.

Tại châu Âu, các quỹ phát triển chung để dành cho các dự án, trong đó có dự án bảo tồn và phát triển thành phố di sản tại các nước thành viên được xác định theo từng kế hoạch 5 năm. Nguồn ngân sách cho mỗi 5 năm này sẽ được phân bổ cho các dự án được đề suất bởi các nước thành viên và được lựa chọn, phê duyệt bởi Ủy ban châu Âu (EC) từ đầu mỗi giai đoạn. Các quỹ phát triển khác nhau của EU có thể có những kế hoạch 5 năm không đều nhau và có thể cùng phục vụ mục đích phát triển di sản, tùy thuộc vào tính chất của dự án phát triển. Do vậy, một dự án bảo tồn, phát triển di sản văn hóa cũng có thể có được nguồn hỗ trợ Quỹ phát triển Vùng châu Âu (European Regional Development Fund) hay từ các Quỹ phát triển khác. Các tổ chức tư nhân và phi chính phủ có thể tiếp cận các thông tin liên quan đến các dự án phát triển di sản trên các cổng thông tin đại chúng. Việc công khai, minh bạch thông tin về dự án phát triển di sản giúp cho việc tìm kiếm những nguồn lực đầu tư được thuận lợi và linh hoạt hơn.

Cơ chế lựa chọn dự án Ủy ban châu Âu (EC) hay của các Quỹ phát triển khác được thực hiện theo hình thức đấu thầu. Theo đó, các dự án được lựa chọn phải được sự đồng thuận chung của đại diện của các vùng/quốc gia thành viên. Các dự án được các nước thành viên đề xuất phải chứng minh được hiệu quả và tính khả thi và thuyết phục cao. Các Quỹ phát triển tại châu Âu cũng thường dành ra những khoản hỗ trợ dự phòng để thực hiện các biện pháp hỗ trợ kỹ thuật nhằm đảm bảo hỗ trợ các vùng, địa phương trong việc phân tích tính khả thi của của án. Tại mỗi quốc gia thành viên, các chương trình riêng cũng được xây dựng để thực hiện các dự án liên quan đến di sản.

Bên cạnh chính sách đầu tư của nhà nước để phát triển thành phố di sản, việc phối hợp đồng bộ các công cụ tài chính (đặc biệt là cơ chế đặc về thuế, phí, trợ cấp và các nguồn phân bổ ngân sách,…) cùng với thực hiện đồng thời các chương trình hợp tác kỹ thuật sẽ giúp đảm bảo phát triển bền vững thành phố di sản.

## 3. Nhận xét chung

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy sự đa dạng và khác biệt trong chính sách phát triển thành phố di sản ở mỗi nước. Điểm chung lớn nhất là các thành phố di sản đều phải đối mặt với những mâu thuẫn trong phát triển kinh tế và bảo tồn di sản văn hóa. Việc phát triển thành phố di sản ngày nay vừa phải đáp ứng nhu cầu gìn giữ, bảo tồn lịch sử, bản sắc văn hóa địa phương và vừa phải theo hướng hiện đại. Mặc dù có sự khác biệt trong xây dựng và triển khai chính sách, nhìn chung các chính sách phát triển thành phố di sản đều hướng đến:

***(i) Xác định rõ ràng khu vực di sản trọng tâm:*** Các khu vực di sản trọng tâm trên thực tế đều được liên kết với các vùng đô thị, ven đô và nông thôn bao quanh. Do vậy, đòi hỏi các thành phố phải xác định rõ ràng phạm vi và ranh giới các khu vực di sản và các khu vực/vùng đệm. Từ đó việc lập chương trình hay lên kế hoạch phát triển thành phố di sản trở nên dễ dàng hơn. Việc bảo tồn di sản và phát triển đô thị sẽ được triển khai theo những mức độ khác nhau, phù hợp với từng khu vực của thành phố. Việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và nâng cao nhận thức cho các cơ quan quản lý và toàn xã hội về tầm quan trọng của di sản và phạm vi/ranh giới khu vực di sản lõi sẽ giúp hỗ trợ phát triển thành phố di sản theo hướng bền vững.

***(ii) Xây dựng và quảng bá hình ảnh nhận diện của thành phố có di sản:*** Các thành phố có di sản xây dựng chiến lược phát triển và bảo tồn thành phố dựa trên tinh thần tôn trọng các giá trị di sản và đặc điểm nhận diện riêng của thành phố. Theo đó, trung tâm di sản lịch sử sẽ được coi là biểu tượng, từ đó xây dựng sự gắn kết trong xã hội. Chiến lược phát triển và bảo tồn giúp ngăn chặn sự chuyển đổi tự phát của cá nhân, tổ chức hay doanh nghiệp nào đó nhằm hướng tới lợi ích tức thời. Để thực hiện chiến lược này, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp địa phương, nghệ nhân và các chủ thể trong nền kinh tế cần được tuyên truyền và nâng cao nhận thức về giá trị hình ảnh nhận diện của thành phố.

Hình ảnh văn hóa của công trình lịch sử hay hình ảnh nhận diện của thành phố trở thành tư liệu để xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế xoay quanh nó, đặc biệt là các chiến lược trong ngành công nghiệp, du lịch hoặc các ngành công nghiệp mới liên quan đến giá trị văn hóa và tri thức.

Hình ảnh nhận diện của thành phố được củng cố và quảng bá mạnh mẽ thông qua những công trình kiến trúc, cảnh quan không gian đô thị và các công trình xây dựng trong khu vực di sản. Theo đó, từng tòa nhà, tuyến phố trong khu vực trung tâm, cho dù là tài sản tư nhân hay của nhà nước đều phải được xây dựng thống nhất theo một chuẩn mực để cùng củng cố mạnh mẽ hình ảnh nhận diện của thành phố. Quan hệ đối tác giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức cộng đồng và khu vực tư nhân có vai trò rất quan trọng trong việc cùng xây dựng, củng cố và thực hiện chiến lược phát triển và bảo tồn thành phố di sản.

***(iii) Nâng cao chất lượng thể chế và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các chủ thể của nền kinh tế:*** Các vấn đề bảo tồn và phát triển di sản ở các nước đều đưa vào chính sách và luật cấp Trung ương, thậm chí còn được đưa vào Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và địa phương. Điều này giúp tạo căn cứ, cơ sở để xây dựng và triển khai các dự án, chương trình bảo tồn và phát triển đô thị.

Các dự án bảo tồn di sản và phát triển đô thị cũng được xây dựng dựa trên tầm nhìn phát triển dài hạn, rõ ràng, mạch lạc và dựa trên sự đồng thuận của các chủ thể trong xã hội. Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm quản lý chặt chẽ để đảm bảo mọi sự phát triển của đô thị phải tuân thủ theo các nguyên tắc phát triển đã được thành phố di sản đề ra. Trong nhiều trường hợp, việc sử dụng các chế tài nghiệm ngặt là cần thiết. Ngược lại, các chủ thể nằm trong khu vực di sản tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và có ý tưởng thực thi chính sách sáng tạo vì lợi ích chung của thành phố di sản sẽ được tuyên dương về vật chất và tinh thần.

Ngoài ra, chính sách phát triển thành phố gắn với hệ thống di sản thế giới nói chung và chính sách bảo tồn và phát triển di sản văn hóa nói riêng đòi hỏi một khung quản lý được phân cấp phù hợp. Sự phân cấp quản lý này bao gồm sự phân cấp về nguồn tài chính, con người, các nguồn tư liệu, kỹ thuật. Đặc biệt, rất cần có một cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền trung ương, chính quyền địa phương và chính quyền thành phố trong việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ gìn giữ và phát triển di sản văn hóa. Sự hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giữa mạng lưới các chuyên gia, viện nghiên cứu về phát triển di sản văn hóa trong nước và quốc tế cũng cần được duy trì.

# Phần 2

# TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

# CỦA THỪA THIÊN HUẾ PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

# I. Thực trạng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế

## 1. Thực trạng phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế

### *1.1. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển Thừa Thiên Huế*

Thừa Thiên Huế là vùng đất cổ xưa thuộc Vương quốc Chămpa. Trong mối quan hệ giao lưu Đại Việt và Chămpa qua nhiều thế kỷ, đã dung hợp hòa quyện được văn hóa Chămpa và văn hóa Đại Việt, góp phần tạo nên nét đặc trưng của lịch sử và văn hóa Huế, đặc biệt là nền kiến trúc đô thị Huế.

Thừa Thiên Huế là địa danh hành chính truyền thống của vùng đất châu Hóa, Thuận Hóa hay Phú Xuân. Huế là địa danh văn hóa xuất hiện từ rất sớm để chỉ vùng đất châu Hóa cũ. Sau này khoảng năm 1899, Huế được sử dụng làm địa danh hành chính khi người Pháp thành lập thị xã Huế. Như vậy, hai địa danh Thừa Thiên và Huế đều chỉ chung một vùng đất. Trong lịch sử, Thừa Thiên Huế từng là nơi có vị trí chiến lược đặc biệt “phên dậu thứ tư về Phương Nam” của Đại Việt (thế kỷ XV), nơi “đô hội lớn của một phương” (thế kỷ XVI-XVIII), là kinh đô của các triều đại vua Nguyễn (1788-1945); là đô thị lớn khu vực miền Trung trong thời Pháp thuộc; ngày nay thành phố Huế gắn với Thừa Thiên Huế là 1 trong những đô thị cấp Quốc gia. Qua các thời kỳ, đô thị Huế vừa giữ được bản sắc văn hóa riêng của mình, vừa hòa nhập đón nhận những yếu tố mới và từ đó phát triển mạnh mẽ hơn để lại những thành tựu lớn cho các thế hệ mai sau về những quần thể không gian văn hóa, kiến trúc đô thị đặc sắc hòa quyện với thiên nhiên, gần gũi với con người.

Các thời kỳ hình thành và phát triển đô thị tại Thừa Thiên Huế được đánh dấu qua các mốc thời gian như sau:

*Thời kỳ đô thị hoá lần thứ 1* (năm 1471), lúc này biên giới Đại Việt mở rộng đến Phú Yên. Khoảng thế kỷ XIV đến thế kỷ XVI thành Hóa Châu bắt đầu phát triển theo dạng đô thị hóa tập trung dân cư phi nông nghiệp và tỏa rộng ảnh hưởng từ ngã ba Sình dọc theo sông Bồ. Hóa Châu đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, văn hóa, giáo dục. Trung tâm của Hóa châu là phủ Triệu Phong với lỵ sở là thành Hóa Châu, nơi đặt nha môn của Tam ty, với phủ thự, trường học, binh xá của vệ sở làm cho cả một vùng làng mạc xung quanh sầm uất, phồn thịnh. Các quần cư phi nông nghiệp sống bằng nghề thủ công truyền thống tập trung thành từng làng, từng phường tồn tại đến ngày nay.

*Thời kỳ đô thị hoá lần thứ 2* (năm 1636), Chúa Nguyễn dời phủ chúa lên Kim Long và phát triển đô thành Phú Xuân tỏa rộng ảnh hưởng 2 bên bờ sông Hương, nối với cảng Thanh Hà, đặt nền móng cho vệc đô thị hóa ở mức hoàn chỉnh hơn của Kinh đô triều Nguyễn sau này.

Đô thành Phú Xuân là nơi phồn hoa đô hội, quy tụ nhiều thợ giỏi và nhân tài trong và ngoài nước đến sinh sống, đạt nhiều thành tựu về kinh tế, xã hội, văn hoá, tư tưởng, nghệ thuật,... Phú Xuân có đủ hệ thống kiến trúc đô thành, dân cư kinh thành gắn với các làng nghề, các phường buôn bán. Sản xuất hàng hóa phát triển, mở rộng thị trường buôn bán với nước ngoài (Nhật, Trung quốc, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp) thông qua cảng Thanh Hà và phố cổ Bao Vinh. Quần cư đô thị phát triển theo hình thái nhà vườn gắn liền với sông Hương.

*Thời kỳ đô thị hoá lần thứ 3* (năm 1804) Vua Gia Long lên ngôi và xây dựng kinh thành “thương đô của đế vương” xứng với tầm vóc của một đất nước thống nhất có lãnh thổ rộng lớn. Thành quả thời kỳ này là một cố đô lịch sử với tổng thể di tích hoàn chỉnh, gồm hàng trăm công trình kiến trúc thành trì, cung điện, dinh thự, lăng tẩm, phủ phòng, đền miếu, đình chùa, phố thị... được sắp xếp theo một ý đồ quy hoạch thống nhất, chặt chẽ, cân đối, hài hoà, thể hiện toàn cảnh, phản ánh trung thực cơ chế của triều đình nhà Nguyễn, từ hạ tầng cơ sở đến thượng tầng kiến trúc. Là kho sử liệu vật chất phong phú về một giai đoạn lịch sử của đất nước, một di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và là tài nguyên quí báu để phát triển kinh tế, văn hóa và du lịch. Ông M Baw nguyên tổng giám đốc UNESCO nhận định “Kinh thành Huế là một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị...”.

Không gian kinh thành Huế không phải là không gian đô thị nội – ngoại thành kiểu đô thị tập trung thời hiện đại, được trải rộng đến tận Phá Tam Giang, đầm Cầu Hai, núi Bạch Mã, cửa sông Hương ra biển Đông. Hàng trăm phủ đệ, hệ thống lăng tẩm, các phường thủ công, làng nghề dịch vụ nằm tại các khu vực Bao Vinh, Kim Long, Xuân Hoà, Vĩ Dạ, Nam Phổ, Ngọc Anh, Lại Thế, Nguyệt Biều, An Cựu,... Vì thế, với kinh thành Huế, bao gồm cả nội thành và vùng ven Huế thực chất là nột thành tố cấu trúc đô thị cổ và ranh giới đô thị cổ Huế được mở rộng ngay từ thời này, vươn ra khỏi địa giới hành chính của thành phố.

*Thời kỳ đô thị hoá lần thứ 4* (năm 1885) Người Pháp hình thành thị xã Huế năm 1898 và nâng lên thành thành phố Huế năm 1929, mở rộng đô thị phía bờ Nam sông Hương "khu phố Tây" theo hình thái đô thị Châu Âu. Các cơ sở hạ tầng quan trọng của cấu trúc đô thị được hình thành, như: Bệnh viện, trường Quốc học Huế, các công sở, nhà máy rượu, nhà máy điện, đường sắt, nhà ga...

Khi xây dựng đô thị mới, người Pháp đã đặt thành phố Huế trong một không gian khá rộng với nhiều công trình quan trọng như: Nhà máy nước Vạn Niên, sân bay Phú Bài, cảng Thuận An, vùng nghỉ mát Cảnh Dương, Bạch Mã,... Một loạt các tỉnh lộ được hình thành nối liền Huế - Tây Thành - Sịa - Phong Lai (tỉnh lộ 5 cũ), Huế - Long Hồ - Ngọc Hồ (tỉnh lộ 6 cũ), Huế - A Lưới (tỉnh lộ 12), Huế - Khe Tre, Huế - Chợ Mai - Phú Thứ - Phú Bài, Huế - Thuận An - Tư Hiền là các tuyến đường huyết mạch nối thành phố với các cụm kinh tế - văn hoá thành một thể thống nhất.

*Thời kỳ đô thị hoá lần thứ 5:* Thời kỳ đất nước thống nhất

Từ 1975 - 1989: Huế là tỉnh lỵ của tỉnh Bình Trị Thiên (cũ). Sau năm 1989, Thừa Thiên tách khỏi tỉnh Bình Trị Thiên, thành phố Huế là thành phố của Thừa Thiên Huế.

Năm 2005, thành phố Huế được nâng cấp lên đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Quyết định số 209/2005/QĐ-TTg ngày 24/8/2005).

Năm 2007, thành phố Huế được công nhận là thành phố Festival (theo Quyết định số 143/2005/QĐ-TTg ngày 30/8/2007).

Năm 2009, thị trấn Phú Bài thuộc huyện Hương Thủy được công nhận là đô thị loại IV.

Năm 2010, Chính phủ ban hành Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 9/2/2010 về việc thành lập thị xã Hương Thủy thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở toàn bộ huyện Hương Thủy, đồng thời thành lập các phường thuộc thị xã Hương Thủy. Năm 2010, thị trấn Tứ Hạ thuộc huyện Hương Trà được công nhận là đô thị loại IV.

Năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết 99/NQ-CP ngày 15/11/2011 về việc thành lập thị xã Hương Trà thuộc tỉnh Thừa Thiên-Huế gồm toàn bộ huyện Hương Trà.

Năm 2013, thị trấn Thuận An mở rộng thuộc huyện Phú Vang được công nhận là đô thị loại IV.

Trong những năm qua, nhiều dự án trọng điểm của quốc gia đã được thực hiện trên địa bàn Thừa Thiên Huế, như: Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, khu kinh tế cửa khẩu AĐớt; trùng tu hệ thống Di sản Cố đô Huế, Hầm đèo Hải Vân, Khu du lịch quốc gia Lăng Cô, cầu vượt Đầm phá Tam Giang, sân bay quốc tế Phú Bài,...

Không gian đô thị Thừa Thiên Huế bao gồm cả thành phố trung tâm và các thị trấn sinh thái, khung cảnh thiên nhiên và cấu trúc dân cư sẽ tiếp tục đô thị hóa mở rộng. Với định hướng quản lý hành chính phù hợp, Thừa Thiên Huế hoàn toàn có thể trở thành thành phố hiện đại, lưu giữ trong mình Cố đô lịch sử, đảm nhận được những thách thức mới trong quá trình phát triển. Trong suốt bề dày lịch sử, Thừa Thiên Huế dù là Thủ phủ - Đô thành - Kinh đô - Thị xã hay Thành phố thì Thừa Thiên Huế vẫn luôn là một thành phố Anh hùng, thành phố Di sản thế giới, là Trung tâm văn hóa và du lịch đặc sắc, thành phố Festival, là TRUNG TÂM quan trọng về y tế, giáo dục và khoa học của đất nước.

### *1.2. Thực trạng về đầu tư và xây dựng đô thị*

***Thời gian qua, Thừa Thiên Huế đã được xây dựng và phát triển đồng bộ theo hướng di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và hướng tới thành phố thông minh*.** Tỉnh luôn chú trọng công tác: (i) quy hoạch và đầu tư xây dựng theo lợi thế và bản sắc riêng có; (ii) tập trung phát triển hạ tầng giao thông đối ngoại kết nối Huế với các địa phương của Việt Nam và thế giới; (iii) hoàn thành nâng cấp đô thị trung tâm, 3 đô thị động lực Hương Thủy, Hương Trà và Thuận An; và (iv) tiếp tục chú trọng đầu tư, nâng cấp đô thị Chân Mây. Xây dựng đô thị Huế gắn với môi trường "*xanh- sạch- sáng*" theo hướng đô thị thông minh của Việt Nam.

Đến nay, toàn tỉnh có có 12 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại I *(thành phố Huế),* 3 đô thị loại IV *(thị xã Hương Thủy, Hương Trà và thị trấn thuận An mở rộng)* và 7 đô thị loại V *(thị trấn: Phong Điền, Sịa, Phú Lộc, Lăng Cô, Phú Đa, A Lưới, Khe Tre, Lộc Sơn)*. Bên cạnh đó, đã ã hình thành cụm đô thị động lực Huế - Tứ Hạ - Phú Bài - Thuận An. Hiện nay, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 52,7% *(tăng 9,6% so với năm 2009).* Dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 60% *(tăng 16,9% so với năm 2009).*

***Công tác đầu tư và xây dựng đô thị ở Thừa Thiên Huế đã có nhiều thuận lợi, đó là:***

*(i) Công tác xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch đã được quan tâm và dần được đồng bộ hóa:*Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị để làm cơ sở huy động nguồn lực đầu tư và triển khai các dự án phát triển hạ tầng đô thị lõi của đô thị Thừa Thiên Huế. Hiện nay, tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng đô thị toàn tỉnh đạt 100%. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết xây dựng *(quy hoạch phân khu)* so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt trung bình 58,12%. Tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu tại các đô thị trung tâm như thành phố Huế đạt 95,26%, thị xã Hương Trà đạt 18,24%, thị xã Hương Thủy đạt 17,83%; quy hoạch chi tiết đạt khoảng 14,1%. Tỷ lệ các xã hoàn thành lập quy hoạch nông thôn mới đạt 92/92 xã (100%).

*(ii) Một số đô thị/khu vực động lực của tỉnh được ưu tiên đầu tư xây dựng:*

- *Thành phố Huế:* Được tập trung nguồn lực để chỉnh trang đô thị, ưu tiên cải tạo, chỉnh trang các phường nội thành. Thực hiện các dự án di dời, giải tỏa, tái định cư các hộ dân sống trong vùng bảo vệ di tích khu vực 1 Kinh Thành Huế. Chỉnh trang, nạo vét một số sông chính như Ngự Hà, Đông Ba, sông Hương, sông Kẻ Vạn, sông An Hòa… Hoàn thành xây mới cầu Dã Viên qua sông Hương, nâng cấp hệ thống cầu qua sông An Cựu. Hoàn thành chỉnh trang một số đường trục chính trong thành phố Huế *(đường Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, Ngô Quyền, Hùng Vương, Lê Quý Đôn, Tố Hữu, Đống Đa, Điện Biên Phủ, Phan Bội Châu, Chi Lăng, Phan Đăng Lưu, Đặng Thái Thân…);* chỉnh trang công viên dọc bờ sông Hương. Tỉnh đang tập trung chỉnh trang một số tuyến đường đến các điểm di tích, làng đại học và chỉnh trang tôn tạo sông Ngự Hà, khu vực Thượng Thành và Eo Bầu. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án cải thiện môi trường nước thành phố Huế. Hoàn thành xây dựng Khu hành chính tập trung. Tiếp tục đầu tư một số trục giao thông chính trong khu đô thị An Vân Dương. Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư để khởi công dự án Chương trình phát triển các đô thị loại II *(các đô thị xanh).* Trong đó, thành phố Huế được tập trung nguồn lực để đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang hệ thống giao thông nội thị, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh,... trong các phường nội Thành và đang triển khai thực hiện các dự án ODA[[3]](#footnote-3) nhằm phát triển cơ sở hạ tầng và tăng cường năng lực quản lý đô thị, tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, nâng cao chất lượng môi trường, tạo cảnh quan cho thành phố. Hoàn thành xây mới cầu đi bộ bằng gỗ Lim trên sông Hương tạo điểm nhấn về kiến trúc cảnh quan đô thị,…

- *Thị xã Hương Thủy, Hương Trà, thị trấn Thuận An* được ưu tiên đầu tư xây mới, nâng cấp các công trình hạ tầng đạt chuẩn đô thị loại IV. Xây dựng trục giao thông Thủy Dương - Thuận An kết nối đô thị Thuận An với thành phố Huế và thị xã Hương Thủy; xây dựng các khu đô thị mới gắn với chỉnh trang các tuyến đường, công viên, điểm xanh... trên địa bàn các thị xã, thị trấn.

- *Khu đô thị mới An Vân Dương*: Đầu tư xây dựng các dự án khu đô thị, khu chung cư. Đã hoàn thiện và lắp đầy Khu đô thị An Cựu City, Khu Phú Mỹ An, The Manor, Thủy Vân 1,2... với tổng mức đầu tư hơn 10 nghìn tỷ đồng. Các dự án tại khu đô thị mới An Vân Dương được hình thành theo hướng hiện đại. Đã đầu tư xây dựng các khu nhà ở cho người có thu nhập thấp, hình thành quỹ nhà ở xã hội, hoàn thành cơ bản xây dựng các ký túc xá sinh viên Đại học Huế, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Sư phạm,...

Huy động nguồn lực xây dựng hơn 5.000 nhà ở cho các hộ nghèo; hoàn thành tái định cư 1.200 hộ dân thủy diện và gần 1.000 hộ dân vạn đò trên sông Hương. Hệ thống công sở, trụ sở cơ quan được sắp xếp; hoàn thành xây dựng khu hành chính tập trung thành phố Huế; đang triển khai thi công khu hành chính tập trung của tỉnh. Đồng thời, sắp xếp quỹ đất các cơ quan theo hướng ưu tiên phát triển du lịch, dịch vụ, tạo sự khang trang về kiến trúc của đô thị Thừa Thiên Huế trong những năm tới.

- *Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng, xây dựng đô thị Chân Mây - Lăng Cô* đạt tiêu chuẩn đô thị loại III và các trung tâm tiểu vùng Bình Điền, Phong An, Thanh Hà, Vinh Thanh, Vinh Hiền, La Sơn, Điền Lộc từng bước đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

*(iii) Hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại hơn:*

- Về giao thông đối ngoại: đã hoàn thành nâng cấp sân bay Quốc tế Phú Bài *(công suất 1,5 triệu hành khách/năm 2012, đến nay công suất thực tế là 2,2 triệu hành khách năm 2019)*, Dự án hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia, tuyến đường La Sơn - Túy Loan; bàn giao mặt bằng dự án mở rộng nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế Phú Bài lên 5 triệu hành khách/năm,…

- Giao thông kết nối: các đô thị được đầu tư, hình thành các trục kết nối Huế - Tứ Hạ - Bình Điền*,* đường Nguyễn Chí Thanh - Quảng Điền kết nối đô thị ven biển phía Bắc với thành phố Huế,… Hoàn thành đường La Sơn - Nam Đông đáp ứng nhu cầu kết nối hai huyện miền núi Nam Đông và A Lưới với thành phố Huế và tuyến Quốc lộ 1A; dự án Quốc lộ 49A.

- Giao thông nông thôn: được kiên cố hóa, xúc tiến một số tuyến giao thông quan trọng phá thế chia cắt ở vùng Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai như tuyến Phong Điền - Điền Lộc, Thủy Phù - Vinh Thanh; đường Tây phá Tam Giang; đầu tư nâng cấp 65 km đê biển kết hợp giao thông,…

- Hạ tầng thủy lợi và ứng phó biến đổi khí hậu tiếp tục được ưu tiên. Toàn tỉnh có hơn 800 công trình thủy lợi; 56 hồ thủy lợi và 7 hồ thủy điện, tổng dung tích hơn 2 tỷ m3 *(tổng dung tích năm 2009 là 100 triệu m3)*; đã kiên cố hóa 1.180 km/1.802 km kênh, mương thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, đạt tỷ lệ 65,5%; chỉ đạo thực hiện tốt quy trình vận hành liên hồ chứa, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão. Hoàn thành xây dựng Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão Phú Hải, tiếp tục đầu tư khu neo đậu tránh, trú bão kết hợp bến cá Thuận An, Cầu Hai; hạ tầng tái định cư vùng sạt lở và lũ quét; các công trình khắc phục hậu quả lũ, lụt được ưu tiên đầu tư.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị Huế và vùng phụ cận được nâng cấp, cải tạo; nâng tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đến nay lên 97% *(tăng 30% so với năm 2009)*. Có 99% dân số vùng nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh *(tăng 12% so với năm 2009)*; trong đó, tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt trên 80%*.* Xây mới hệ thống cấp nước thị trấn Phú Lộc và các xã lân cận, hoàn thành lắp đặt các tuyến cấp nước tập trung đầm phá Tam Giang để cung cấp nước cho nhân dân các xã ven biển. Tiếp tục triển khai dự án cấp nước toàn tỉnh *(vốn vay ADB)*, dự kiến đến năm 2020 sẽ hoàn thành hơn 700 km đường ống, góp phần nâng cao năng lực của mạng lưới tuyến ống hiện có. Đồng thời, mở rộng cấp nước cho 31 phường, xã *(gồm 8 xã mới: Phong Xuân, Phong Mỹ, Phú Diên, Vinh Xuân, Vinh Thanh, Vinh An, Vinh Giang, Vinh Hải)* với hơn 88.000 người được tiếp cận nước sạch, nâng tỷ lệ người dân dùng nước sạch toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 93% *(khoảng 1.050.000 dân)*.

- Hệ thống cấp điện đến thời điểm hiện nay, về nguồn điện gồm nguồn cấp từ 2 TBA 220 kV với tổng công suất là 500 MVA; 7 nhà máy thủy điện đang hoạt động với tổng công suất là 331,7 MW; 1 nhà máy điện Mặt trời với tổng công suất là 48 MWp. Về lưới điện gồm lưới điện 500kV, tổng chiều dài khoảng 147 km, mạch 1 và mạch 2 mỗi mạch 73,5 km; lưới điện 220 kV, tổng chiều dài các tuyến là 122,65 km; lưới điện 110 kV bao gồm 12 TBA với tổng công suất là 516 MVA và 408,89 km đường dây 110 kV. Lưới điện trung hạ áp bao gồm 2.252 TBA phân phối *(35 kV và 22 kV),* tổng công suất là 703,6 MVA và 1.782 km đường dây trung thế, hơn 2.819 km đường dây hạ thế. Đến nay, đã có 99,5% số hộ được cấp điện; 78,92% đường phố chính của đô thị được chiếu sáng; và tỷ lệ ngõ, hẻm đã có chiếu sáng đạt 34,79%.

- Hạ tầng xử lý chất thải: Hoàn thành dự án cải thiện môi trường đô thị Lăng Cô; triển khai dự án Cải thiện môi trường nước thành phố Huế *(vốn ODA Nhật Bản)*. Trong những năm qua, tỉnh đã tập trung nguồn lực để phát triển hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nhằm cải thiện khả năng thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh *(trong đó chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạ*t), để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Triển khai đầu tư xây dựng 2 khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy hoạch: phía Nam tại xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy *(với công suất xử lý 500 tấn/ngày)* và phía Bắc tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà *(với công suất xử lý 200 tấn/ngày).* Hình thành hệ thống thu gom chất thải rắn ở các huyện, xã; cơ bản hoàn thành các công trình vệ sinh công cộng trong trường học và một số nơi công cộng. Đến nay, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 96% *(tăng 35% so với năm 2009).* Số đô thị có hệ thống thu gom nước thải đạt chuẩn tăng từ 7 đô thị *(2010)* lên 14 đô thị, chiếm 72% *(năm 2019).*

- Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng một số vùng động lực như: (i) Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô[[4]](#footnote-4), các dự án thuộc đề án “*Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”*; hạ tầng phát triển đô thị và phục vụ phát triển du lịch[[5]](#footnote-5); đầu tư trùng tu bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế[[6]](#footnote-6); đầu tư phát triển hạ tầng xã hội trong lĩnh vực y tế, giáo dục văn hóa[[7]](#footnote-7); và xây dựng các công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư[[8]](#footnote-8).

- Hạ tầng viễn thông và thông tinphát triển đúng quy hoạch, phủ kín và phù hợp với không gian phát triển đô thị hiện đại. Công nghệ và hạ tầng viễn thông, truyền hình kỹ thuật số, mạng lưới truyền dẫn vô tuyến điện, phát tải thông tin phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc ngày càng cao của xã hội. Mạng Internet đã kết nối liên thông cơ quan, đơn vị các cấp, đến tận các khu dân cư và nhiều điểm ở vùng xa của hai huyện miền núi A Lưới, Nam Đông. Hạ tầng phục vụ thông tin cơ sở, truyền dẫn phát thanh - truyền hình được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại, ứng dụng và kết nối các kỹ thuật tiến bộ theo lộ trình số hóa đến năm 2020, phục vụ tốt nhiệm vụ tuyên truyền, truyền thông tại các địa phương.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư theo hướng xây dựng Thừa Thiên Huế thành trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin mạnh của khu vực và cả nước. Đã xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh, có chức năng tiếp nhận phản ánh, theo dõi xử lý tất cả các vấn đề của người dân thông qua mạng xã hội, website và ứng dụng Huế - S chạy trên điện thoại di động. Hoạt động này đã làm thay đổi hoàn toàn cách thức và năng lực tổ chức, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính quyền các cấp; nhờ đó, đã đạt giải thưởng Viễn thông Châu Á (Telecom Asia Awards 2019) ở hạng mục Dự án thành phố thông minh sáng tạo nhất Châu Á. Hiện nay, Thừa Thiên Huế là thành viên chính thức gia nhập vào chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung của cả nước. Chính quyền điện tử các cấp ngày càng hoàn thiện đồng bộ, hiện đại, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền và cung cấp tốt các dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và đón đầu kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, liên thông “*một cửa”* quốc gia và khu vực ASEAN. Đã thông qua đề án và bước đầu đưa vào áp dụng các giải pháp quản lý đô thị thông minh trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch, giao thông vận tải, giám sát và quản lý các lĩnh vực xây dựng, môi trường và trật tự đô thị,...

*(iv) Công tác trùng tu, bảo tồn di tích đã được cải thiện rõ rệt và nguồn lực huy động cho công tác này cũng ngày càng tăng:*

Việc huy động các nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng được tỉnh đặc biệt quan tâm. Sau năm 1975 chiến tranh và thiên nhiên khắc nghiệt đã làm cho các di tích bị tàn phá và xuống cấp nghiêm trọng, toàn bộ khu vực Tử Cấm Thành gần như bị hư hại hoàn toàn. Khu vực Hoàng Thành chỉ còn lại 80 công trình so với tổng số 147 công trình kiến trúc nguyên thuỷ; khu vực Kinh thành chỉ còn 97 công trình nguyên thủy so với tổng số 306 công trình; lăng vua Gia Long có 20 công trình nguyên thủy so với 44 công trình; lăng vua Minh Mạng có 21 công trình nguyên thủy so với 40 công trình; lăng vua Thiệu Trị có 19 công trình nguyên thủy so với 40 công trình; tương tự, lăng vua Tự Đức có 19 công trình so với 40 công trình,... Toàn bộ Quần thể Di tích Cố đô Huế sau chiến tranh chỉ còn khoảng 300 công trình lớn nhỏ, hầu hết đều bị hư hỏng ở những mức độ khác nhau, nhiều công trình xuống cấp nghiêm trọng và có nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Nhờ nhận được sự quan tâm đặc biệt từ các bộ, ngành trung ương và sự quyết tâm của các cấp lãnh đạo tỉnh, hàng trăm hạng mục kiến trúc cảnh quan được tiến hành tu bổ, trùng tu, tôn tạo. Từ năm 1993, sau khi được UNESCO đưa vào danh mục Di sản văn hóa thế giới, công tác bảo tồn, tu bổ đã được tập trung triển khai và thu được những kết quả tốt, diện mạo Quần thể Di tích Cố đô Huế ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực, đến cuối thập niên 1990 đã được UNESCO đánh giá là vượt qua giai đoạn “*cứu nguy khẩn cấp*” để chuyển sang giai đoạn “*ổn định và phát triển bền vững*”.

Tốc độ đầu tư cho công tác trùng tu bảo tồn di tích cũng tăng lên nhanh. Trong giai đoạn từ năm 1996-2010, ngân sách trùng tu và tôn tạo di tích Cố đô Huế là 586 tỷ đồng và giai đoạn 2011-2016, ngân sách tu bổ đạt gần 600 tỷ đồng. Năm 2017, toàn bộ ngân sách dành cho trùng tu di tích và giải phóng mặt bằng đạt 180 tỷ đồng, năm 2018 là 276 tỷ đồng. Với nguồn đầu tư trong nước và sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, sau 25 năm kể từ khi trở thành Di sản thế giới, tại cố đô Huế đã có khoảng 175 công trình được bảo tồn, trùng tu, tiêu biểu như: Ngọ Môn, Điện Thái Hòa, hệ thống trường lang Tử Cấm Thành, Thái Bình Lâu, cụm di tích Thế Miếu, cung Diên Thọ, cung Trường Sanh, nhà hát Duyệt Thị Đường, vườn Thiệu Phương, vườn Cơ Hạ, lầu Tứ Phương Vô Sự, điện Long An (Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế), cung An Định, các công trình tại lăng vua Gia Long, lăng vua Minh Mạng, lăng vua Thiệu Trị, lăng vua Tự Đức, lăng vua Dục Đức, lăng vua Đồng Khánh, chùa Thiên Mụ, Văn Miếu, điện Hòn Chén, đàn Nam Giao, đàn Xã Tắc, hệ thống các cổng Kinh thành, hệ thống tường Kinh thành mặt nam... Hệ thống hạ tầng, cảnh quan khu di tích cũng được đầu tư trùng tu tôn tạo một cách bài bản, khoa học. Với những thành tựu đã đạt được, Huế được UNESCO, Hội đồng di sản văn hóa quốc gia, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá là ngọn cờ đầu trong trùng tư, bảo vệ di sản. ***Ủy ban di sản thế giới thuộc UNESCO cũng đã khuyến nghị Việt Nam nên đầu tư xây dựng Huế trở thành một trung tâm chuẩn mực về trùng tu di sản và đào tạo công nghệ bảo tồn di sản kiến trúc gỗ tại khu vực châu Á- Thái Bình Dương.***

Bên cạnh một số thuận lợi trong đầu tư và xây dựng đô thị, việc phát triển ***tỉnh Thừa Thiên Huế gặp một số vấn đề khó khăn***, đặc biệt là vấn đề “phấn đấu đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương” (theo tinh thần Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị khóa X). Hiện nay, theo quy định hiện hành, thành phố đang gặp vướng mắc, đó là:

Năm 2014, đánh giá các tiêu chí phân loại đô thị theo Nghị định 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ thì khu vực ***thành phố Huế và vùng phụ cận***, đạt 78,84/100 điểm tối đa, vượt 8,84 điểm so với điểm chuẩn tối thiểu của đô thị loại I *(tại điểm 3.1 Thông báo 175-TB/TW).* Tuy nhiên, đánh giá tổng thể đô thị trung tâm Thừa Thiên Huế theo tiêu chí đô thị loại I được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khu vực thành phố Huế và vùng phụ cận bao gồm thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và thị trấn Thuận An mở rộng đạt 67,25/100 điểm. Các tiêu chuẩn khó đạt được đối với đô thị Huế, bao gồm tỷ lệ tăng dân số hàng năm, quy mô dân số, mật độ dân số đô thị. Với tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm của tỉnh khoảng 1,003% thì tiêu chuẩn về mật độ dân số toàn đô thị đối với đô thị loại I phải đạt ≥ 2.000 người/km2 (khu vực đô thị trung tâm hiện nay đạt khoảng 1.678 người/km2) và mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị theo quy định phải đạt ≥ 10.000 người/km2 (khu vực đô thị trung tâm hiện nay đạt khoảng 5.237 người/km2) là không thực hiện được. Mặt khác, tỉnh Thừa Thiên Huế đang định hướng phát triển đô thị và đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng đô thị “di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường”, việc tăng mật độ dân số áp dụng cho đô thị Huế là không phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh. Vì vậy, việc áp dụng các tiêu chuẩn như các đô thị loại I trực thuộc Trung ương khác sẽ gây nên các tác động tiêu cực đến di sản văn hóa và thậm chí có thể đi ngược với quan điểm bảo tồn di sản đô thị.

- Công tác bảo tồn, tôn tạo di tích còn chậm; đặc biệt, công tác di dời các hộ dân lấn chiếm di tích còn nhiều khó khăn. Quản lý, khai thác các giá trị di sản chưa phát huy hiệu quả, chậm đổi mới trong mô hình xã hội hoá đầu tư.

## 2. Vai trò, vị thế của tỉnh Thừa Thiên Huế đối với vùng và quốc gia

### *2.1. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực kinh tế[[9]](#footnote-9)*

*- Xét về quy mô kinh tế:* quy mô kinh tế của tỉnh (GRDP theo giá hiện hành) tăng qua các năm, tuy vậy tỷ trọng đóng góp của tỉnh trong quy mô kinh tế toàn vùng còn khiêm tốn, chiếm khoảng 4.95% tổng GRDP của toàn vùng BTB-DHMT (đứng thứ 10/14 tỉnh, thành trong vùng). Tốc độ tăng trưởng GRDP của Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2018 đạt 9,72%/năm (cao hơn mức trung bình của vùng là 9,43%/năm) và đứng thứ 5/14 tỉnh, thành của vùng.

*- Xét về thu hút doanh nghiệp:* Thừa Thiên Huế là tỉnh thu hút số lượng doanh nghiệp đứng thứ 9/14 tỉnh, thành. Năm 2018, tỉnh đã thu hút được khoảng 3.622 doanh nghiệp, chiếm khoảng 4.75% tổng số doanh nghiệp hoạt động trong vùng BTB-DHMT.

*- Xét về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài:* so với các tỉnh vùng BTB-DHMT, Thừa Thiên Huế xếp thứ 7/14, ở vị trí trung bình của toàn vùng.

*- Xét về quy mô vốn sản xuất kinh doanh bình quân một doanh nghiệp*: năm 2018, Thừa Thiên Huế đứng thứ 9/14 tỉnh, thành. Trong khi quy mô vốn bình quân một doanh nghiệp tại vùng BTB-DHMT là 26,67 tỷ đồng thì tại Thừa Thiên Huế chỉ đạt 20,32 tỷ đồng (tương đương với 76,1% mức bình quân của vùng).

*- Xét về tỷ trọng thu ngân sách*: năm 2018, tỉnh Thừa Thiên Huế duy trì ở mức 4.83% so với vùng BTB-DHMT. Tỉnh có mức thu ngân sách (theo giá trị tuyệt đối) xếp thứ 9/14 tỉnh, thành và thu ngân sách bình quân đầu người cũng xếp thứ 9/14 tỉnh, thành.

Nhìn chung, xét về con số thống kê kinh tế, Thừa Thiên Huế có vai trò còn khá khiêm tốn so với các tỉnh khác trong toàn vùng BTB-DHMT. Tuy nhiên, các số liệu này chưa phản ánh được hết những thế mạnh và tiềm năng kinh tế rất to lớn mà tỉnh có. Các thế mạnh đang được đầu tư phát triển tại Thừa Thiên Huế có thể kể đến như: các lĩnh vực trọng tâm (y tế, giáo dục, khoa học công nghệ,…), Khu kinh tế Lăng Cô - Chân Mây, đầm phá Tam Giang - Cầu Hai và Vườn Quốc gia Bạch Mã), và khối lượng di sản văn hóa đồ sộ.

*- Xét về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT:* Đây là một chỉ số quan trọng giúp phát triển kinh tế-xã hội và là một trong những công cụ hữu hiệu giúp cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông (2019), xếp hạng chung của Thừa Thiên Huế về ứng dụng và phát triển CNTT-TT ở vị trí rất cao, xếp thứ 2/63 tỉnh thành, và đứng thứ 2/14 tỉnh, thành vùng BTB-DHMT chỉ sau Đà Nẵng. Trong đó, các chỉ số thành phần tương ứng gồm: (i) hạ tầng kỹ thuật CNTT đứng vị trí 6/63 và 2/14; (ii) hạ tầng nhân lực CNTT đứng đầu cả nước; (iii) mức độ ứng dụng CNTT đứng vị trí số 1/63 tỉnh thành

**Bảng 2: Định vị vị trí của Thừa Thiên Huế trong vùng BTB-DHMT**

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Thứ hạng trong vùng** |
| --- | --- | --- |
| 1 | GRDP hiện hành (xét về quy mô) | 10 |
| 2 | Tốc độ tăng GRDP | 5 |
| 3 | Thu nhập bình quân đầu người | 4 |
| 4 | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: 5,03% | 11 |
| 5 | Thu hút doanh nghiệp  - Về số lượng  - Thu hút FDI về vốn | 9  7 |
| 6 | Quy mô vốn bình quân 1 doanh nghiệp | 9 |
| 7 | Thu ngân sách  - Về giá trị chung  - Thu ngân sách/người | 9  9 |
| 8 | Sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT | 2 |
| 9 | PAPI | 8 |
| 10 | PCI | 9 |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu năm 2018*

*- Xét về hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công theo đánh giá của người dân (PAPI)*: năm 2019, Thừa Thiên Huế đứng thứ 8 trong vùng BTB-DHMT. Trong số 6 nhóm chỉ tiêu đánh giá, có 2 nhóm xếp hạng khá cao là: nhóm chỉ tiêu về kiểm soát tham nhũng (đứng thứ 4/14 tỉnh, thành phố) và nhóm quản trị môi trường (đứng thứ 3/14 tỉnh, thành phố).

*- Xét về chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền tiền trong việc tạo lập môi trường chính sách thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp (PCI)*: năm 2018, Thừa Thiên Huế đứng ở vị trí thứ 9 trong vùng BTB-DHMT và vị trí thứ 30 so với cả nước. Trong đó có 2 chỉ số được đánh giá rất tốt và xếp hạng cao nhất cả nước là: Gia nhập thị trường và Tính minh bạch. Chỉ số về thiết chế pháp lý và ANTT của Thừa Thiên Huế cũng xếp ở vị trí khá cao 7/63. Ngược lại, lại có một số chỉ số đứng ở vị trí rất thấp như: Dịnh vụ hỗ trợ doanh nghiệp (xếp thứ 55/63); Cạnh tranh bình đẳng (xếp thứ 53/63); và Chi phí thời gian (xếp thứ 54/63).

Có thể thấy, mặc dù còn những mặt hạn chế, xong Thừa Thiên Huế đang có sự chuyển biến mạnh mẽ thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và phát triển. Các chỉ số liên quan đến lĩnh vực ứng dụng công nghệ của tỉnh đều xếp ở nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước. Điều này kì vọng sẽ trở thành nền tảng cho sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Thừa Thiên Huế trong tương lai sắp tới.

### *2.2. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực xã hội[[10]](#footnote-10)*

*- Về GRDP bình quân đầu người*: Năm 2018, GRDP/người của tỉnh đạt 40,766 triệu đồng tương đương 1.770 USD/người, tăng 7,99% so với năm 2017. Tuy nhiên, GRDP/người của tỉnh hiện chỉ bằng 68,4% so với mức trung bình của cả nước (mức trung bình của cả nước là 2.587 USD/người) và bằng 80,79% của vùng BTB-DHMT (2.190,6 USD/người).

*Về thu nhập bình quân đầu người* (tính theo tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ): năm 2018, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh là 3,136 triệu đồng, thấp hơn so với mức trung bình của cả nước (3,76 triệu đồng/tháng), nhưng cao hơn mức bình quân của toàn vùng (bằng 102% của vùng BTB-DHMT, xếp thứ 4/14 tỉnh, thành phố).

*- Xét về tỷ lệ hộ nghèo*: tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo thấp thứ 4/14 tỉnh, thành (với tỷ lệ hộ nghèo là 5,03%); thấp hơn mức trung bình của vùng là 6,16% và mức trung bình cả nước là 6,8%.

*- Xét về lao động và chất lượng lao động* (hoặc rộng hơn xét về nguồn nhân lực): Là một tỉnh vó quy mô dân số chỉ đứng thứ 9/14 tỉnh, thành của vùng, song lại nổi tiếng là địa phương cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng và tính cạnh tranh cao cho các tỉnh miền Trung và thậm chí cả ở hai miền Bắc, Nam. Nguồn nhân lực chất lượng là điều kiện thuận lợi để tỉnh này mở rộng phát triển các ngành nghề có giá trị gia tăng cao như đào tạo lao động, công nghệ, y tế...

*- Về dân số:*dân số trung bình của tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018 là 1.163,6 nghìn người (bằng 1,22% dân số trung bình của cả nước và 5,8% dân số trung bình vùng BTB-DHMT). Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2013-2018 đạt khoảng 0,62%/năm, thấp hơn so với vùng BTB-DHMT (là 0,68%/năm), và thấp hơn nhiều so với mức tăng dân số tự nhiên của cả nước (trung bình 1,07%/năm).

Tỷ suất di cư thuần[[11]](#footnote-11) của tỉnh Thừa Thiên Huế có xu hướng giảm. Trong giai đoạn 2013-2018, cứ 1.000 người dân Thừa Thiên Huế thì số lượng người xuất cư lớn hơn số lượng người nhập cư 4,1 người. Đặc biệt, nếu tính trung bình 3 năm từ 2016-2018, con số này là 5,7 người. So với vùng BTB-DHMT thì số lượng người xuất cư trung bình ở Thừa Thiên Huế cao hơn so với mức trung bình của vùng (số lượng người xuất cư lớn hơn số lượng nhập cư 1,8 người). Điều này cũng giải thích vì sao nguồn nhân lực của tỉnh lại giảm trong những năm gần đây.

**Bảng 3: Dân số và cơ cấu dân số tỉnh Thừa Thiên Huế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** |
| ***Tổng dân số (người)*** | 1.135.568 | 1.143.572 | 1.149.871 | 1.154.310 | 1.163.610 |
| **1. DS theo tuổi LĐ** |  |  |  |  |  |
| 15 tuổi trở lên (người) | 662.562 | 636.172 | 631.659 | 575.388 | 580.725 |
| *Tỷ lệ (%)* | 58.34 | 55.63 | 54.93 | 49.84 | 49.91 |
| **2. DS theo giới tính** |  |  |  |  |  |
| Nam | 562.403 | 567.253 | 571.367 | 575.388 | 580.725 |
| *Tỷ lệ (%)* | 49.53 | 49.60 | 49.69 | 49.85 | 49.91 |
| Nữ | 573.165 | 576.319 | 578.504 | 578.922 | 582.885 |
| *Tỷ lệ (%)* | 50.47 | 50.39 | 50.31 | 50.15 | 50.09 |
| **3. Dân số thành thị-nông thôn (người)** |  |  |  |  |  |
| Thành thị | 551.656 | 556.056 | 559.451 | 563.404 | 566.727 |
| *Tỷ lệ (%)* | 48.58 | 48.62 | 48.65 | 48.81 | 48.70 |
| Nông thôn | 583.912 | 587.516 | 590.420 | 590.906 | 596.883 |
| *Tỷ lệ (%)* | 51.42 | 51.38 | 51.35 | 51.19 | 51.29 |

*Nguồn: Niên giám thống kê Thừa Thiên Huế 2016, 2018*

*- Về chất lượng dân số:*Về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh Thừa Thiên Huế hiện chiếm gần 50% tổng dân số (năm 2018), Song tỷ lệ này lại đang có dấu hiệu giảm dần trong các năm gần đây. Cùng với đặc điểm chung của cả nước về “dân số vàng”, Thừa Thiên Huế lại đang không thuận lợi về nguồn nhân lực - lực lượng quan trọng tạo ra của cải vật chất cho xã hội cho tỉnh. Do đó, nền kinh tế của tỉnh cần tạo ra nhiều việc làm hơn để hạn chế tình trạng quá nhiều lao động chuyển hướng sang các thành phố lớn lân cận như Đà Nẵng để làm việc.

Theo đánh giá sơ bộ, chất lượng dân số tỉnh Thừa Thiên Huế được thể hiện trên 3 khía cạnh sau:

+ Về thể chất và sức khỏe (thể hiện năng lực về sức mạnh thể chất của cộng đồng): nhìn chung trong nhóm chỉ tiêu này, chỉ có chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt kết quả tốt hơn so với mặt bằng chung của cả nước (đạt 13,3% so với cả nước là 14,53%). Hai chỉ tiêu còn lại là tuổi thọ bình quân và tỷ lệ người 5 tuổi trở lên bị khuyết tật đều tốt hơn so với mức chung của cả nước và của vùng BTB và DHMT. Cụ thể là: tuổi thọ trung bình đạt 74,05 tuổi (so với cả nước là 73,5 tuổi, vùng BTB và DHMT là 72,9 tuổi) và tỷ lệ người 5 tuổi trở lên bị khuyết tật là 2,7% (so với cả nước là 3,7%, và vùng BTB và DHMT là 4,5%)

+ Về trí tuệ, học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề (thể hiện năng lực về trí tuệ thông qua trình độ học vấn và tay nghề trong hoạt động sản xuất kinh doanh): nhìn chung nhóm chỉ tiêu này của Thừa Thiên Huế luôn ở mức cao so với mặt bằng chung của cả nước. Một số chỉ tiêu nổi bật như: Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông là 92,2%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông là 95,05%; Số trường đại học là 9,... cao hơn rất nhiều so với mức trung bình của cả nước.

### *2.3. Vai trò, vị thế của Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực văn hóa, di sản*

Thừa Thiên Huế là vùng đất văn hiến, có bề dày lịch sử và được mệnh danh là xứ sở của di sản, nơi lưu giữ và bảo tồn tốt nhất văn hóa và nghi lễ truyền thống Việt Nam, là điểm đến không thể bỏ qua đối với bất cứ ai muốn khám phá về cội nguồn dân tộc. Cho đến nay, ở Việt Nam, chỉ riêng có Thừa Thiên Huế đã có 5 di sản thuộc 3 loại hình khác nhau được UNESCO vinh danh, đó là: Quần thể di tích cố đô Huế (1993 - di sản vật thể); Nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam (2003 - di sản phi vật thể); Mộc bản triều Nguyễn (2009 - di sản tư liệu); Châu bản triều Nguyễn (2014 - di sản tư liệu); và Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016 - di sản tư liệu). Điều đáng nói là cả 5 di sản này đều thuộc về triều Nguyễn, triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam. Ngoài ra, Thừa Thiên Huế cũng nằm trong danh sách 9 tỉnh Trung Bộ cùng chia sẻ Nghệ thuật Bài Chòi (2017) và cùng với các địa phương trên khắp cả nước chia sẻ Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (2016) - thuộc loại hình di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận.

Thừa Thiên Huế cũng có hơn 100 lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống và hiện đại đã được các địa phương khôi phục và phát huy. Thừa Thiên Huế cũng là vùng đất lưu giữ những giá trị nghệ thuật ẩm thực với gần 1.700 món ăn cung đình và dân gian độc đáo, hấp dẫn. Đặc biệt, quy mô và ấn tượng nhất là lễ hội Festival Huế được tổ chức định kỳ 2 năm một lần vào các năm chẵn và Festival Nghề truyền thống 2 năm một lần vào các năm lẻ với những chuỗi hoạt động văn hóa, lễ hội ấn tượng, đặc sắc gắn kết với hoạt động giao lưu văn hóa quốc sôi động, đa dạng, phong phú đã góp phần nâng cao vị thế văn hóa Thừa Thiên Huế trong nước và quốc tế.

Như vậy, trong số 28 di sản ở Việt Nam được UNESCO công nhận, Thừa Thiên Huế có tới 7 di sản. Về di sản vật thể, trong số 8 di tích được UNESCO công nhận là Di sản thế giới ở Việt Nam, vùng BTB và DHMT có tới 5 di tích[[12]](#footnote-12) và trong đó Thừa Thiên Huế có 1 di tích. Về di sản phi vật thể, hiện Việt Nam có 12 di sản được UNESCO công nhận, trong đó vùng BTB-DHMT 6 di sản và Thừa Thiên Huế có 3 di sản. Thừa Thiên Huế cũng sở hữu 2 di sản tư liệu[[13]](#footnote-13) trong số 7 di sản tư liệu được UNESCO công nhận ở Việt Nam.

Năm 2019, theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, Bộ VHTTDL, lượng khách du lịch quốc tế, trong nước tới tham quan 8 di sản thế giới tại Việt Nam tăng mạnh so với năm 2018. Tại vùng BTB và DHMT, Quần thể di tích Cố đô Huế đón hơn 3,3 triệu lượt khách, trong đó, khách quốc tế hơn 2,2 triệu lượt, khoảng 1,1 triệu lượt khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 378 tỷ đồng. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình) đón 921 nghìn lượt khách. Trong đó, có 170 nghìn lượt khách quốc tế, trên 751 nghìn lượt khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 266 tỷ đồng. Khu phố cổ Hội An đón 5,35 triệu lượt khách. Trong đó, có 4 triệu lượt khách quốc tế và trên 1,35 triệu lượt khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 300 tỷ đồng. Khu Di tích Mỹ Sơn đón 419.000 lượt khách. Trong đó, có 374.000 khách quốc tế, 45.000 khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 61 tỷ đồng. Thành Nhà Hồ (Thanh Hóa) đón 126.660 khách. Trong đó, có 7.255 khách quốc tế, 119.405 khách trong nước, doanh thu từ du lịch đạt 2,1 tỷ đồng.

**Bảng 4: Số lượng khách du lịch tham quan 5 di sản thế giới tại Việt Nam tại vùng BTB và DHMT năm 2019**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Số lượt khách (nghìn lượt)** | **Lượt khách nước ngoài (nghìn lượt)** | **Lượt khách trong nước (nghìn lượt)** | **Doanh thu (tỷ đồng)** |
| Quần thể di tích cố đô Huế | 3.300 | 2.200 | 1.100 | 378 |
| Vườn Quốc gia Phong nha Kẻ Bàng | 921 | 170 | 751 | 266 |
| Phố cổ Hội An | 5.350 | 4.000 | 1.350 | 300 |
| Khu di tích Mỹ Sơn | 419 | 374 | 45 | 61 |
| Thành nhà Hồ | 126,6 | 7,2 | 119,4 | 2,1 |

*Nguồn:* Cục Di sản văn hóa, Bộ VHTTDL

Xét riêng các điểm du lịch di sản nổi bật trong vùng BTB và DHMT, quần thể di tích cố đô Huế đứng đầu về doanh thu năm 2019 trong số 5 điểm di sản chính của vùng. Đó là chưa kể tới nguồn thu từ các hoạt động du lịch, dịch vụ khác tại các khu di sản này như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí... còn lớn hơn gấp nhiều lần so với khoản thu từ vé tham quan.

Tuy nhiên, Thừa Thiên Huế vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của “kho tàng di sản” để phát triển du lịch. Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế cho biết từ đầu năm 2019 đến nay, Huế đón khoảng hơn 2,6 triệu lượt khách đến tham quan di tích. Tổng doanh thu bán vé tham quan ước đạt gần 300 tỷ đồng, theo nhiều chuyên gia, đây là những con số còn khiêm tốn so với vị thế của Thừa Thiên Huế - một trung tâm du lịch lớn của cả nước.

## 3. Thực trạng về di sản văn hóa; không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị gắn với di sản văn hóa và công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản

### *3.1. Các di sản vật thể*

Thừa Thiên Huế có khá nhiều dấu tích văn hóa thời Tiền sử và được biết đến với những phát hiện và nghiên cứu về hệ thống các di tích văn hóa Sa Huỳnh, trong đó có 2 di tích Cồn Ràng và Cồn Dài đã được các nhà khảo cổ học tiến hành khai quật và xác minh. Cùng hệ thống các di tích văn hóa Sa Huỳnh, xung quanh di tích Cồn Ràng còn có một số các di tích khác như: Cửa Thiềng, Cồn Dài, Cồn Thu Lu, Bàu Đưng,... Những phát hiện và nghiên cứu đó cho thấy vùng đất này cũng thuộc phạm vi sinh sống của cư dân Sa Huỳnh và mang những yếu tố đặc trưng văn hóa riêng. Trong giai đoạn kim khí, trống đồng Đông Sơn cũng đã được phát hiện ở xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền cho thấy sự giao lưu văn hóa giữa cư dân cổ ở Thừa Thiên Huế với cư dân Đông Sơn ở phía Bắc. Có thể nói, các “*phát hiện này có ý nghĩa khoa học và thực tiễn không kém phần lớn lao vì bởi đó là chiếc trống đồng đầu tiên-một hiện vật độc đáo của văn hóa Đông Sơn*”.

Hệ thống các di tích tháp và phế tích tháp Champa ở Huế cũng rất phong phú, tiêu biểu như Tháp Phú Diên (huyện Phú Vang); tháp đôi Liễu Cốc, phế tích Vân Trạch Hòa, phế tích tháp Linh Thái (huyện Phú Lộc); phế tích tháp Lương Hậu (thị xã Hương Thủy)... Bên cạnh đó còn có các công trình kiến trúc thành trì Champa nổi tiếng như thành Hóa Châu (huyện Quảng Điền); thành Lồi (thành phố Huế gắn liền với hệ thống sông Hương); thành Phú Ốc (hay thành Cửa Thiềng, Thị xã Hương Trà, gắn liền với hệ sông Bồ),.... Sự tồn tại của các tòa thành là cơ sở vô cùng quan trọng để xác định các trung tâm về chính trị, kinh tế, quân sự của một giai đoạn quan trọng trong lịch sử phát triển của vùng đất Thừa Thiên Huế.

Các dấu tích về thời kỳ đóng thủ phủ của chúa Nguyễn ở Huế gắn với tên gọi các địa danh Phước Yên, Bác Vọng (Quảng Điền), Kim Long, Phú Xuân (Huế). Cố đô Huế vẫn còn bảo tồn được hàng chục khu lăng mộ của 9 đời chúa Nguyễn, các phi tần và các vị quan thời các Chúa (1558-1775); và các chùa: Thiên Mụ, Quốc Ân, Hà Trung, Thiện Khánh, Trúc Lâm,.... Thừa Thiên Huế vẫn giữ được sưu tập vạc đồng thời chúa Nguyễn được đúc trong thế kỷ XVII, từ năm 1631-1684, thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) và Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) để tượng trưng cho sức mạnh và sự trường tồn của chính quyền Đàng Trong và bộ sưu tập súng thần công thời chúa Nguyễn được đúc rất tinh xảo và có mang phù hiệu của Công ty Đông Ấn -Hà Lan. Những cổ vật này phản ánh mối quan hệ cởi mở về ngoại giao và thương nghiệp dưới thời các chúa Nguyễn đối với các nước phương Tây. Đại Hồng Chung chùa Thiên Mụ được đúc năm 1710, là một trong những quả chuông chùa lâu đời và có giá trị nhiều mặt ở cố đô Huế, là công trình tiêu biểu về giá trị mỹ thuật trang trí cũng như hội tụ các nét đặc trưng của nghệ thuật đúc đồng tinh xảo, đồng thời cũng đánh dấu sự phát triển của Phật giáo Đàng Trong vào giai đoạn cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII. Đai Hồng Chung được người thợ giỏi thuộc Chú Tượng Ty của thời các chúa Nguyễn đúc. Các bia đá thời các chúa Nguyễn như: bia chùa Thiên Mụ, bia lăng mộ Chiêu Nghi, bia tháp tổ Liễu Quán,... là những cổ vật, những tư liệu rất quý để nghiên cứu về lịch sử và mỹ thuật thời các chúa Nguyễn.

Vùng đất Thừa Thiên Huế từng là kinh đô gắn bó với triều đại Tây Sơn, khi người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ giải phóng Thuận Hóa - Phú Xuân (1786). Chính tại nơi đây, phong trào Tây Sơn đã phát triển đến đỉnh cao dưới thời vua Quang Trung (1788 - 1792). Núi Bân nằm ở phường An Tây, thành phố Huế. Những yếu tố địa lý và quân sự đặc biệt của khu vực này đã khiến Nguyễn (Văn) Huệ đã chọn núi Bân để lập đàn Nam Giao, trịnh trọng tuyên bố lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu Quang Trung và phát binh thần tốc ra Bắc tiêu diệt đạo quân xâm lược Mãn Thanh, thu giang sơn về một mối. Ngoài ra, ở các chùa La Chử, chùa Hạ Lang, chùa Giác Thế,... hiện còn bảo lưu nhiều hiện vật quý liên quan đến triều đại Tây Sơn cần được bảo tồn và phát huy giá trị.

Thừa Thiên Huế còn có hệ thống di tích lịch sử cách mạng đồ sộ, với trên 20 di tích và địa điểm di tích liên quan trực tiếp đến Chủ tịch Hồ Chí Minh (trong những năm tháng Người và gia đình sống ở Huế). Cố đô Huế là cái nôi hình thành nhân cách, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một con người vĩ đại, đúng như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nhận xét: “Thời *gian ở Huế là thời gian Nguyễn Tất Thành lớn lên và bắt đầu đi học. Những năm tháng đó là thời gian cực kỳ quan trọng đối với sự hình thành con người Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh*”. Những di sản mà Người để lại là những tài sản vô giá, không chỉ có ý nghĩa về mặt lịch sử mà còn có giá trị về mặt văn hóa tinh thần, là sự tự hào và là cơ sở thúc đẩy sự phát triển của vùng đất luôn có vị thế quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

Thừa Thiên Huế là xứ sở được mệnh danh là Kinh đô Phật giáo với hàng trăm chùa quán, niệm phật đường, hầu hết những công trình này đều xây dựng mang giá trị kiến trúc độc đáo luôn hài hòa với cảnh quan thiên nhiên. Những danh lam cổ tự như: Thiên Mụ, Thánh Duyên, Diệu Đế, Báo Quốc, Từ Đàm, Quốc Ân, Thiền Tôn, Từ Hiếu,... ra đời rất sớm đã thể hiện chiều sâu văn hóa của vùng đất, do các vị vua chúa, quan lại, quý tộc triều Nguyễn cùng người dân cúng tiền trùng kiến, xây dựng nên mang đậm dấu ấn kiến trúc cung đình. Phật giáo Huế hiện còn lưu giữ nhiều mộc bản quý, qua đó có thể giúp các thế hệ đương đại hình dung rõ nét về đời sống văn hóa, tôn giáo, tư tưởng của xứ Thuận Hóa dưới thời các chúa Nguyễn, vương triều Nguyễn cho đến những thập niên cuối của thế kỷ XX. Hiện cố đô Huế vẫn bảo tồn được 2.933 ván khắc kinh Phật các loại, và đang được lưu giữ tại nhiều chùa như: Từ Đàm, Từ Hiếu, Thiên Mụ, Bảo Lâm, Quốc Ân, Tường Quang, Hải Đức, Giác Lâm, Tường Vân,...

### *3.2. Di sản phi vật thể*

Một trong những loại hình nghệ thuật đã đạt đến đỉnh cao nghệ thuật đó là âm nhạc truyền thống Huế, thể hiện qua nhiều loại hình phong phú như: Tuồng, múa cung đình, nhã nhạc cung đình, ca Huế,... Tuồng cung đình với hàng trăm vở tiêu biểu như: Sơn Hậu,Vạn Bửu Trình Tường, Quần Phương Hiến Thụy... mỗi vở gồm hằng trăm hồi, mỗi hồi diễn một đêm. Múa cung đình với nhiều làn điệu như: Vũ Phiến, Bát Dật, Lục cúng hoa đăng, Phụng vũ, Lân vũ,... trong đó có nhiều vũ điệu quy mô huy động 80-90 người. Nhã nhạc cung đình là một điển hình cho âm nhạc bác học, đây là sự kế thừa và phát triển đến đỉnh cao của âm nhạc Việt Nam trong các triều đại quân chủ. Lễ nhạc cung đình gồm các loại như Nhã nhạc, Đại nhạc, Tiểu nhạc (gọi chung là Nhã nhạc), hệ thống này chứa đựng những tư duy triết học, vũ trụ quan và nhân sinh quan của con người Việt Nam. Hàng trăm nhạc chương còn lưu lại đây là những áng văn chương bất hủ, những ngôn từ bác học có tính nhân văn sâu sắc.

Ca Huế là một loại hình âm nhạc truyền thống, là tinh hoa của nhiều dòng âm nhạc cổ truyền dân tộc. Theo các nhà nghiên cứu, thời điểm hình thành Ca Huế vào khoảng thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII, đây là giai đoạn phát triển dưới thời chúa Nguyễn. Thời kỳ thịnh đạt nhất của nghệ thuật Ca Huế vào khoảng thế kỷ XIX, nhiều phủ đệ ở Kinh đô Huế thường có một đội nhạc để phục vụ riêng cho tầng lớp hoàng thân quốc thích, danh gia vọng tộc. Dần dần nghệ thuật Ca Huế đã phát triển, lan tỏa ra ngoài dân gian, nó đã tiếp nhận thêm một số điệu hò, lý có cùng chung một môi trường địa văn hoá để trở thành một sắc thái độc đáo trong kho tàng âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Nhạc điệu của Ca Huế là nguồn cảm hứng cho nhạc dân gian Bình Trị Thiên và các thanh âm của Ca Huế phát sinh từ tiếng nói, ngữ điệu của người dân xứ Huế. Ca Huế là nhịp cầu nối giữa cung đình - dân gian, dòng âm nhạc dân gian chính là cơ sở để hình thành và phát triển, là cái nôi nuôi dưỡng cho dòng âm nhạc bác học, cung đình Huế.

Lễ hội văn hóa là một trong những nội dung phong phú của vùng đất Huế và thể hiện sức sống mãnh liệt gắn với truyền thống lịch sử một vùng đất. Thừa Thiên Huế có trên 500 lễ hội, bao gồm: lễ hội cung đình, lễ hội dân gian, truyền thống, lễ hội tôn giáo,... Các lễ hội gắn liền với các di tích lịch sử như: lễ Truyền lô, lễ Ban sóc, lễ Tế giao, lễ Tế Xã Tắc, lễ tế Âm Hồn,... Bên cạnh lễ hội cung đình, có các lễ hội dân gian tiêu biểu khác như: lễ hội điện Huệ Nam, lễ hội Cầu Ngư, lễ hội làng Chuồn, lễ Thu Tế của những làng nghề truyền thống,... Ngoài ra, còn có lễ hội khác như: hội Hoa xuân, hội Đua thuyền, hội Vật làng Sình, hội Thả diều,... gắn chặt với đời sống của đại đa số người dân Thừa Thiên Huế.

Ở Thừa Thiên Huế, do nhu cầu của công việc kiến thiết xây dựng, phục vụ sinh hoạt của vương triều Nguyễn, nên ở đây đã sớm hình thành các tượng cục và phường hội của các nghề truyền thống riêng biệt. Trong thời Nguyễn, kinh đô Huế từng có gần 100 tượng cục do đội ngũ thợ thủ công Huế tài hoa, khéo léo nhất của cả nước; và đến nay hậu duệ của họ vẫn còn tại các làng nghề nổi tiếng xứ Huế như làng đúc đồng phường Đúc, điêu khắc Mỹ Xuyên, gốm Phước Tích, rèn Hiền Lương, tranh dân gian làng Sình,... Những làng nghề này hiện đang còn hoạt động, đáp ứng cho công tác trùng tu và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ khách du lịch và các sinh hoạt tiêu dùng của người dân. Có thể nói, Thừa Thiên Huế là nơi hội tụ và lan tỏa ra cả nước những người thợ lành nghề và đông đảo đội ngũ nghệ nhân lão luyện đã tạo nên những tác phẩm có giá trị mỹ thuật cao.

Bên cạnh đó, Thừa Thiên Huế còn là một trung tâm văn hóa tâm linh tín ngưỡng. Trung tâm văn hóa Huyền Trân, Học viện Phật giáo Huế, Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã, tượng đài Quán Thế Âm,... là những địa điểm đang được du khách quan tâm tìm hiểu các giá trị kiến trúc độc đáo, cảm nhận về các giá trị tinh thần và tâm linh con người xứ Huế.

Một trong những nét đặc trưng của đời sống tinh thần của Thừa Thiên Huế là sự ra đời của nghệ thuật ẩm thực, đây là một nghệ thuật vừa mang tính khoa học vừa khái quát được mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người. Với vị thế là thủ phủ của Đàng Trong, rồi kinh đô của các triều đại quân chủ thống nhất tập quyền qua nhiều thế kỷ, triều Tây Sơn, triều Nguyễn là nơi hội tụ tinh hoa của cả nước, và tất nhiên trong lĩnh vực ẩm thực cũng không phải là một ngoại lệ. Đây còn là nơi thể hiện sự khát vọng, tầm vóc và thể diện của quốc gia, sự kiêu kỳ của tầng lớp quý tộc thượng lưu, quan lại. Cho nên, ngoài việc nâng các món ăn dân dã thành một tầm cao hơn trong chế biến và trang trí, bên cạnh đó còn hiện diện một hệ món ăn có mặt trong các buổi đại yến, trung yến, tiểu yến để tiếp sứ thần, khao thưởng cho quần thần hay những cỗ cúng mang tầm quốc gia trong những ngày lễ trọng đại. Trong kho tàng ẩm thực Việt có khoảng 1.700 món thì Huế chiếm đến 1.300 món, hiện còn lưu truyền trong dân gian khoảng 700 món bao gồm các món ăn cung đình, các món ăn dân gian và các món ăn chay. Văn hóa Ẩm thực Thừa Thiên Huế được đánh giá là ẩn chứa nét tinh tế, thanh nhã, vượt khỏi nhu cầu vật chất tầm thường và tiến đến một loại hình nghệ thuật cao mang một đặc trưng phong cách riêng. Rõ ràng, ẩm thực Thừa Thiên Huế, tự thân đã là lịch sử, đã là văn hóa, nó không chỉ đơn thuần là sự ngon, sự dở mà còn biểu hiện những thuộc tính văn hóa của tính cách con người Huế vốn tế nhị, khiêm nhường.

Người Thừa Thiên Huế bao giờ cũng ăn mặc lịch sự khi tiếp khách trong nhà cũng như khi bước ra khỏi cửa. Chính cái không khí cung đình lâu đời đã tạo nên cốt cách ấy. Nhà nghiên cứu Lê Nguyễn Lưu nhận xét: “*Trang phục cung đình có những quy định riêng khá chặt chẽ, gồm thường phục và phẩm phục; trang phục dân gian tuy cũng chịu tuân theo một số quy định do triều đình ban bố, nhưng nói chung tự do hơn, kết hợp với sở thích cá nhân và thay đổi theo thời gian”*. Trước đây mấy chục năm, hình ảnh các o bán bún, chè gánh… với tà áo dài tha thướt không có gì lạ. Sau một thời gian biến động từ năm 1975 bởi những khó khăn chủ quan và khách quan nên chuyện mặc áo dài ít phổ biến, ngày nay phụ nữ Huế lại dần khôi phục lại thói quen truyền thống. Hình ảnh rất nhiều tà áo dài thướt tha xuất hiện thường xuyên trong trường học, doanh nghiệp, công sở,… Đó cũng là yếu tố của phong cách Thừa Thiên Huế. Nó được nhân rộng ra khắp cả nước và nước ngoài bởi các nhà tạo mẫu hiện đại, các buổi trình diễn thời trang trong nước và quốc tế luôn luôn được mọi người yêu chuộng.

### *3.3. Không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị*

Huế là nơi đóng đô của vương triều Nguyễn trong suốt 143 năm (từ năm 1802 đến năm 1945). So với các cố đô khác của Việt Nam, Huế là nơi duy nhất còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc nghệ thuật mang đặc trưng kiến trúc cung đình Nguyễn đầu thế kỷ XIX, với hệ thống thành quách, cung điện, miếu đường, đình tạ, lăng tẩm, phủ đệ,… Quần thể Di tích Cố đô Huế có quy mô lớn nhất trong số các di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam, với hơn 1.400 công trình kiến trúc thuộc 32 cụm di tích, nằm trải rộng trên một diện tích hơn 500 ha, bao trùm lên toàn bộ diện tích của thành phố Huế cùng với 4 huyện và thị xã lân cận. Tính toàn vẹn của quy hoạch đô thị và thiết kế xây dựng đã đưa Cố đô Huế trở thành một mẫu mực hiếm có về quy hoạch đô thị vào cuối thời kỳ phong kiến ở Đông Á. Đây cũng là tiêu chí nổi bật để cố đô Huế được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới đầu tiên của Việt Nam (vào năm 1993). Trong bài viết “*Những giá trị của di sản kiến trúc Huế*”, GS.TS.KTS Hoàng Đạo Kính cho rằng Huế là “*thành phố bảo tàng*” và là “*một đô thị khảm nạm vào thiên nhiên, và thiên nhiên vẫn còn ngự trị với với trò chủ đạo... Đấy chính là di sản vô song của văn hóa Việt Nam*...”.

Nhìn chung, đô thị Thừa Thiên Huế thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố con người, kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên của vùng đất sông Hương, núi Ngự. Trong quá khứ vàng son, Huế đã tạo cho mình một nền văn hóa phong phú và đặc sắc, vừa kế thừa truyền thống văn hóa Thăng Long vừa tiếp thu những yếu tố mới của miền Trung, miền Nam và bên ngoài để tạo nên một sắc thái riêng biệt của một vùng văn hóa Huế. GS Trần Quốc Vượng đã cho rằng: “*Văn hóa Huế là văn hoá đô thị, nhưng tĩnh lặng và thanh bình đến lạ thường, là văn hoá bánh trái, là văn hoá thuyền ca nhạc trên dòng Hương giang, là sự đan xen và giao thoa, giao hoà văn hoá Việt-Chàm, Việt-Minh hương...*”.

Người Thừa Thiên Huế sống gần gũi với thiên nhiên. Điều này được thể hiện trong lối kiến trúc nhà vườn truyền thống. Kiến trúc nhà vườn không chỉ tạo nên sự gần gũi với thiên nhiên mà còn thể hiện nét văn hoá đặc sắc trong phong cách sống của người dân Cố đô. Ngoài hàng chục phủ đệ - nhà vườn nổi tiếng tập trung ở địa bàn thành phố Huế, dọc theo hệ sông Hương và các chi lưu, phụ lưu, Thừa Thiên Huế còn có cả một khu làng cổ Phước Tích nổi tiếng (thuộc huyện Phong Điền) được công nhận là làng di sản - di tích cấp quốc gia với hàng chục ngôi nhà rường, nhà vườn mẫu mực và tuyệt đẹp.

Huế trong thời kỳ Pháp thuộc cũng đã được quy hoạch nghiên cứu, xây dựng một cách bài bản và khoa học. Nhiều công trình kiến trúc Pháp được xây dựng với sự đa dạng, phong phú về phong cách kiến trúc tạo nên một quỹ di sản kiến trúc có giá trị ở Huế. Kiến trúc ở Cố đô Huế bao gồm tổng thể các công trình được quy hoạch thống nhất, hợp lý nên các khối kiến trúc có sự hài hòa, không đối chọi, không trùng lắp, không loại trừ nhau mà bổ sung, điểm xuyết cho nhau ngày càng bài bản, mỗi công trình hay một tập hợp các công trình bao giờ cũng thể hiện sự hợp lý được đặt trong những khung cảnh thiên nhiên hài hòa.

*Nhìn chung,* *Thừa Thiên Huế là nơi tập trung nhiều ấn tích văn hóa, di sản, kiến trúc qua các triều đại và hiện nay vẫn còn bảo tồn được nguyên vẹn những giá trị kiến trúc và không gian xung quanh. Những di sản đô thị này theo thời gian đều đã khẳng định được giá trị quý báu về văn hóa, lịch sử, kiến trúc đặc trưng. Các di sản này đã và đang tiếp tục đóng góp vào việc tạo nên bản sắc đô thị và góp phần nhận diện Cố đô Việt Nam.*

# II. [Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Thừa Thiên Huế có đặc thù về di sản](#_Toc20919577)

## 1. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cấp Trung ương

### *1.1. Kết quả đạt được*

Xác định rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của việc trùng tu, bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam luôn dành sự quan tâm đặc biệt đối với công tác giữ gìn phát huy di sản văn hóa ở Thừa Thiên Huế. Cơ sở tiền đề cho sự nghiệp gìn giữ và phát huy di sản văn hóa chính là sự kiện Di sản Văn hóa Huế được UNESCO xếp hạng Di sản Văn hóa Thế giới ngày 11/12/1993. Có được vinh dự này là nhờ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung Ương, của Ủy ban UNESCO quốc gia và quốc tế. Tiếp theo đó, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành cùng với nỗ lực của tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 1996, dự án “Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế, giai đoạn 1996- 2010” đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (theo Quyết định số 105/TTg ngày 12/2/1996). Quyết định đã tạo cơ sở vững chắc cho chiến lược bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở cả trong và ngoài nước. Mục tiêu của Dự án là: bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật chất, giá trị di sản văn hóa tinh thần và giá trị di sản văn hóa môi trường cảnh quan đô thị và thiên nhiên. Qua đó cho thấy, ngay từ những năm tháng đất nước còn nhiều khó khăn nhưng Đảng và Nhà nước vẫn tập trung chỉ đạo và có biện pháp tích cực, huy động mọi nguồn lực nhằm từng bước khôi phục các hạng mục công trình bị hư hại nặng; tiến hành sưu tầm, hệ thống hóa tư liệu, hiện vật hiện có; chăm lo đào tạo nghệ nhân các ngành nghề, các loại hình văn hóa nghệ thuật quần chúng của Thừa Thiên Huế.

Các chính sách, pháp luật về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa cả nước nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng ngày càng được hệ thống hóa từ khi có Luật Di sản văn hóa năm 2001. Tiếp theo đó, một loạt các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, gồm: 01 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa, 06 Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật di sản văn hóa và 15 Thông tư[[14]](#footnote-14). Để bảo vệ và phát huy di sản văn hóa của Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng, bên cạnh việc áp dụng văn bản pháp luật về di sản văn hóa, còn phải áp dụng các văn bản pháp luật khác như: pháp luật về xây dựng, về đầu tư công, về bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan như: du lịch, đất đai, nhà ở,…

Thời gian qua, riêng với nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Thừa Thiên Huế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số Quyết định quan trọng, trong đó phải kể tới: Quyết định số 105/TTg ngày 12/2/1996 về phê duyệt Dự án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 1996-2010; Quyết định số 818/QĐ-TTg ngày 7/6/2010 về phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010 - 2020; Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 12/12/2012 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế,… Các Quyết định này đã cho phép Thừa Thiên Huế có điều kiện triển khai đồng bộ và mạnh mẽ hơn nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và chỉ đạo sát sao Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế tập trung nghiên cứu kỹ việc điều chỉnh khu vực khoanh vùng bảo vệ các điểm di tích để phù hợp với tình hình thực tế. Công tác cắm mốc đã được thực hiện tốt trong thời gian vừa qua. Việc cắm mốc khoanh vùng bảo vệ cụm lăng chúa Nguyễn Hoàng, lăng Trường Thái, lăng Trường Thiệu, lăng Trường Cơ, lăng Hải Đông Quận Vương được đã hoàn thành; và cột mốc tại các điểm di tích thường được bảo dưỡng thường xuyên.

Công tác kiểm kê, xếp hạng, phân loại, khoanh vùng cắm mốc, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích; công tác khảo cổ; công tác bảo tàng trong những năm qua cũng đã được thực hiện chuyên nghiệp, tuân thủ nghiêm túc Công ước Di sản Thế giới, Luật di sản văn hóa và các Quy chế bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử văn hóa - danh lam thắng cảnh, các quy định trong xây dựng cơ bản, đảm bảo sự chuẩn mực về bảo tồn, tính chân xác của các công trình. Nhiều công trình quan trọng như Ngọ Môn, Điện Thái Hòa, Hiển Lâm Các, cụm di tích Thế Miếu, cung Diên Thọ, Duyệt Thị Đường, cung Trường Sanh, hệ thống Trường lang (Tử Cấm Thành), Phu Văn Lâu, Điện Sùng Ân, Bi Đình (lăng Minh Mạng),... đã được tu bổ, phục hồi. Trong giai đoạn 2001 - 2018, nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước đã bố trí cho công tác trùng tu và chống xuống cấp di tích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế gần 1.528 tỷ đồng (trong đó: ngân sách hỗ trợ có mục tiêu khoảng 405,6 tỷ đồng; Chương trình Mục tiêu quốc gia khoảng 335,1 tỷ đồng; và ngân sách địa phương hơn 787,3 tỷ đồng). Nguồn ngân sách nhà nước từ Chương trình mục tiêu quốc gia đang trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho việc tu bổ di tích Cố đô Huế. Ngoài nguồn ngân sách Trung ương bố trí cho công tác trùng tu di tích, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1771/TTg-CN ngày 10/12/2018 về phê duyệt khung chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Hiện nay, Chính phủ đã bố trí cho tỉnh từ nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 trước mắt là 100 tỷ đồng và xem xét tiếp tục bố trí cho năm 2019 và 2020.

Bên cạnh đó, để phát huy lợi thế thành phố của những di sản và lễ hội, Chính phủ đã có những định hướng quan trọng về phát triển Thừa Thiên Huế. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 143/2007/QĐ-TTg ngày 30/8/2007 phê duyệt Đề án xây dựng Huế trở thành Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam, Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 6/5/2014 về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050,... Năm 2009, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 về xây dựng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020. Kết luận này đã khẳng định rất rõ vai trò, vị thế của văn hóa Huế trong sự phát triển của miền Trung và cả nước[[15]](#footnote-15). Thêm vào đó, Bộ Chính trị ban hành Thông báo 175-TB/TW ngày 01/8/2014 về tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị.

Tuy nhiên, tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW, mặc dù tỉnh đã có nhiều nỗ lực trong sự phát triển nhưng mục tiêu cơ bản đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương chưa được hiện thực hóa. Do vậy, Bộ Chính trị đã nhận thấy phải có cách tiếp cận mới, cách nhìn mới và quan điểm mới để phát triển Thừa Thiên Huế trong thời gian sắp tới. Gần đây, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thay thế cho Kết luận số 48-KL/TW. Nghị quyết 54-NQ/TW đã nêu rõ mục tiêu “*Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế…. Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao… Tầm nhìn đến năm 2045, Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của châu Á*”. Nghị quyết 54- NQ/TW đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặc biệt là tìm ra hướng đi, định hướng cho Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Gần đây, Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Xuân Phúc trong các cuộc làm việc với lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế đã khẳng định: Di sản cố đô Huế là tài sản của Quốc gia, việc bảo tồn và gìn giữ di sản này là của cả nước. Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Huế rất phong phú, là nguồn lực hết sức quý báu cho phát triển. Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc cũng chỉ đạo trong quá trình phát triển, tỉnh cần áp dụng mô hình tăng trưởng là tối ưu hoá cạnh tranh, tăng cường liên kết hạ tầng, đô thị ven biển, CNTT được ứng dụng mạnh mẽ trong các lĩnh vực, trở thành tỉnh đi đầu trong quản lý hành chính, xây dựng chính phủ điện tử và đô thị thông minh, xử lý những vấn đề bức xúc của xã hội, quan tâm tốt hơn đến phục vụ người dân… đây chính là nền tảng quan trọng để làm nhanh hơn, mạnh hơn, quyết liệt hơn, đưa Thừa Thiên Huế phát triển.

### *1.2. Hạn chế và nguyên nhân*

Tuy nhiên, từ thực tế thi hành chính sách, pháp luật về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa Thừa Thiên Huế vẫn còn một số bất cập, trong đó phải kể đến là:

(i) Tiến độ triển khai các công trình, dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế nhìn chung còn rất chậm, không đáp ứng được các mục tiêu đã được đề cập trong các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (như: Quyết định số 818/QĐ-TTg ngày 07/6/2010, Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 12/12/2012,…).

(ii) Quần thể di tích Huế quá đa dạng và trải dài trên diện rộng, ở nhiều địa phương trong tỉnh, gồm: thành phố Huế, thị xã Hương Trà, Hương Thủy và 02 huyện: Phú Lộc, Phú Vang). Hiện có nhiều công trình đã và đang bị xuống cấp, hư hỏng nặng nề do biến đổi khí hậu và thời gian, đặc biệt một số công trình có giá trị tiêu biểu về mặt lịch sử, mỹ thuật, hình thức kiến trúc như khu vực Kinh thành Huế, phổ cổ, hội quán, đình, chùa, miếu, bảo tàng… rất cần sớm được tu bổ và phục hồi. Bên cạnh đó, tình trạng lấn chiếm di tích vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

(iii) Do tính đặc thù của công tác trùng tu di tích cần nhiều thời gian cho giai đoạn thám sát, khảo cổ, sưu tầm tư liệu, lập dự án, thẩm định khoa học và thực hiện trùng tu tôn tạo; năng lực tư vấn, thi công còn hạn chế chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra; nguyên liệu vật tư đặc chủng như gỗ tứ thiết, sơn ta, gạch, ngói men, vàng quỳ, nghệ nhân càng ngày càng khan hiếm.

*Nguyên nhân chính là do:*

- Nhu cầu vốn đầu tư cho công tác bảo tồn, tôn tạo Di sản hiện nay là rất lớn, song khả năng cân đối hằng năm từ ngân sách các cấp còn quá thấp, địa phương không đảm bảo đủ nguồn vốn để trùng tu, bảo tồn kịp thời các công trình xuống cấp bức thiết, đặc biệt khu vực Kinh thành Huế.

Để thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định số 818/QĐ-TTg ngày 07/6/2010, nguồn lực đầu tư cần huy động rất lớn; trong đó, riêng nhu cầu đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích tiêu biểu khoảng 5.000 tỷ đồng (tương đương bình quân khoảng 500 tỷ đồng/năm). Tuy nhiên, thực tế đã qua 10 năm nhưng *nguồn lực đầu tư chỉ khoảng gần 27% tổng nhu cầu vốn đầu tư*. Cụ thể:

Giai đoạn 2010-2019: 173 công trình, hạng mục công trình được triển khai thực hiện, trong đó số công trình hoàn thành là 156, số công trình chuyển tiếp sang năm 2019 là 15 công trình. Trong đó, giai đoạn 2016-2019 đã khởi công mới 19 dự án/27 dự án[[16]](#footnote-16) và thực hiện 01 dự án/11 dự án được bổ sung vào kế hoạch đầu tư công trung hạn[[17]](#footnote-17) (đó là dự án: Đền bù, giải phóng mặt bằng tại di tích đàn Âm Hồn).

**Bảng 5: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2010-2019**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nguồn vốn** | **Tổng số (tỷ đồng)** |
| 1 | Vốn ngân sách nhà nước  + *Ngân sách Trung ương*  + *Ngân sách địa phương* | 1.296,355  *565,936*  *730,419* |
| 2 | Vốn tài trợ, xã hội hóa | 44,328 |
| 3 | Tổng cộng | 1.340,683 |

Hiện nay, do nguồn vốn đầu tư còn rất hạn chế nên ngay cả việc rất thiết yếu để bảo tồn di sản như đền bù giải tỏa, di dời các hộ dân đang sinh sống trong khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích cũng rất khó khăn. Việc di dời và đảm bảo đời sống tái định cư của người dân luôn đòi hỏi nguồn kinh phí lớn và khẩn trương.

- *Công tác bảo tồn, tu bổ di tích chịu sự chi phối của nhiều Luật, Nghị định* nên thời gian thực hiện thủ tục kéo dài. Đặc biệt, theo Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, quy định:

(+) đối với các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia: “Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thỏa thuận chủ trương lập dự án tu bổ di tích và thẩm định dự án tu bổ di tích” (khoản c, Điều 17).

(+) đối với di tích cấp tỉnh: “Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thỏa thuận chủ trương lập dự án tu bổ di tích và thẩm định dự án tu bổ di tích” (khoản d, Điều 17).

Quần thể di tích Cố Đô Huế không được xếp hạng riêng lẻ theo từng công trình mà được công nhận chung là Di tích quốc gia đặc biệt. Vì vậy, theo Nghị định này, việc lập hồ sơ tu bổ cho các công trình, hạng mục trong Quần thể di tích Cố Đô Huế phải qua nhiều cấp chính quyền từ thành phố, đến tỉnh rồi đến Trung ương, trong khi đó, việc tu bổ di tích là thường xuyên, số lượng tu bổ nhiều và khẩn cấp và trong nhiều trường hợp chỉ là sửa chữa nhỏ,… Do đó, việc áp dụng theo Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ sẽ kéo dài thời gian với các thủ tục hành chính, khó khăn trong việc sửa chữa kịp thời vào mùa mưa, bão.

- Công tác bảo tồn di tích ở Cố đô Huế nói riêng và cả nước nói chung là một lĩnh vực khoa học còn rất mới. Đây là một công việc vô cùng phức tạp quan hệ đa ngành, trong khi đó các văn bản về công tác bảo tồn chủ yếu tập trung vào công tác quản lý đối với các di sản nói chung, nhưng lại thiếu các quy định cụ thể hoặc một số quy định chưa sát với thực tiễn quản lý đối với di sản gắn liền với cuộc sống người dân[[18]](#footnote-18). Do vậy, những năm qua, tỉnh Thừa Thiên Huế gặp nhiều khó khăn trong công tác đầu tư, quản lý cấp phép tu bổ di tích, quản lý kinh doanh trưng bày hàng hóa,.... trong khu vực có di tích quốc gia đặc biệt. Bên cạnh đó, công tác thiết kế, lập dự án trùng tu di tích và triển khai thi công vốn là một công tác mang tính chất hết sức đặc thù, rất *cần có những cơ chế, quy định ưu tiên đặc biệt dành riêng cho di sản văn hóa thế giới và di tích đặc biệt cấp quốc gia*.

## 2. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách cấp địa phương

### *2.1. Kết quả đạt được*

Trong công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan đã triển khai nhiều chính sách quan trọng, đặc biệt là thể chế hóa các văn bản của Trung ương. Điển hình, tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TV ngày 20/1/1998 về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế, trong đó khẳng định bảo tồn DSVH phi vật thể cung đình Huế là một trong 3 mục tiêu chính của công cuộc bảo tồn DSVH Cố đô Huế. Năm 2001, Tỉnh ủy tiếp tục ban hành Nghị quyết số 04-NQ-TU ngày 30/7/2001 về tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế trong thời kỳ 2001-2005 theo Quyết định 105/TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong đó mục tiêu bảo tồn DSVH phi vật thể cung đình Huế cần tiếp tục đẩy mạnh và phát huy giá trị. Tiếp đến, ngày 15/11/2011, tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 06-NQ/TU về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là trung tâm văn hoá, du lịch đặc sắc của cả nước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Nghị quyết cũng chỉ rõ mục tiêu “*phát huy truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng, giàu bản sắc; khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển văn hóa, du lịch. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đậm đà bản sắc văn hoá Huế gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các DSVH. Gắn văn hoá với du lịch, phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tỷ lệ ngày càng cao trong GDP*”.

Tiếp theo đó, UBND tỉnh đã có công văn số 731VH-UB ngày 9/4/2002 về việc lập hồ sơ Âm nhạc Cung đình Việt Nam - Nhã nhạc, đề nghị UNESCO công nhận là Kiệt tác Di sản Văn hóa Phi vật thể và Truyền khẩu của nhân loại để tạo điều kiện phục hồi nền âm nhạc truyền thống Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Chính nhờ những nỗ lực trên mà tháng 11/2003, UNESCO đã chính thức công nhận Nhã nhạc Cung đình Huế là Kiệt tác Di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (nay là Di sản Văn hóa Phi vật thể Đại diện nhân loại). Đây là một sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thể hiện tầm vóc và sự phong phú, toàn diện của di sản văn hóa Huế trên cả hai lĩnh vực văn hóa vật thể và phi vật thể. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1264/QĐ-UB ngày 18/6/1999 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, trong đó khẳng định bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, nghệ thuật truyền thống văn hóa cung đình Huế... để không ngừng nâng cao khả năng hưởng thụ văn hóa của nhân dân và phục vụ cho sự nghiệp phát triển du lịch của tỉnh. Đồng thời cho phép thành lập Nhà hát Truyền thống Cung đình Huế để bảo tồn DSVH phi vật thể cung đình Huế. Ngày 15/5/2011, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND về thực hiện Quyết định số 818/QĐ-TTg ngày 7/6/2010 về điều chỉnh quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích cố đô Huế giai đoạn 2010-2020. Ngoài ra, để mở ra triển vọng mới cho việc phát huy giá trị các DSVH của tỉnh, ngày 5/12/2012, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 5/12/2012 phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ trên cơ sở phát huy giá trị di tích Cố đô Huế đến năm 2020[[19]](#footnote-19).

Gần đây, ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 54-NQ/TW, tại Hội nghị lần thứ 17 (Khóa XV), tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/10/2019 thông qua Đề án Xây dựng, phát triển đô thị Huế đến năm 2030, trong đó mục tiêu xuyên suốt là đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, và UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định 3342/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc phê duyệt Đề án xây dựng, phát triển đô thị Huế đến năm 2030. Quan điểm của đề án là “*xây dựng và phát triển đô thị Huế trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh*”.

Bên cạnh đó, Tỉnh ủy và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế còn chú trọng đến việc đầu tư ngân sách địa phương cho công tác giữ gìn và phát huy di sản văn hóa, kịp thời chỉ đạo phân công, phân cấp các ngành các cấp địa phương cùng phối hợp triển khai đồng bộ công tác giữ gìn và phát huy các giá trị di sản. Đồng thời, tỉnh đã chủ động tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong quá trình gìn giữ, trùng tu các di tích. Thừa Thiên Huế đã có sự hợp tác với UNESCO, Nhật Bản, Ba Lan, Canada, Pháp, Anh, Đức, Thái Lan, Bỉ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ,... để thực hiện hàng chục dự án trùng tu, nghiên cứu bảo tồn và đào tạo nguồn nhân lực. Nổi bật trong đó là dự án hợp tác nghiên cứu kiến trúc truyền thống Huế để hướng đến việc phục hồi điện Cần Chánh (hợp tác với Đại học Waseda) đã thực hiện hơn 20 năm qua (1994-2016); dự án hợp tác với nhóm chuyên gia Đức để phục hồi tranh tường cung An Định, Tối Linh Từ ở khu Phủ Nội Vụ, khu vực cổng và bình phong khu vực lăng mộ vua Tự Đức, công trình Tả Vu; dự án hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc và UNESCO để thực hiện chương trình quốc gia về bảo tồn và phát huy Nhã Nhạc cung đình Huế (2005-2008).

Hoạt động nghiên cứu phục hồi một số lễ hội cung đình quan trọng đã được tỉnh chỉ đạo khẩn trương thực hiện. Điển hình như, lễ Tế Nam giao, lễ tế Xã Tắc, lễ Truyền Lô- Vinh quy bái tổ (lễ vinh danh Tiến Sĩ dưới thời Nguyễn), lễ hội thi Tiến sĩ Võ; những lễ hội mang màu sắc văn hóa cung đình như Huyền thoại sông Hương, Đêm Hoàng cung, Hành trình mở cõi. Đặc biệt là trong các dịp lễ hội Festival Huế, các loại hình nghệ thuật Cung đình, bao gồm cả lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật thư pháp, nghệ thuật ẩm thực, trò chơi… đã thực sự đóng vai trò trung tâm trong các hoạt động của Thừa Thiên Huế, trở thành đại diện tiêu biểu của văn hóa Huế trong sự đối thoại, giao lưu với bạn bè quốc tế.

Gần đây, giống như một số thành phố/đô thị/trung tâm du lịch lớn của đất nước (như: Hà Nội, tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,…), Thừa Thiên Huế cũng đã và chủ động phát triển hoạt động kinh tế ban đêm để nhằm khai thác mô hình kinh tế mới, hướng tới thúc đẩy tối đa tiềm năng phát triển của địa phương.Thành phố Huếđang triển khai dự án “Sáng và sống” với mục đích tạo thêm nhiều dịch vụ về đêm cho khách du lịch và người dân. Thành phố đã đưa vào hoạt động hệ thống chiếu sáng kỳ đài và phố đi bộ.

Nhìn chung, dưới sự chỉ đạo của Trung ương và sự khẩn trương triển khai của chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế, công cuộc bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã được triển khai và đạt kết quả rất quan trọng. Di sản văn hoá Huế đã vượt qua giai đoạn cứu nguy khẩn cấp và đang từng bước được hồi sinh, diện mạo ban đầu của một Cố đô lịch sử dần dần được hồi phục. Cơ sở hạ tầng các khu di tích như: Hệ thống đường, điện chiếu sáng khu vực: Đại Nội, Quảng trường Ngọ Môn - Kỳ Đài, điện đường đến các lăng Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Khải Định... đã được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống sân vườn sân vườn các di tích Hưng Miếu, Thế Miếu, cung Diên Thọ, Cung An Định... được tu bổ hoàn nguyên. Điều quan trọng là, các di tích đã được tu bổ đều đảm bảo các nguyên tắc khoa học về bảo tồn của quốc gia và thỏa mãn các điều luật của Hiến chương, Công ước quốc tế mà Chính phủ ta đã thừa nhận, được các nhà khoa học trong nước và quốc tế đánh giá cao. Theo đánh giá của UNESCO, công cuộc bảo tồn di tích Huế hiện đang chuyển sang giai đoạn ổn định và phát triển bền vững. Đặc biệt, việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa đã luôn gắn chặt với quá trình khai thác, phát huy và tạo điều kiện cho kinh tế du lịch, dịch vụ phát triển.

### *2.2. Hạn chế và nguyên nhân*

Mặc dù, công tác xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách của tỉnh thời gian qua đã đạt được một số kết quả quan trọng, tuy nhiên, vẫn còn một số điểm lưu ý như:

(i) Công tác bảo tồn, tôn tạo di tích còn chậm, đặc biệt là công tác di dời các hộ dân lấn chiếm di tích còn nhiều khó khăn.

(ii) Công tác quản lý và khai thác các giá trị di sản chưa phát huy hiệu quả, đặc biệt tiềm năng của việc phát triển dịch vụ trong các khu vực di tích lớn song việc khai thác còn khiêm tốn.

(iii) Việc gìn giữ, bảo tồn và khôi phục di sản văn hóa phi vật thể rất khó khăn, đặc biệt các bản nhạc cung đình Huế. Do bộ môn nghệ thuật này qua một thời gian dài chưa được chú trọng hoặc chưa có điều kiện bảo tồn nên việc truyền nghề từ nghệ nhân lớn tuổi sang lớp trẻ còn rất hạn chế.

(iv) Thừa Thiên Huế có nguy cơ mất dần vị thế là điểm hấp dẫn, yêu thích của khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch trẻ quốc tế. Bên cạnh đó, tỉnh cũng có nguy cơ mất dần vị thế là trung tâm giáo dục, đào tạo và khoa học - công nghệ trong vùng Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên

*Nguyên nhân chính là do:*

- Nguồn ngân sách địa phương dành cho công tác tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản còn hạn hẹp. Bên cạnh đó, việc huy động nguồn vốn xã hội hóa cũng rất hạn chế do chính sách khuyến khích xã hội hóa chưa thực sự hấp dẫn.

- Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp, hấp dẫn để thu hút, đãi ngộ nhân tài, đặc biệt là chế độ đãi ngộ, tôn vinh các nghệ nhân lớn tuổi trong việc truyền nghề của thế hệ trước cho các thế hệ kế tiếp kể cả về kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức và tư liệu. Việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong ngành du lịch và bảo tồn di sản chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

- Tư duy, năng lực chuyên môn, khả năng dự báo, tính tích cực và tinh thần trách nhiệm của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong công tác bảo tồn, gìn giữ và phát triển di sản văn hóa còn hạn chế.

- Liên kết giữa các địa phương trong vùng miền Trung, đặc biệt là vùng Duyên hải miền Trung trong việc quảng bá, phát triển chuỗi du lịch và bảo tồn di sản văn hóa thế giới còn hạn chế.

# III. Phân tích lợi thế, khó khăn, cơ hội và thách thức đối với Thừa Thiên Huế có đặc thù về di sản

## 1. Phân tích lợi thế và cơ hội

### *1.1. Lợi thế*

1.1.1. Vị trí địa lý

Thừa Thiên Huế có vị trí chiến lược quan trọng với bờ biển dài 128 km và cảng biển nước sâu Chân Mây nên rất thuận lợi trong phát triển kinh tế biển (cảng biển, đánh bắt thủy sản,...). Bên cạnh đó, Thừa Thiên Huế có 81 km đường biên giới tiếp giáp với CNDCND Lào với hai cửa khẩu chính (cửa khẩu quốc gia)[[20]](#footnote-20) và cảng hàng không quốc tế Phú Bài nên cũng thuận lợi trong giao thương trong nước và quốc tế. Tỉnh nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc-Nam (cả tuyến đường bộ và tuyến đường sắt), trục hành lang Đông-Tây nối từ Myanmar sang miền Trung Việt Nam ra biển Đông. Với lợi thế của hành lang kinh tế Đông-Tây, không chỉ kết nối đến các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mà còn thông qua "Con đường phát triển" từ ASEAN đến Ấn Độ, Trung Đông và Châu Âu.

1.1.2. Là nơi hội tụ các di sản văn hóa, kiến trúc và ẩm thực

Hiện nay, tỉnh đang sở hữu đến 7 di sản thế giới do UNESCO phong tặng, trong đó có đến 5 di sản thuộc về một triều đại, với đầy đủ cả 3 loại hình: di sản vật thể, di sản phi vật thể và di sản tư liệu. Đây là điều rất hiếm gặp ở trên phạm vi toàn thế giới. Thừa Thiên Huế vẫn còn bảo tồn được một hệ kiến trúc thành trì pha trộn phong cách truyền thống và phong cách phương Tây; một hệ cung điện độc đáo với điện, đình, lầu, các, lăng, tạ…; một hệ đàn miếu với đủ cả đàn Nam Giao, đàn Xã Tắc, miếu thờ Tổ, miếu thờ Thần…; một hệ lăng tẩm, chùa chiền với quy mô lớn và phong cách độc đáo; một hệ thống cầu cống, thủy đạo cổ vẫn vận hành qua hàng thế kỷ; một hệ thống vườn cung đình; hệ thống phủ đệ, nhà vườn,...

Như vậy, xét về quy mô, tính độc đáo, kho tàng di sản Thừa Thiên Huế luôn được xếp hàng đầu không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn ở cấp độ Châu lục và trên toàn thế giới. Ông Amadou Mahtar M’Bow (nguyên Tổng giám đốc UNESCO) đã từng đánh giá: “*Cách cấu tạo tượng trưng của các khoảng không gian khác nhau làm cho Huế trở nên thành phố của sự hài hòa tuyệt diệu. Huế thực hiện được sự tổng hợp đạo và đời trong kiến trúc, tổng hợp được cổ xưa và hiện đại; qua đó Cố đô cổ kính chung sống hài hòa với thành phố trẻ mới ngày nay*”.

Bên cạnh đó, Thừa Thiên Huế có gần 1.000 di tích lịch sử, trong đó có 02 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 88 di tích cấp Quốc gia, 78 di tích cấp tỉnh; 02 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (gồm: Ca Huế (2015); Dệt Dèng (2016); có trên 500 lễ hội (trong đó: 58 lễ hội tiêu biểu được duy trì, tổ chức); 8 hiện vật và nhóm hiện vật (gồm: 33 hiện vật) được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Bảo vật quốc gia; 06 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân và 14 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú; 205 công trình, địa điểm lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê,... Ngoài ra, Thừa Thiên Huế cũng là vùng đất lưu giữ những giá trị nghệ thuật ẩm thực với gần 1.700 món ăn từ cung đình đến dân gian, trong tổng số khoảng 2.400 món ăn của cả đất nước Việt Nam. Thừa Thiên Huế cùng với hệ thống di sản khu vực miền Trung, ASEAN và Đông Á đã hình thành tuyến văn hóa du lịch xuyên quốc gia - Con đường di sản, con đường tơ lụa trên biển.

Thừa Thiên Huế là Cố đô duy nhất còn nguyên vẹn của Việt Nam, đây chính là yếu tố nổi trội nhất của một đô thị duy nhất trong hệ thống đô thị Việt Nam có chứa đựng sự tồn tại phát triển của một hệ thống di sản văn hóa - lịch sử kết hợp với cảnh quan thiên nhiên. Nơi đây tạo nên một bản sắc đô thị riêng, nơi lưu giữ ký ức đô thị và tạo sự hấp dẫn, cuốn hút khác du lịch thập phương, và đồng thời là nơi lưu giữ niềm tự hào về truyền thống lịch sử, về các cuộc kháng chiến bảo vệ và thống nhất đất nước.

1.1.3. Các điều kiện khác

- *Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực:* Quá trình phát huy giá trị di sản đã tác động đến cơ cấu kinh tế của tỉnh. Những năm 90 của thế kỷ XX, cơ cấu phát triển của tỉnh là công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ; đến những năm đầu thế kỷ XXI, cơ cấu phát triển là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp và hiện nay cơ cấu phát triển là dịch vụ du lịch - công nghiệp - nông nghiệp. Hiện tại du lịch dịch vụ chiếm 50% GRDP, đặc biệt năm 2015 và 2016 du lịch dịch vụ chiếm hơn 56% GDP. Từ năm 1990 đến năm 2018, du lịch liên tục tăng trưởng trên tất cả mọi chỉ tiêu. Số lượt khách đến Thừa Thiên Huế từ 81.500 lượt (1990) đã đạt 4,33 triệu lượt (2018); doanh thu từ 154 tỷ (1990) đã tăng lên 4,473 tỷ (2018); đóng góp từ mức 7% trong GDP của tỉnh (1995) đã tăng lên trên 12% (2018)[[21]](#footnote-21). Trong đó, lượng khách tham quan các điểm di tích tăng nhanh từ 1,5 triệu lượt khách (năm 2015) lên 3,5 triệu lượt khách (năm 2018), nguồn thu từ phí tham quan di tích tăng nhanh từ 150 tỷ đồng (năm 2015) lên 381 tỷ đồng (năm 2018).

Du lịch đã kích thích và thúc đẩy sự phát triển của các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các ngành nghề tiểu thủ công mỹ nghệ phát triển đa dạng, một số ngành công nghiệp sạch được lựa chọn kỹ; nông nghiệp chuyển dần theo hướng một nền nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ phục vụ cho du lịch.

- *Thừa Thiên Huế được xác định là điểm đến an toàn* của du khách trong nước và quốc tế.

- Thừa Thiên Huế là địa phương nổi tiếng về *cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng* và tính cạnh tranh cao cho các tỉnh miền Trung và thậm chí cả ở hai miền Bắc, Nam. Nguồn nhân lực chất lượng là điều kiện thuận lợi để tỉnh mở rộng phát triển các ngành nghề có giá trị gia tăng cao như: giáo dục, đào tạo, phát triển khoa học công nghệ, y tế, và đặc biệt là nguồn lao động phục vụ hoạt động du lịch và bảo tồn di sản.

- *Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô* với vóc dáng của một đô thị hiện đại đang dần hiện ra. Đây hứa hẹn là khu kinh tế năng động, khu du lịch hấp dẫn, khu đô thị có sức lan toả mạnh, tạo đà phát triển các đô thị trong hành lang đô thị trọng điểm miền Trung: Huế - Chân Mây - Đà Nẵng - Chu Lai - Dung Quất - Nhơn Hội.

- *Lãnh đạo tỉnh cũng quán triệt phương hướng phát triển địa phương* theo hướng phải kế thừa có chọn lọc những tinh hoa, trí thức để giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa, giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, tiếp tục xác định tài nguyên di sản, tài nguyên sinh thái là động lực phát triển của tỉnh. Chính quyền tỉnh quyết tâm sớm xây dựng phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh.

### *1.2. Cơ hội phát triển xa hơn của Thừa Thiên Huế*

1.2.1. Được xác định “đô thị trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế”

Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 đã xác định “*Mạng lưới đô thị cả nước được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị trung tâm, gồm thành phố trung tâm cấp quốc gia như: Thủ đô Hà Nội, các thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế*”[[22]](#footnote-22). Tiếp đến, Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 vẫn tiếp tục khẳng định “*Mạng lưới đô thị cả nước được hình thành và phát triển trên cơ sở các đô thị trung tâm, gồm thành phố trung tâm cấp quốc gia, khu vực và quốc tế như: Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, và Huế*”. Bên cạnh đó, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã nhấn mạnh “*Thành phố Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn trở thành các trung tâm du lịch, thương mại và giao dịch quốc tế lớn của Vùng và cả nước, đảm nhận chức năng dịch vụ thương mại và trung tâm du lịch của cả khu vực Miền Trung và Tây Nguyên*” và “*Các khu kinh tế Chu Lai, Dung Quất, Chân Mây - Lăng Cô và Nhơn Hội là những hạt nhân, trung tâm phát triển lớn của vùng*”[[23]](#footnote-23). Tại Kết luận 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020 cũng khẳng định phương hướng “Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong vài năm tới, là trung tâm của khu vực miền Trung và một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hóa, du lịch, khoa học - công nghệ, y tế chuyên sâu và giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao”. Với lợi thế này, Thừa Thiên Huế có nhiều thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực vào phát triển kinh tế-xã hội ở trình độ cao hơn và đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, gần đây Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW về xâu dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đã chỉ đạo việc xây dựng Đề án về “*Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế*”. Điều này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với việc quyết tâm xây dựng Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc trung ương với đặc thù về di sản của Việt Nam.

1.2.2. Du lịch văn hóa, du lịch di sản đang phát triển mạnh

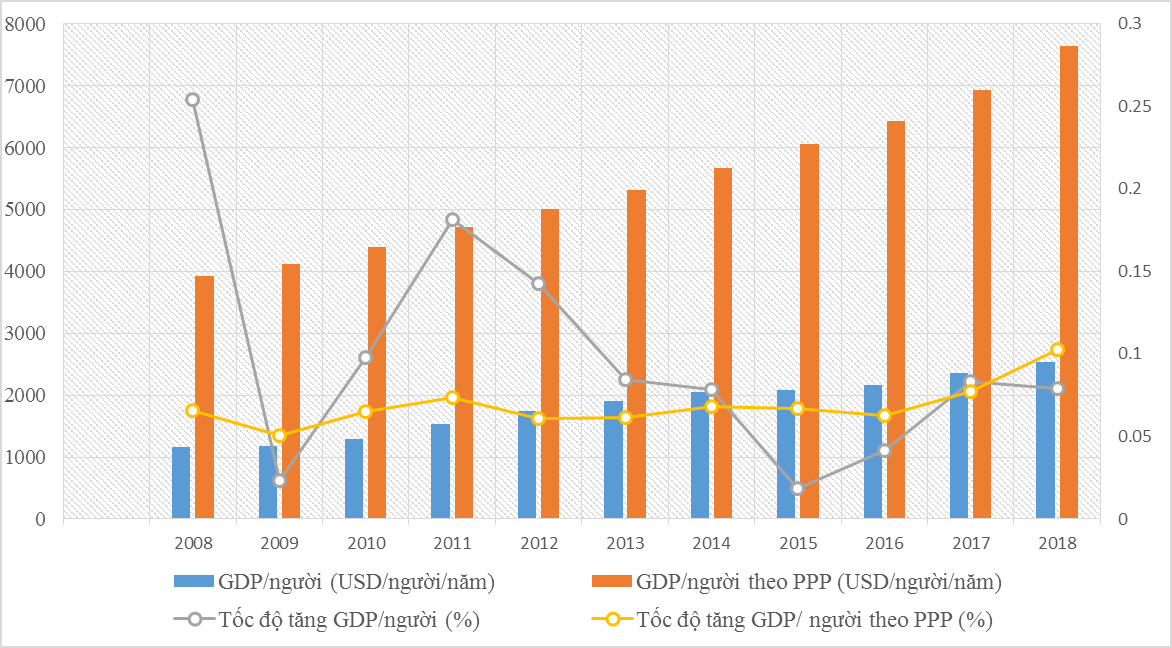
Xu hướng du lịch văn hóa, du lịch di sản hiện nay đang phát triển mạnh và là một trong những xu hướng phát triển kinh tế trên thế giới. Theo Insider Exclusive, du lịch di sản được coi là phân khúc phát triển nhanh nhất trong ngành du lịch. Theo đó, khách du lịch di sản thường tiêu dùng nhiều hơn 60% so với thông thường (khoảng 1.319 đô la/chuyến, so với trung bình 820 đô la đối với các hình thức du lịch nói chung). Khách du lịch di sản cũng thực hiện nhiều lượt du lịch hơn so với trung bình các hình thức du lịch khác (3,6 chuyến/năm so với 3,4 chuyến/năm). Thống kê của UNESCO cho thấy, ở những nơi có di sản thế giới được công nhận đã thu hút du khách đến thăm đông hơn, ở lại lâu hơn 2,5 lần so với nơi khác có đặc điểm tương đương. Tuy nhiên ở những nơi này phải đối mặt với nguy cơ mai một bản sắc, môi trường ô nhiễm, quá tải du khách so với sức chứa của di sản, gây tổn hại cho di sản.

1.2.3. Có nhiều dư địa để phát triển du lịch, qua đó thu hút đầu tư để bảo tồn và phát triển di sản văn hóa

Những năm gần đây, số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng. Theo số liệu Tổng cục Du lịch công bố, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đã tăng gấp đôi trong 3 năm (từ 7,9 triệu lượt năm 2015 lên 15,5 triệu lượt năm 2018). Tính cả năm 2019, lượng khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt 18 triệu lượt người và thu về 726.000 tỷ đồng. Năm 2020, ngành du lịch Việt Nam phấn đấu đón khoảng 20,5 triệu lượt khách quốc tế. Theo báo cáo năng lực cạnh tranh ngành lữ hành và du lịch (do Diễn đàn Kinh tế thế giới công bố năm 2019), du lịch Việt Nam được xếp hạng thứ 6/10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng khách du lịch cao nhất[[24]](#footnote-24). Tuy nhiên, theo số liệu thống kê năm 2018 của Master Card, trung bình du khách tại Bangkok (Thái Lan) chi tiêu mỗi ngày khoảng 173 USD, trong khi con số đó tại Việt Nam là 96 USD.

Thêm vào đó, GDP bình quân đầu người của Việt Nam có sự cải thiện đáng kể, với tốc độ tăng bình quân 8,2%/năm giai đoạn 2008-2018. Từ năm 2007 trở về trước, Việt Nam là nước thu nhập thấp với GDP bình quân đầu người đều dưới 1.000 USD/người/năm. Nhưng từ năm 2008, Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình thấp, và qua hơn một thập kỷ 2008 - 2018, GDP bình quân đầu người đã tăng 2,2 lần (đạt 2.540 USD/người năm 2018). Tính theo sức mua tương đương (PPP) thì GDP bình quân đầu người đã tăng 1,9 lần trong giai đoạn 2008-2018 và đạt 7.640 USD/người năm 2018.

**Hình 1: GDP bình quân đầu người của Việt Nam 2008 - 2018**

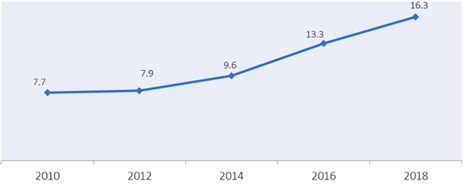


*Nguồn:* Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF: World Economic Outlook (WEO) Database, October 2018)

*Ghi chú*: GDP/người và GDP/người theo PPP được thể hiện trên trục trái, tốc độ tăng được thể hiện trên trục phải*.* Số liệu năm 2018 là ước tính của IMF

Bên cạnh đó, thu nhập từ tầng lớp trung lưu liên tục tăng. Trong giai đoạn 2014-2016, trung bình mỗi năm Việt Nam có thêm 1,5 triệu người gia nhập tầng lớp trung lưu. Nếu giả thiết duy trì được mức tăng bình quân này thì đến năm 2018, tầng lớp trung lưu chiếm khoảng 16,3% dân số Việt Nam, với mức sống từ 15 USD/ngày trở lên, đang dành nhiều tiền và thời gian để tận hưởng cuộc sống. Trong khi đó, khảo sát của The Conference Board và Niesel cho thấy 43% tiền nhàn rỗi của người tiêu dùng Việt Nam được sử dụng cho mục đích giải trí.

**Hình 2: Tỷ lệ tầng lớp trung lưu/dân số hàng năm, 2010-2018 (%)**



*Nguồn:* Brands Vietnam

Điều này cho thấy, trong tương lai dư địa để khai thác khách du lịch ở Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng là rất lớn.

1.2.4. Các điều kiện khác

- *Hội nhập quốc tế:* Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo điều kiện cho các nước phát triển biết đến thương hiệu, hình ảnh, sản phẩm và thế mạnh của Thừa Thiên Huế. Với thế mạnh về di sản văn hóa, du lịch, y tế chuyên sâu và giáo dục - đào tạo, hội nhập quốc tế hứa hẹn du khách sẽ đến địa phương nhiều hơn, và các nhà đầu tư sẽ đầu tư nhiều hơn vào địa phương nhằm thúc đẩy phát triển Thừa Thiên Huế nhanh và bền vững.

Gần đây, nội dung hợp tác giữa các nước tiểu vùng sông Mekông đã ngày càng được mở rộng không chỉ trong hoạt động thương mại mà còn trong hoạt động du lịch, dịch vụ và công nghiệp. Ngoài ra, xu hướng của thế giới, các nước trong khu vực và Việt Nam ngày càng coi trọng phát triển kinh tế biển, hướng ra biển đang tạo ra cơ hội thuận lợi để Thừa Thiên Huế thu hút sự quan tâm nhiều hơn nữa của Trung ương và của xã hội, cộng đồng. Từ đó, một số ngành nghề, lĩnh vực mà tỉnh có thể mạnh như: du lịch biển, dịch vụ hậu cần, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản sẽ có cơ hội phát triển mạnh mẽ.

- *Đẩy mạnh công nghiệp 4.0:* dựa trên số hóa và kết nối là xu thế của thế giới, cùng với sự chỉ đạo mạnh mẽ của Chính phủ trong xây dựng chính quyền điện tử và xây dựng chiến lược cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra nhiều lợi thế cho tỉnh trong việc việc thực hiện cải cách hành chính, công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước; đồng thời với việc tiếp cận công nghệ mới giúp tối ưu hóa các nguồn lực để sản xuất ra những sản phẩm đáp ứng tốt nhất với nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó, công nghiệp 4.0 cũng góp phần vào công cuộc gìn giữ, tái hiện, phục dựng di sản văn hóa nhanh hơn, đầy đủ và toàn diện hơn.

## 2. Phân tích khó khăn và thách thức

### *2.1. Khó khăn*

2.1.1. Điều kiện khí hậu

Thừa Thiên Huế mang đậm nét vùng chuyển tiếp giữa hai miền Bắc và miền Nam. Thừa Thiên Huế có khí hậu tương đối khắc nghiệt, mùa khô nóng, nhiệt độ cao (từ tháng 5 đến tháng 8) và mùa mưa ẩm lạnh (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau). Thừa Thiên Huế thường gánh chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió chính là: gió mùa Tây Nam, gió khô nóng, bốc hơi mạnh nên gây khô hạn kéo dài; và gió mùa Đông Bắc, gió thường kèm theo mưa, dễ gây lũ lụt. Điều kiện khí hậu cũng là một trong những yếu tố quan trọng gây khó khăn trong việc bảo tồn và duy tu di sản, và phát triển ngành du lịch của tỉnh.

2.1.2. Công tác bảo tồn di sản còn gặp khó khăn

Do số lượng di sản, di tích quá lớn *(với hơn 1.000 di tích kiến trúc nghệ thuật),* công trình di tích thuộc quần thể di tích Huế, trải dài trên diện rộng, ở nhiều địa phương trong tỉnh (gồm: thành phố Huế, thị xã Hương Trà, Hương Thủy và 02 huyện: Phú Lộc, Phú Vang). Hiện còn nhiều công trình vẫn đang ở trong tình trạng hư hỏng nặng, nhiều công trình đã trở thành phế tích và bị biến dạng qua thời gian, đặc biệt một số công trình có giá trị tiêu biểu về mặt lịch sử, mỹ thuật, hình thức kiến trúc như khu vực: Kinh thành Huế, phổ cổ, hội quán, đình, chùa, miếu, bảo tàng,… Nếu công tác tu bổ di tích không được triển khai sớm, việc phục hồi, khôi phục di tích sẽ rất khó khăn, và trong nhiều trường hợp di tích có thể bị mất vĩnh viễn.

Hiện nay, công tác bảo tồn di sản đô thị còn gặp khó khăn, bất cập do một bộ phận cán bộ có sự buông lỏng quản lý, đồng thời do sự cứng nhắc trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng khi phân loại và tiếp cận di sản. Tiếp cận một di sản, dù được công nhận hay chưa, trước hết, phải tôn trọng và ứng xử khách quan, nhân văn.

Bên cạnh đó, nguồn lực trong phát triển kết cấu hạ tầng và các thiết chế văn hóa, xã hội; trùng tu di tích *(ngoài Quần thế di tích cố đô Huế)* còn quá thấp nên nhiều di tích xuống cấp nghiêm trọng. Festival Huế đã trở thành thương hiệu quốc tế nhưng mức đầu tư chưa tương xứng với quy mô cần có. Sự hỗ trợ nguồn lực của Trung ương đối với một số Đề án đã được Chính phủ phê duyệt chưa kịp thời và đồng bộ nên ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Kết luận số 48-KL/TW và Thông báo số 175-TB/TW. Ngoài ra, nguồn nguyên vật liệu phục vụ tu bổ, tôn tạo di tích để đảm bảo tính chuẩn xác ngày càng khan hiếm (các loại gỗ, gạch, ngói truyền thống), thợ có tay nghề cao trong nghề xây dựng truyền thống cũng không còn nhiều.

*Để gỡ nút thắt này và để tận dụng ưu thế đặc thù của một thành phố di sản, Thừa Thiên Huế rất cần có cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, đầu tư và được phân cấp quản lý mạnh hơn.*

2.1.3. Hoạt động du lịch chưa được khai thác triệt để

Hiện nay, theo số liệu khảo sát của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch (Tổng cục Du lịch), lượng khách quốc tế đến với Thừa Thiên Huế trung bình hàng năm chỉ mới bằng 1/3 của Hà Nội, 1/4 của Tp. Hồ Chí Minh và gần 70% của Đà Nẵng, Khánh Hòa. Ngoài ra, giá trị tổng thu từ khách du lịch/lượt khách đến Thừa Thiên Huế thấp hơn so với những trung tâm du lịch khác của cả nước. Điều này cho thấy hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch của tỉnh còn hạn chế.

Hoạt động kinh tế về đêm (mảnh đất màu mỡ, mỏ vàng của du lịch đang được nhiều địa phương trong và ngoài nước khai thác triệt để) của Thừa Thiên Huế cũng chưa thực sự sôi động, đặc biệt là so với Đà Nẵng - thành phố liền kề. Từ tháng 10/2019, Đà Nẵng đã bắt đầu thí điểm phát triển kinh tế ban đêm, tập trung vào 3 nhóm dịch vụ chính: dịch vụ ẩm thực, dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ mua sắm, với mục đích xây dựng, hình thành nhiều không gian, mô hình giải trí mới với trải nghiệm bãi biển “không ngủ”[[25]](#footnote-25). Nếu Thừa Thiên Huế chậm chân trong việc ban hành Chiến lược/kế hoạch phát triển kinh tế ban đêm thì nguy cơ mất khả năng cạnh tranh, đặc biệt là khả năng cạnh tranh về du lịch là rất lớn.

2.1.4. Vai trò và lợi thế của liên kết vùng trong khai thác giá trị di sản văn hóa chưa được phát huy đầy đủ

Hiện nay, các tỉnh thuộc vùng miền Trung, đặc biệt là vùng Duyên hải miền Trung và Thừa Thiên Huế nói riêng chưa định hình được sức mạnh tổng hợp của liên kết vùng. Điểm mạnh, điểm yếu của từng tỉnh trong vùng và của cả vùng chưa được xác định rõ, đặc biệt là chuỗi du lịch mang tính vùng còn hạn chế. Vì vậy, việc liên kết trong phát triển du lịch của vùng cũng cần được chú trọng khai thác trong thời gian tới.

### *2.2. Thách thức*

2.2.1. Mâu thuẫn trong quá trình phát triển đô thị có di sản

Có hai mâu thuẫn lớn đang hiện hữu, đó là:

- Áp lực giữa việc bảo tồn, gìn giữ nguyên vẹn giá trị di sản văn hóa với quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa. Áp lực đô thị hóa đang bộc lộ ngày càng rõ nét và gây ra hệ lụy đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của đô thị Huế có đặc thù về di sản. Hiện trong khu vực Kinh Thành Huế (vùng lõi) có *khoảng 80.000* người đang sinh sống, không kể một số lượng lớn du khách trong và ngoài nước thường xuyên có mặt hằng ngày. Những tác động tiêu cực do hoạt động của con người gây ra trong thời gian gần đây, xuất phát từ áp lực của sự phát triển du lịch, của tốc độ đô thị hóa, nhu cầu cuộc sống hiện đại và cả vấn đề dân số, dân cư về xây dựng, sửa chữa nhà ở, kinh doanh,... diễn ra với tốc độ quá nhanh, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý quy hoạch xây dựng, phân thửa đất đai, giao thông,....

Áp lực từ nhu cầu cuộc sống đang dần phá vỡ không gian cảnh quan xung quanh di sản. Ở Thừa Thiên Huế, hiện nay nhiều di sản nằm ở những vị trí “đất vàng”, tại các khu vực trung tâm thành phố nên khả năng bị “thôn tính” rất lớn. Điều này thể hiện rõ ở sự biến mất nhanh chóng của nhiều biệt phủ, nhà rường và bị thay thế bởi các tòa nhà văn phòng, cao ốc hiện đại hoặc trở thành bãi đất trống “nằm chờ” dự án. Lối kiến trúc đặc trưng riêng của biệt phủ, nhà rường cố đô Huế luôn gắn với có không gian cây xanh, khuôn viên, hàng rào bao quanh. Rộng hơn nữa là cảnh quan của những đường phố xung quanh, dưới những hàng cây rợp bóng cũng đang dần thu hẹp. Không gian đô thị Huế có đặc thù về di sản đang dần mất đi một phần bản sắc văn hóa.

- Áp lực giữa việc phát triển du lịch, phát huy giá trị di sản văn hóa và thu hút đầu tư phát triển kinh tế. Mặc dù, đã có một số công trình hạ tầng lớn được đầu tư trong vòng 10 năm gần đây trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của tỉnh. Cơ sở hạ tầng còn hạn chế, thiếu đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp còn thấp hơn so với yêu cầu phát triển kinh tế nên ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, phát triển kinh tế của tỉnh. Hiện nay, thu hút sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu là chế biến thô, gia công với giá trị gia tăng thấp. Phần lớn doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có quy mô vốn nhỏ. Công nghệ chế biến, sản xuất còn lạc hậu và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, và ảnh hưởng đến phát triển du lịch.

Hiện nay, Luật Di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mới chỉ đưa ra khung pháp lý và các quy định về bảo vệ các di tích, di sản văn hóa phi vật thể. Hiện chưa có khung pháp lý bảo vệ thành phố/đô thị có di sản. Các quy định pháp lý hiện nay đang thiếu các quy định cụ thể và quy định chưa sát với thực tiễn quản lý đối với di sản gắn liền với cuộc sống của người dân. Do vậy, địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong công tác phát triển kinh tế - xã hội xứng tầm với một đô thị loại 1 có di sản của quốc gia và thế giới. Vì vậy, *nếu không có cơ chế, tính chất đặc thù trên nhiều khía cạnh, đó là chính sách tài chính, ngân sách, đầu tư và phân cấp quản lý thì một mình Thừa Thiên Huế không thể giải quyết được các mâu thuẫn trong quá trình xây dựng phát triển trở thành thành phố trưc thuộc trung ương.*

2.2.2. Quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

Hiện nay, các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị chưa tính đến yếu tố đô thị đặc thù, trong đó loại hình đô thị có đặc thù về di sản. Mặc dù, ngày 25/5/2009, Bộ Chính trị khóa X có ban hành Kết luận số 48-KT/TW, trong đó có đề cập “*Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trong vài năm tới*”, tuy nhiên, tới nay Thừa Thiên Huế vẫn chưa được công nhận trở thành thành phố trực thuộc Trung ương do không đáp ứng được một số tiêu chí quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các tiêu chuẩn khó đạt được đối với đô thị Huế, bao gồm tỷ lệ tăng dân số hàng năm, quy mô dân số, mật độ dân số đô thị. Quan điểm của Đảng và của tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc xây dựng và phát triển địa phương là “*trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh*”. Vì vậy, việc tăng mật độ dân số áp dụng cho Thừa Thiên Huế là không phù hợp với định hướng phát triển và sẽ gây nên các tác động tiêu cực đến di sản văn hóa và thậm chí có thể đi ngược với quan điểm bảo tồn đô thị có đặc thù về di sản.

2.2.3. Mức độ biến động bất thường từ các yếu tố bên ngoài

- Tình trạng nắng nóng, khô bức hay mưa gió, lũ lụt đang trở thành mối đe dọa lớn không chỉ cho vùng mà đây cũng là thách thức của tỉnh trong việc gìn giữ và phát triển di sản văn hóa nói riêng và phát triển kinh tế-xã hội nói chung.

- Những biến động khó lường, phức tạp của tình hình thế giới, nhất là trong vấn đề chủ quyền biển đảo; sự cạnh tranh gay gắt và các khó khăn trong hội nhập kinh tế quốc tế; các nguy cơ tiềm ẩn về kinh tế vĩ mô, các biến động về kinh tế - xã hội nảy sinh ngoài dự báo gây nhiều ảnh hưởng bất lợi đến nỗ lực của tỉnh trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quản lý đô thị, tài nguyên, môi trường,...

# Phần 3

# GIẢI PHÁP VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI

# THỪA THIÊN HUẾ TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG CÓ ĐẶC THÙ VỀ DI SẢN

# I. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển

## 1. Quan điểm và mục tiêu

### *1.1. Quan điểm phát triển*

- Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh. Trong đó, chú trọng phát triển kinh tế du lịch làm động lực phát triển đô thị để hướng đến xây dựng một “*thành phố du lịch di sản*” trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh.

- Bảo tồn toàn vẹn các giá trị di sản văn hóa Thừa Thiên Huế là bảo tồn tài sản văn hóa của dân tộc, đồng thời góp phần gìn giữ và làm phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa nhân loại. Công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tuân thủ các công ước quốc tế về bảo tồn di sản văn hóa nhân loại mà Việt Nam đã tham gia.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, giữa bảo tồn, giữ gìn truyền thống và phát huy các giá trị di sản, trong đó bảo tồn là cốt lõi; giữa phát triển đô thị có đặc thù về di sản và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó phát triển thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn và phát triển đô thị có đặc thù về di sản.

- Bảo tồn, phát huy giá trị di sản Thừa Thiên Huế phải thực hiện đồng thời, đồng bộ trên cả ba lĩnh vực là di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa cảnh quan đô thị và thiên nhiên. Đồng thời phải gắn với tăng trưởng kinh tế, với phát triển du lịch di sản, tạo thành thế mạnh trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế và phát huy mọi lợi thế, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho hội nhập và phát triển bền vững.

- Nâng cao nhận thức và năng lực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về các hoạt động gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thành phố có di sản Thừa Thiên Huế, trên cơ sở đó khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp vào công cuộc phát triển thành phố Thừa Thiên Huế có tính chất đặc thù về di sản.

### *1.2. Mục tiêu phát triển*

*Mục tiêu chung:* Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh; là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; liên kết với Đà Nẵng trở thành cực tăng trưởng của Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, Vùng Duyên hải Miền Trung.

*Mục tiêu cụ thể:*

- Xác định ranh giới, phạm vi và đối tượng nghiên cứu bảo tồn và phát huy các giá trị di sản Huế cụ thể với từng loại công trình kiến trúc: thành lũy, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu, hành cung... (kiến trúc cung đình); kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng và kiến trúc cộng đồng (chùa quán, nhà thờ công giáo, đình làng, miếu làng, nhà thờ họ tộc...); các di tích cách mạng và chiến tranh,; di tích khảo cổ học; nhà vườn truyền thống, khu vực cảnh quan, cây xanh, mặt nước sông hồ...

- Lập quy hoạch bảo tồn, tôn tạo hệ thống các di sản Huế trong quy hoạch tổng thể Thừa Thiên Huế cho những năm trước mắt và lâu dài.

- Xác định các nội dung bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế cả về mặt văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể và cảnh quan môi trường.

- Về định hướng không gian kiến trúc, tuyến di sản và cảnh quan thành phố/đô thị Thừa Thiên Huế chủ yếu gắn liền với sông Hương, từ vùng thượng nguồn đến trung tâm thành phố, nối đến khu phố cổ Bao Vinh - Thanh Hà. Đây là khu vực tập trung các di sản kiến trúc cung đình thời Nguyễn, thời Tây Sơn và thời các chúa Nguyễn nên cần được quy hoạch, bảo tồn nghiêm ngặt, hạn chế tối đa sự phát triển hiện đại để tránh những tác động bất lợi và phá vỡ không gian cảnh quan kiến trúc truyền thống. Việc mở rộng, phát triển đô thị nên hướng về phía đông, đông nam (ra phía khu vực đầm phá và biển), tạo nên các đô thị vệ tinh gắn liền với các khu vực dịch vụ, du lịch, thương mại hiện đại, được xem là những động lực mới để phát triển kinh tế.

## 2. Định hướng phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế phải phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị; với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các quy hoạch phát triển của quốc gia, vùng và tỉnh.

- Phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế cần dựa trên cơ sở phát huy tối đa và sử dụng có hiệu quả các yếu tố nội lực (*nhất là tiềm năng, lợi thế về di sản văn hóa, lich sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Thừa Thiên Huế*) cũng như các nguồn lực từ bên ngoài để thực hiện mục tiêu “Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; liên kết với Đà Nẵng trở thành cực tăng trưởng của Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, Vùng Duyên hải Miền Trung”.

- Phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế theo hướng phát triển xanh, văn minh, hiện đại và bền vững. Đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế thị trường, nắm bắt sức mạnh của dòng thác công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế thế hệ mới, đẩy mạnh đột phá về hạ tầng giao thông, đô thị và nguồn nhân lực để phát triển nhanh và bền vững.

- Nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

# II. Giải pháp phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

## 1. Giải pháp đề xuất bộ tiêu chí đặc thù về phân loại đô thị, trong đó đô thị có tính chất đặc thù trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô Huế và bản sắc văn hóa Huế

Để tạo đột phá, thúc đẩy phát triển đô thị Huế theo định hướng *“Di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường”* đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn (như: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Cần Thơ)*,* Thừa Thiên Huế cần phải có cơ chế đặc thù riêng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế nhằm phục dựng và bảo tồn toàn vẹn các di sản vật thể, phi vật thể và thiên nhiên mang nét đặc trưng của Việt Nam và của nhân loại. Nghị quyết số 54-NQ/TW cũng đã xác định xây dựng “*Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo các tiêu chí đặc thù, trong đó trọng tâm là các tiêu chí về văn hóa đặc sắc và đô thị di sản*”.

Do vậy, cơ chế đặc thù riêng, đó là: sửa đổi, bổ sung tiêu chí phân loại đô thị tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 25/5/2016. Việc sửa đổi Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 theo hướng: (i) bổ sung một số tiêu chí về đô thị có tính chất đặc thù về di sản (như: di sản thế giới, tính đặc trưng và đặc sắc về văn hóa truyền thống, môi trường cảnh quan, sinh thái, tỷ lệ đóng góp của du lịch so với GDP của đô thị,…), và đồng thời (ii) xem xét giảm một số tiêu chí so với đô thị chuẩn.

## 2. Giải pháp về mô hình đô thị Thừa Thiên Huế

Việc điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Huế và sắp xếp, thành lập phường thuộc thành phố Huế, cho phép tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021. Xây dựng mô hình thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương *bao gồm thành phố Huế mở rộng, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị xã Phong Điền và các huyện*). Đề nghị các tiêu chí đặc thù về tiêu chuẩn đơn vị hành chính: Theo mô hình thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, không hình thành các Quận nội thành. Số lượng đơn vị hành chính trực thuộc có 9 đơn vị (quy định chung có 11 đơn vị). Tỷ lệ đơn vị hành chính đô thị/tổng số đơn vị hành chính: 45% (quy định chung đạt 60%).

## 3. Giải pháp bảo tồn di sản vật thể, phi vật thể và phát huy giá trị di sản, văn hóa Huế

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan triển khai Quyết định 2054/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/11/2014 về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, tranh thủ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện các công trình trọng điểm như: xây dựng Bảo tàng mỹ thuật, Bảo tàng lịch sử cách mạng, nâng cấp Thư viện tổng hợp trở thành Trung tâm bảo quản tư liệu quốc gia, xây dựng Trung tâm giao lưu và biểu diễn nghệ thuật tỉnh, nâng cấp trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật tỉnh trở thành Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật. Đồng thời, huy động nguồn vốn xã hội và ngân sách, tập trung các nguồn lực để trùng tu, bảo tồn một số công trình kiến trúc trọng điểm trong Quần thể di tích Cố đô Huế theo Quyết định 818/QĐ-TTg và Quyết định 1880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên các nguồn lực để hoàn chỉnh một số khu vực trọng điểm trong Quần thể di tích Cố đô Huế, đặc biệt là trùng tu khu vực Đại Nội và các di tích tiêu biểu trong Kinh thành Huế.

- Bảo tồn, phục dựng và phát triển các giá trị di sản văn hóa vật thể trong mối quan hệ hài hòa với quy hoạch phát triển đô thị Thừa Thiên Huế. Ưu tiên trùng tu các công trình tiêu biểu, những công trình tạo sự đồng bộ của cụm di tích và các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thành công tác bảo vệ, tu bổ, tôn tạo hệ thống di tích lịch sử và cách mạng, di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt chủ trương bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích. Bảo vệ và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh, đặc biệt là vịnh Lăng Cô, Vườn quốc gia Bạch Mã,...

- Bảo tồn nguyên vẹn đặc trưng, bản sắc văn hoá Huế và các giá trị di sản phi vật thể như: nhã nhạc Cung đình, ca Huế, nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ,... Nâng cao chất lượng các kỳ Festival Huế gắn với phát triển du lịch và quảng bá văn hóa Huế. Phát huy danh hiệu thành phố Văn hóa ASEAN, thành phố Du lịch Sạch ASEAN, thành phố Festival... để khẳng định vị thế Trung tâm văn hóa đặc sắc của Việt Nam. Bên cạnh đó, cần có chính sách đãi ngộ, tôn vinh và tạo mọi điều kiện tốt nhất về vật chất và tinh thần để các nghệ nhân lão thành có thể phát huy mọi khả năng trong việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi đầu tư Trung tâm Hội nghị Quốc tế, Trung tâm giải trí điện ảnh, hình thành khu dịch vụ du lịch cao cấp tam giác Hà Nội - Lê Lợi - Hùng Vương,...

- Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn di sản; huy động các nguồn vốn ODA, NGO cho việc phục dựng, trùng tu di tích; huy động sự tham gia của các Quỹ quốc tế vào dự án bảo tồn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá mạnh mẽ ra cộng đồng quốc tế về hình ảnh của Việt Nam, của Thừa Thiên Huế gắn liền với những đặc trưng về tiềm năng du lịch, văn hoá, lịch sử, có môi trường trong sạch, điểm đến an toàn, con người thân thiện...

- Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa và số hóa các tài liệu thư viện, ấn phẩm, vật phẩm trưng bày để nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng tài liệu của người dân và du khách. Nhanh chóng hướng tới mục tiêu đạt 100% số hóa tài liệu thư viện, bắt đầu từ Thư viện Tổng hợp tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động giáo dục cộng đồng và bảo tồn di sản văn hóa. Nếu chưa có đủ nguồn lực để số hóa toàn bộ các tài liệu, có thể bắt đầu bằng những tài liệu quý giá trước để tránh thất lạc và lưu lại được những tác phẩm có giá trị lại cho các thế hệ sau này.

## 4. Giải pháp nâng cao chất lượng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; quy hoạch bảo vệ cảnh quan môi trường di sản

Để xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế theo chỉ đạo gần đây của Ban chấp hành Trung ương (tại Nghị quyết số 54-NQ/TW), một trong những giải pháp cấp bách là cần sớm xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thời gian qua, để thực hiện công cuộc bảo tồn và khôi phục các giá trị di sản văn hóa Huế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 105/QĐ-TTg ngày 12/2/1996 phê duyệt Dự án bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 1996-2010; và tiếp đó là Quyết định số 818/QĐ-TTg ngày 07/6/2010 phê duyệt Dự án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010-2020. Tuy nhiên, cơ sở pháp lý để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế trong thời gian tới, đặc biệt là di tích Cố đô Huế (sau năm 2020) hiện chưa có. Vì vậy, tỉnh Thừa Thiên Huế cần đẩy nhanh quá trình phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế nói riêng và quy hoạch cảnh quan môi trường di sản nói chung. Để nâng cao chất lượng quy hoạch, trong quá trình lập quy hoạch, cần chú ý:

- Tuân thủ các quy định của Công ước Di sản thế giới và luật pháp Việt Nam, đặc biệt là Nghị định 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 quy định về bảo vệ và quản lý các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam; Nghị định 166/2018 NĐ-CP ngày 25/12/2018 về thủ tục lập quy hoạch tu bổ di tích lịch sử, văn hóa; và Quy hoạch chung quốc gia, vùng và tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Quan điểm xuyên suốt của trong quá trình xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế và quy hoạch cảnh quan môi trường di sản cần đặt trong bối cảnh Thừa Thiên Huế đang quyết tâm xây dựng để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế đầu tiên của Việt Nam.

- Nghiên cứu để bổ sung vào quy hoạch các di tích mới được phân cấp quản lý hoặc phối hợp quản lý giữa các cấp như: hệ thống phủ đệ, lăng mộ và các di tích thời chúa Nguyễn, Cầu ngói Thanh Toàn, chùa Thánh Duyên, Hải Vân Quan… đồng thời mở rộng khu vực bảo vệ cảnh quan, phong thủy nguyên gốc của các di tích, tạo ra sự kết nối chặt chẽ trong quần thể di tích cố đô.

- Công tác lập quy hoạch không chỉ tập trung vào những giải pháp nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh mà cần có giải pháp khắc phục những hạn chế, thậm chí biến cái bất lợi thành lợi thế. Chẳng hạn như, Thừa Thiên Huế là mảnh đất chịu nhiều biến động bất thường về thời tiết, bất lợi cho việc gìn giữ di sản văn hóa, tuy nhiên, nhờ ứng dụng công nghệ 4.0 và số hóa, nhiều di sản văn hóa đã được phục dựng và bảo tồn có hệ thống, đã cung cấp cho du khách bức tranh sinh động về điểm thăm quan. Bên cạnh đó, công tác lập quy hoạch cũng cần chú trọng khai thác liên kết vùng.

- Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế nói riêng và quy hoạch cảnh quan môi trường di sản nói chung cần bao trọn không gian thành phố Huế theo Quyết định số 649/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6/5/2014. Địa giới hành chính thành phố Huế mở rộng về phía Đông, theo hướng biển với diện tích 348,54 km², gấp 5 lần so với diện tích thành phố Huế hiện nay.

- Quy hoạch cần tạo được hình thái đô thị đặc thù mang đậm tính chất di sản của Việt Nam và mở rộng không gian dịch vụ đô thị, thúc đẩy sự phát triển của cư dân đô thị. Quy hoạch các phân khu chức năng cần chú ý tới tính kết nối, mối liên kết giữa đô thị truyền thống và các khu đô thị mới; đặc biệt, trong quá trình lập quy hoạch cần nghiên cứu kỹ và quy hoạch rõ các khu vực, địa bàn, tuyến được tập trung phát triển các hoạt động kinh tế ban đêm, các khu vực trung tâm và vệ tinh, các loại hình dịch vụ kinh tế ban đêm chủ yếu trên địa bàn tỉnh nói chung và khu Quần thể di tích Cố đô Huế nói riêng.

- Lựa chọn một tổ chức quốc tế có uy tín trong lĩnh vực xây dựng chiến lược bảo tồn và phát triển thành phố có tính chất đặc thù về di sản và phối hợp chặt chẽ với tổ chức quốc tế này để xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế và Quy hoạch cảnh quan môi trường di sản Thừa Thiên Huế.

## 5. Giải pháp phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa; giải pháp phát triển các vùng kinh tế động lực gắn với 4 trung tâm, Khu kinh tế Lăng Cô – Chân Mây, đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và Vườn Quốc gia Bạch Mã

Hệ thống di sản văn hóa Huế luôn được Đảng, Nhà nước, nhân dân cả nước cùng cộng đồng quốc tế quan tâm bảo vệ, phát huy giá trị và thực sự đã trở thành một nguồn lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong thời gian tới, phát triển kinh tế của Thừa Thiên Huế cần phải hài hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển theo xu thế thời đại để di sản đô thị thực sự phát triển bền vững. Đó là cách để giải quyết bài toán giữa “đọng” và “chảy”, sao cho những giá trị của di sản vẫn “đọng” lại, không bị mất đi trước dòng “chảy” của cuộc sống.

Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các vùng động lực của Thừa Thiên Huế trong giai đoạn tới đã được Bộ Chính trị và nhân dân Thừa Thiên Huế xác định như sau:

- Thừa Thiên Huế phát triển kinh tế theo hướng: du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn; dịch vụ y tế chuyên sâu, giáo dục chất lượng cao, tài chính, ngân hàng, dịch vụ cảng biển, dịch vụ hậu cần và vận tải, đào tạo nguồn nhân lực là nòng cốt; công nghệ thông tin và truyền thông, đổi mới sáng tạo là đột phá; công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng.

- Các trung tâm/vùng kinh tế động lực phát triển theo hướng:

+ Nâng cấp huyện Phong Điền lên thị xã (đô thị loại IV) đến năm 2030, với chức năng trung tâm công nghiệp. Trong đó, xây dựng cụm công nghiệp hỗ trợ dệt may quốc gia, sản xuất xi măng, chế biến cát trắng sử dụng công nghệ sạch, năng lượng mặt trời, năng lượng gió. Đầu tư cảng chuyên dụng Điền Lộc, hình thành khu du lịch quốc gia suối khoáng nóng Thanh Tân, phát triển ngành nuôi tôm công nghiệp trên cát gắn với chế biến.

+ Nâng cấp thị xã Hương Trà từ đô thị loại IV lên đô thị loại III. Tăng cường chức năng công nghiệp với trung tâm là khu công nghiệp, cụm công nghiệp Tứ Hạ phát triển các ngành sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng sử dụng công nghệ sạch, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, cung cấp dịch vụ cho thành phố Huế và khu vực thị xã Hương Trà.

+ Nâng cấp thị xã Hương Thủy từ đô thị loại IV lên đô thị loại III, là cửa ngõ phía Nam của đô thị trung tâm Huế; có chức năng dịch vụ phức hợp của trung tâm công nghiệp với các ngành sợi, dệt may, sản xuất thực phẩm đồ uống, cơ khí… Phát triển các dịch vụ hàng không, logistics, sửa chữa máy bay gắn với sân bay quốc tế Phú Bài, cung cấp dịch vụ cho thành phố Huế và khu vực thị xã Hương Thủy.

+ Xây dựng đô thị Chân Mây thành đô thị loại III - trung tâm du lịch biển quốc gia, trung tâm dịch vụ logistics gắn cảng nước sâu Chân Mây và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, điện tử, lắp ráp ô tô,... Xây dựng khu kinh tế Lăng Cô - Chân Mây xứng tầm là một điểm đến đầu tư mang tầm cỡ quốc gia và vùng. Hình thành các khu công nghiệp, không công nghiệp công nghệ cao và trung tâm logistics tại khu kinh tế này.

+ Xây dựng Vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thành công viên đầm phá quốc gia, phát triển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái. Sắp xếp lại dân cư, thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với phát triển du lịch, nông nghiệp, năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường, bảo tồn nguồn gen, thích ứng biến đổi khí hậu,… Đồng thời, đẩy mạnh nuôi trồng, đánh bắt thủy sản xa bờ; ứng dụng công nghệ cao trong khâu tìm kiếm ngư trường; đầu tư hoàn thiện hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển các cơ sở chế biến thủy sản.

+ Xây dựng vườn quốc gia Bạch Mã thành Khu du lịch sinh thái tâm linh và nghỉ dưỡng, là điểm đến lý tưởng của khách du lịch nội địa và khách quốc tế. Cung cấp các dịch vụ tham quan, nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của địa phương, trên cơ sở tôn trọng các giá trị tự nhiên và giá trị văn hóa sẵn có.

Nhìn chung, thành phố Thừa Thiên Huế sẽ hình thành 02 trục phát triển đô thị. Trục kinh tế phát triển theo hướng Bắc - Nam (Phong Điền - Hương Trà - thành phố Huế - Hương Thủy - Chân Mây): tạo thành từ trục giao thông chính quốc gia và hành lang kinh tế Đông - Tây. Trục phát triển xanh, sinh thái, du lịch theo hướng Đông - Tây (Phía Đông - hình thành các đô thị ven biển, công viên quốc gia đầm phá Tam Giang - Cầu Hai và Phía Tây gồm hai huyện Nam Đông, A Lưới - không gian xanh, văn hóa đồng bào dân tộc, lịch sử cách mạng); khai thác tiềm năng kinh tế ở hai khu kinh tế cửa khẩu Hồng Vân - Kou Tai và A Đớt - Tà Vang, đường Hồ Chí Minh gắn với tuyến hành lang Kinh tế Đông - Tây.

Để định hướng phát triển Thừa Thiên Huế trở thành hiện thực, cần thực hiện quyết liệt và đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

- Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, kết nối giao thông thuận lợi cho phát triển du lịch, dịch vụ, nhất là hệ thống đường bộ ven biển, cao tốc nối các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Mở rộng các tuyến đường Quốc lộ 49A, Quốc lộ 49B, hầm Phước Tượng - Phú Gia; nâng cấp cảng nước sâu Chân Mây thành cảng container và cảng du lịch[[26]](#footnote-26). Xây dựng cảng chuyên dùng Điền Lộc, khu neo đậu tránh, trú bão khu vực Thuận An. Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Phú Bài giai đoạn 2 lên 10 - 15 triệu hành khách/năm. Tăng tần xuất bay các tuyến Huế - Hà Nội, Huế - Tp. Hồ Chí Minh và mở mới đường bay từ Huế đi các địa phương trong và ngoài nước (như: đường bay từ Huế đi Quảng Ninh, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Lan, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc,...).

Đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông của tỉnh kết nối giữa các đô thị; ưu tiên tuyến đường Huế - Thuận An, Huế - sân bay Phú Bài, đường vành đai 3 thành phố Huế. Xây dựng cầu qua sông Hương và hạ tầng một số bãi biển du lịch. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị quan trọng tại thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị trấn Thuận An, Sịa và trục chính giao thông các huyện Phong Điền, Quảng Điền.

Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng để phát triển các đô thị nghỉ dưỡng ven biển Điền Lộc, Hải Dương, Thuận An, Vinh Xuân, Vinh Thanh, Vinh Hiền,... Đầu tư hạ tầng cụm Bạch Mã - Cảnh Dương - Chân Mây - Lăng Cô, vùng đầm phá, cụm du lịch A Lưới - đường mòn Hồ Chí Minh gắn với du lịch trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây. Phát triển cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh đạt trên 40.000 - 50.000 phòng. Ưu tiên phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, đẳng cấp quốc tế.

- Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, là một trong những địa bàn trọng điểm du lịch của miền Trung và Tây Nguyên. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ mang tính đặc trưng, có đẳng cấp và sức cạnh tranh cao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; thực hiện hiệu quả hoạt động xúc tiến du lịch; chủ động các hoạt động liên kết, hợp tác du lịch giữa các địa phương trong vùng, trong đó chú trọng gắn kết các tuyến du lịch của Thừa Thiên Huế với tuyến du lịch “*Con đường di sản miền Trung*” và tuyến du lịch “*Hành lang kinh tế Đông - Tây*”, “*Con đường di sản Đông Dương*”.

- Phát triển mạng lưới tổ chức tín dụng, nâng cao chất lượng, phát triển dịch vụ thanh toán điện tử và các hệ thống giao dịch điện tử tự động. Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng. Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh như: chính quyền điện tử, quản lý đô thị, giao thông vận tải, môi trường, tiết kiệm năng lượng, y tế và sức khỏe, giáo dục, viễn thông,...

- Khuyến khích, kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, siêu thị, trung tâm thương mại, chợ, cửa hàng và hệ thống bán buôn, bán lẻ phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu thụ hàng hóa của người dân, doanh nghiệp và du khách. Khuyến khích, kêu gọi xã hội hóa đầu tư các khu vui chơi, giải trí, rạp chiếu phim, trượt băng,… đặc biệt là kéo dài khung giờ hoạt động vào ban đêm.

- Thúc đẩy phát triển cụm ngành vận tải và dịch vụ logictics tại cảng Chân Mây và cảng Hàng không quốc tế Phú Bài.

- Rà soát, điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với yêu cầu cơ cấu lại ngành công nghiệp của tỉnh, đặc biệt là phù hợp với hướng ưu tiên phát triển ngành công nghiệp của tỉnh giai đoạn tới. Tiếp tục nghiên cứu và ban hành chính sách hỗ trợ hiệu quả nhằm khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp. Đẩy nhanh tiến trình di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp. Triển khai Chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp, hỗ trợ phục vụ sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong nước và hướng tới xuất khẩu, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Quyết liệt trong cơ cấu lại toàn ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản. Xác định đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế cao để tập trung phát triển. Ưu tiên phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp tốt (VietGAP), hữu cơ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, cung cấp nguyên liệu đầu vào phục vụ du lịch.

Phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ. Phát triển chăn nuôi đại gia súc, xây dựng thương hiệu bò A Lưới.

Giảm khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Thực hiện nghiêm quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản. Chấm dứt tình trạng đánh bắt hải sản trái phép, không đăng ký, không khai báo. Khuyến khích nuôi thâm canh, công nghiệp và quảng canh tiên tiến; áp dụng khoa học công nghệ vào nuôi, trồng thủy sản.

Làm tốt công tác quản lý, bảo tồn, phát triển bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn đa dạng sinh học Vườn quốc gia Bạch Mã. Xây dựng cơ chế khuyến khích ưu đãi người trồng rừng nhằm tăng mật độ che phủ, hạn chế xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất. Phát triển mô hình quản lý, bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng. Tăng diện tích trồng rừng gỗ lớn có chứng nhận FSC, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ; đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến trong tỉnh và xuất khẩu. Nghiên cứu khai thác tiềm năng, môi trường sinh thái tự nhiên của rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái hợp lý. Thông qua hoạt động du lịch sinh thái, tạo việc làm, chuyển đổi ngành nghề cho người dân vùng đệm. Nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo nguồn thu bền vững, bảo đảm chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm đầu tư từ nguồn ngân sách.

Hình thành hệ thống khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng đất ngập nước nhằm bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi, nhất là các loài thủy sản quý hiếm, có giá trị kinh tế gắn với bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh.

- Tích cực củng cố và quảng bá hình ảnh nhận diện của thành phố Thừa Thiên Huế, thành phố độc nhất của Việt Nam còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc nghệ thuật mang đặc trưng kiến trúc cung đình Nguyễn đầu thế kỷ XIX. Việc phát triển kinh tế của Thừa Thiên Huế trong thời gian tới cần chú trọng xoay quanh hình ảnh nhận diện của thành phố. Các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực (đặc biệt là dịch vụ, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp) cần xay quanh giá trị văn hóa và tri thức Huế. Thừa Thiên Huế có thể học tập kinh nghiệm của vùng Limousin (Pháp), đó là các cấp chính quyền Thừa Thiên Huế bên cạnh việc quảng bá mạnh mẽ hình ảnh nhận diện của thành phố, cần khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động tại địa phương (từ các cơ quan nhà nước đến các tổ chức phi chính phủ) sử dụng chung hình ảnh nhận diện/thương hiệu Huế.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đô thị; đồng thời định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch nhằm có các điều chỉnh kịp thời phù hợp. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Giữ vững mối quan hệ hữu nghị với các tỉnh chung đường biên giới của CHDCND Lào. Tăng cường mở rộng giao lưu thương mại qua Khu kinh tế cửa khẩu Hồng Vân - Kou Tai và A Đớt - Tà Vàng để phục vụ cho phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, góp phần giảm nghèo, đồng thời phát triển du lịch với Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan trong chuỗi hành lang kinh tế Đông - Tây.

## 6. Giải pháp thúc đẩy liên kết phát triển vùng

Trọng tâm thúc đẩy liên kết phát triển vùng là tăng cường liên kết thực chất và hiệu quả vùng Duyên hải miền Trung, trước hết là phát triển du lịch giữa 03 địa phương Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam. Các hình thức hợp tác phát triển vùng chủ yếu tập trung:

+ Tăng cường trao đổi thông tin giữa các địa phương về quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển ngành (đặc biệt là du lịch), phát triển các khu vực động lực (khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu đầm phá,…) thông qua các Hội nghị liên kết, tổng kết phát triển vùng hoặc liên tỉnh theo định kì.

+ Phối hợp giữa các tỉnh để thống nhất hóa các chủ trương, chính sách thu hút đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh chung của các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung về xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch chung; về phát triển các khu kinh tế ven biển; về phát triển giáo dục và y tế giữa Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng;… Sau đó, đề xuất Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đưa ra những quy định phân công cụ thể về hướng phát triển có trọng tâm, trọng điểm cho từng địa phương, từng tiểu vùng trong vùng.

+ Thừa Thiên Huế phối hợp với Đà Nẵng và Quảng Nam xây dựng Đề án cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển du lịch chung cho 3 tỉnh, thành phố và trình Chính phủ xem xét.

+ Thừa Thiên Huế cần tăng cường liên kết vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung trong các lĩnh vực chủ yếu sau: (i) phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng (giao thông liên tỉnh và quốc tế phục vụ phát triển du lịch và kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu kinh tế cửa khẩu, bệnh viện, trường học), (ii) xúc tiến thương mại và đầu tư, (iii) xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, (iv) phát triển y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học, (v) phát triển nguồn nhân lực, chú trọng công tác đào tạo và sử dụng lao động, (vi) chia sẻ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế-xã hội của vùng nhằm phục vụ công tác dự báo, thu hút đầu tư, và (vii) bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.

- Song song với liên kết vùng*, Thừa Thiên Huế cần đẩy mạnh các hoạt động liên kết, hợp tác để tham gia chuỗi, các cụm ngành, tham gia các hoạt động phụ trợ* trên phạm vi cả nước. Các hình thức liên kết có thể là:

+ Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, cụm ngành bằng cách phối hợp với các các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ, Cục), các Hiệp hội ngành (Hiệp hội du lịch, Hiệp hội dệt may, Hiệp hội doanh nghiệp dịch vụ logistics, Hiệp hội cơ khí, Hiệp hội ô tô, Hiệp hội doanh nghiệp dược,…), các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp trong cả nước và với các đối tác nước ngoài.

+ Tổ chức triển lãm, tham quan giới thiệu tiềm năng, hiện trạng, dự kiến phát triển KKT, KCN, cụm ngành trọng điểm của tỉnh.

- Chủ động và tăng cường phối hợp với các địa phương có điều kiện phát triển kinh tế như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, tp.Hồ Chí Minh,… hợp tác cung cấp các gói dịch vụ du lịch hướng tới phân khúc khách hàng là các gia đình có thu nhập cao và trung bình; và những du khách có nhu cầu đi du lịch kết hợp công tác, tham gia hội nghị/ hội thảo (MICE).

- Chủ động và tăng cường hiệu quả liên kết, phối hợp với các tỉnh/thành trong vùng và các Bộ, ngành trong việc lập quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình do các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn tỉnh và các địa phương.

## 7. Giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội: Di, giãn dân kinh thành Huế

Để gìn giữ, bảo vệ các giá trị lịch sử, bảo tồn văn hóa còn nguyên vẹn nhất của Việt Nam do tiền nhân để lại cho tương lai ở Kinh thành Huế, thời gian qua, UBND tỉnh đã ban các Quyết định quan trọng, trong đó có: Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 và điều chỉnh tại Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 phê duyệt dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích Kinh thành Huế; và Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 phê duyệt Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích Kinh thành Huế (thuộc quần thể di tích Cố đô Huế). Một trong những mục tiêu trọng tâm, ưu tiên của các Quyết định này là đảm bảo việc di dời các hộ dân đang sinh sống tại khu vực 1 di tích đến khu dân cư mới để ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Vì vậy, Quyết định số 334/QĐ-UBND đã đưa ra tổng mức đầu tư phần bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.958 tỷ đồng; bao gồm: phần đã thực hiện từ năm 2012-2018 (*chi trả cho 166 hộ từ cổng Thượng Tứ đến Quan Tượng Đài*) là 78 tỷ đồng và phần chưa thực hiện 2.938 hộ là 1.880 tỷ đồng (*thuộc giai đoạn 1 của Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích Kinh Thành Huế*). Tiếp đến, Quyết định số 370/QĐ-UBND đã cụ thể hóa kế hoạch di dân và tái định cư theo 2 giai đoạn, cụ thể là:

+ Giai đoạn 1 (năm 2019-2021): Hoàn thành di dời và xây dựng khu tái định cư phạm vi di tích Kinh Thành Huế gồm tường thành, các eo bầu, hộ thành hào và tuyến phòng lộ cho 2.938 hộ. UBND tỉnh cũng đã lập phê duyệt quy hoạch đầu tư xây dựng khu tái định cư khu dân cư phía Bắc Hương Sơ cho giai đoạn 1 với diện tích 73 ha để bố trí cho 2.938 hộ, với tổng kinh phí khoảng 1.000 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2 (năm 2022-2025): Hoàn thành di dời, xây dựng khu tái định cư phạm vi các di tích Hồ Tịnh Tâm, Hồ Học Hải, Đàn Xã Tắc, Khâm Thiên Giám, Xiển Võ Từ, Lục Bộ, hệ thống hồ 04 phường nội thành và di tích Trấn Bình Đài cho 1.263 hộ.

Tổng mức đầu tư cho cả 2 giai đoạn là 4.097 tỷ đồng để di dời hơn 4.200 hộ.

Nhìn chung, công tác di dời được coi là khâu mấu chốt quyết định sự thành công trong công tác bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di sản và là khâu có nhiều khó khăn nhất. Công tác di dời kéo dài sẽ dẫn tới thời gian triển tôn tạo di tích bị ngừng trệ, phát sinh chi phí, ảnh hưởng đến thu hút du lịch. Chính vì vậy, chính quyền địa phương các cấp cần phối kết hợp chặt chẽ, sát sao hơn để bảo đảm có chính sách thu hồi và đền bù hợp lý đối với những hộ gia đình phải di dời, cũng như công khai, minh bạch hóa các thông tin trong quá trình thực hiện di dời. Việc hỗ trợ di dời và tái định cư cần đảm bảo công bằng, hạn chế tối đa tình trạng khiếu kiện.

Việc di dời dân cư cũng cần phải chú ý đến vấn đề giải quyết việc làm và chuyển đổi lao động ở vùng mở rộng. Hướng tập trung phát triển của thành phố có đặc thù về di sản Thừa Thiên Huế là đẩy mạnh ngành kinh tế mũi nhọn du lịch, phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông, y tế, giáo dục và đào tạo. Chính vì vậy, bên cạnh việc khẩn trương, chủ động xây dựng các phương án hợp lý nhằm ổn định trật tự cuộc sống của người dân bị di dời, UBND tỉnh cần chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành và cơ quan có liên quan thực hiện một số biện pháp như: tuyên truyền và định hướng cho những hộ dân bị thu hồi đất sử dụng một phần tiền thu hồi đất để đào tạo, trau dồi kỹ năng lao động đối với một số ngành nghề theo định hướng phát triển của tỉnh; hỗ trợ tạo việc làm, cung cấp thông tin việc làm đầy đủ và minh bạch ở các KCN, CCN, cơ sở sản xuất kinh doanh; phối hợp với các doanh nghiệp ở gần địa bàn khu tái định cư để ưu tiên tuyển lao động tại chỗ; hỗ trợ vay vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu lao động địa phương. Như vậy, các chính sách hỗ trợ, phát triển sinh kế, chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ dân sống trong khu vực di sản cần phải được thực hiện đồng bộ và kịp thời.

## 8. Giải pháp tổ chức bộ máy, quy chế quản lý đô thị Thừa Thiên Huế

*Về quy chế quản lý đô thị Thừa Thiên Huế:* UBND Thừa Thiên Huế cần sớm ban hành Quy chế này, trong đó quy định chi tiết nội dung quản lý nhà nước về: quản lý bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di sản; quản lý trật tự xây dựng đô thị; quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý đất đai; vệ sinh môi trường đô thị; trật tự công cộng và an toàn giao thông đô thị; văn hóa công cộng văn minh đô thị;... trên địa bàn. Quy chế quản lý đô thị sẽ giúp kiểm soát định hướng phát triển kiến trúc, bảo vệ cảnh quan đô thị; kiểm soát việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, chỉnh trang đô thị, giữ gìn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản và bảo vệ nguyên vẹn tổng thể kiến trúc nghệ thuật đô thị Thừa Thiên Huế có tính chất đặc thù về di sản.

*Về tổ chức bộ máy:* Mặc dù mô hình quản lý của Trung tâm bảo tồn di tích Cố đô Huế đã được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng, và hoạt động có hiệu quả. Đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa ở địa phương đã từng bước nâng cao trình độ, khả năng chuyên môn. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cũng cần chú trọng: (i) công tác đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân lực cán bộ có chuyên môn để tiếp thu các công nghệ tiên tiến ứng dụng hiệu quả vào lĩnh vực bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản; (ii) thường xuyên tuyên truyền, tập huấn định kỳ về chuyên môn và thái độ ứng xử đối với di sản của cán bộ quản lý, chuyên gia, đáp ứng nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa để thực sự tạo ra những hoạt động du lịch bền vững tại các khu vực di sản; (iii) có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, cơ chế giám sát quá trình phân bổ và sử dụng nguồn vốn ngân sách và nguồn lực huy động trong công tác bảo tồn và tôn tạo di sản. Ngoài ra, cần có cơ chế khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, của cộng đồng, người dân trong công cuộc bảo vệ và phát triển thành phố có đặc thù về di sản. Việc thúc đẩy xã hội hóa, trước mắt là xã hội hóa dịch vụ du lịch tại các điểm thăm quan sẽ giúp tinh gọn bộ máy hoạt động của các tổ chức nhà nước. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản có độ mở nhiều hơn với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng thì việc bảo tồn và phát triển kinh tế sẽ hiệu quả.

Đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực, đãi ngộ và thu hút nhân tài, đặc biệt trong lĩnh vực liên quan tới di sản văn hóa và du lịch, Thừa Thiên Huế cũng cần có chính sách ưu đãi và cạnh tranh hơn. Chẳng hạn, theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố có nhu cầu trong giai đoạn 2019-2022, trong đó có đề cập: (1) Thành phố áp dụng mức trợ cấp ban đầu (chỉ áp dụng một lần và áp dụng cho lần ký hợp đồng đầu tiên) để khuyến khích và ổn định công tác cho chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt là 100.000.000 đồng; (2) Chuyên gia, nhà khoa học được chi trả mức lương hàng tháng với số tiền bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số của Bảng lương Chuyên gia cao cấp ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Cụ thể: Những trường hợp là giáo sư, phó giáo sư được hưởng bậc 2 (hệ số 9,40); các trường hợp còn lại: được hưởng bậc 1 (hệ số 8,80); (3) Người có tài năng đặc biệt được hưởng mức hỗ trợ sinh hoạt phí hàng tháng theo năng lực, thành tích cá nhân đã đạt được từ 30.000.000 đồng/người/tháng đến 50.000.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ này đã bao gồm tiền lương hàng tháng, các khoản phụ cấp kèm theo lương (nếu có) mà người có tài năng đặc biệt được hưởng theo quy định pháp luật; (4) Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt còn có thể nhận được hỗ trợ về nhà ở (sắp xếp nhà công vụ hoặc tối đa 50% kinh phí thuê nhà ở và số tiền hỗ trợ không vượt quá 7.000.000 đồng/tháng), phương tiện đi lại và được đầu tư cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc. Kinh phí thực hiện việc thu hút, tuyển chọn và phát triển chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt được bố trí từ nguồn ngân sách thành phố.

Nghị quyết số: 05/2019/NQ-HĐND của hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương, theo đó các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ lãnh đạo các cấp, các doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng như: (1) Hỗ trợ đi học: từ 1,5 triệu – 4.5 triệu đồng/người/tháng; (2) Các hỗ trợ khác gồm tiền học phí, tiền tàu xe, hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế; (3) Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp; (4) Chế độ khuyến khích tự đào tạo.

# III. Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế; trong đó tập trung bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa; Khu kinh tế Lăng Cô – Chân Mây, đầm phá Tam Giang – Cầu Hai và Vườn Quốc gia Bạch Mã; 4 trung tâm (*văn hóa – du lịch; y tế chuyên sâu; khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao*), cụ thể:

## 1. Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước cho Thừa Thiên Huế với đặc thù về di sản

Đề nghị Quốc hội, Chính phủ phân cấp hoặc ủy quyền cho Thừa Thiên Huế thực hiện một số nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và Thừa Thiên Huế chịu sự kiểm tra, giám sát của Quốc hội và Chính phủ. Cụ thể:

**(1)-** Đề nghị Quốc hội cho phép với tinh thần

+ “*Quốc hội quyết định dự toán tổng chi ngân sách cho Thừa Thiên Huế chỉ bao gồm chỉ tiêu tổng chi và giao cho Hội đồng nhân dân* ***Thừa Thiên Huế quyết định việc phân bổ chi tiết theo chi*** *đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự phòng tài chính, dự phòng ngân sách cho các lĩnh vực phù hợp với thực tế và nhu cầu bảo tồn, phát triển của Thừa Thiên Huế trên tinh thần đảm bảo tỷ lệ chi cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật*”. Điểm c, khoản 4, điều 19 Luật NSNN năm 2015 có đề cập “Tổng số chi ngân sách nhà nước, bao gồm chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi dự trữ quốc gia, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, chi viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách. Trong chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên có mức chi cụ thể cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ”.

+ “*Quốc hội cho phép HĐND Thừa Thiên Huế được* ***quy định phí thăm quan*** *danh lam thắng cảnh, thăm quan di tích lịch sử và thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng đối với danh lam thắng cảnh, di tích và công trình thuộc trung ương quản lý; và* ***được sử dụng 100% phí thăm quan nộp ngân sách nhà nước*** *để trung tu, bảo tồn phát huy giá trị danh lam thắng cảnh, di tích và công trình trên địa bàn Thừa Thiên Huế*” (ban hành Nghị quyết sửa đổi Luật NSNN năm 2015 và Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) vì theo quy định của Luật phí và lệ phí, các khoản thu về phí sau khi được để lại chi trả cho các hoạt động liên quan đến việc thu phí; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước và được tổng hợp chung vào cân đối ngân sách theo quy định. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 1, điều 7 Luật Ngân sách nhà nước: *“Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách nhà nước”*; mặt khác, theo quy định tại khoản 1, 2 điều 17 Nghị định 109/2017/NĐ-CP, ngày 21/9/2017 của Chính phủ về bảo vệ quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam, khoản thu từ phí tham quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và khoản thu từ hoạt động dịch vụ tại di sản thế giới là nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, được sử dụng để chi trả cho hoạt động trực tiếp liên quan đến việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới. Do đó, đề nghị Chính phủ cho phép địa phương sử dụng nguồn thu phí tham quan nộp ngân sáchđể đầu tư, trùng tu di tích.

**(2)-** Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ***ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN*** cho từng giai đoạn, *trong đó* ***cho phép Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số bằng thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ*** (thành phố trực thuộc Trung ương)

**(3)-** Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đô thị Thừa Thiên Huế, trong đó:

+*“****Mức dư nợ vay*** *(bao gồm vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật)* ***của ngân sách Thừa Thiên Huế không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương*** *được hưởng theo phân cấp.**Thu ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở dự toán ngân sách Thừa Thiên Huế được Quốc hội quyết định của năm dự toán. Trường hợp cần thiết vay để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng mà mức dư nợ vay của ngân sách Thừa Thiên Huế vượt quá quy định tại khoản này, thì UBND Thừa Thiên Huế báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, trình Quốc hội quyết định*” (hiện nay tp.Hồ Chí Minh áp dụng mức 90%[[27]](#footnote-27), Hà Nội: 70%[[28]](#footnote-28); và Hải Phòng[[29]](#footnote-29), Cần Thơ[[30]](#footnote-30), Đà Nẵng[[31]](#footnote-31) là: 40%).

**+** “***Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho Thừa Thiên Huế 70% số tăng thu so với dự toán*** *được Thủ tướng Chính phủ giao từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% (không kể khoản thu: Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu; các khoản thu không phát sinh trên địa bàn mà chỉ hạch toán ở Thừa Thiên Huế; các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật); nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước*” (hiện nay Hà Nội áp dụng mức 100%; và tp.Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng là: 70%). Thừa Thiên Huế được sử dụng toàn bộ nguồn bổ sung có mục tiêu để đầu tư trùng tu, bảo tồn di sản Huế.

**+** “***Thừa Thiên Huế*** ***được thực hiện cơ chế hỗ trợ một phần lãi suất cho các tổ chức, cá nhân*** *khi vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng có khả năng thu hồi vốn trong phạm vi và khả năng của ngân sách Thừa Thiên Huế*” (hiện nay Thành phố Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng đang áp dụng).

**+** “***UBND Thừa Thiên Huế được phép tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính của Thừa Thiên Huế để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng*** *quan trọng, cấp bách thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thừa Thiên Huế, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn. Thời gian tạm ứng không quá 36 tháng, kể từ ngày tạm ứng. Mức sử dụng quỹ dự trữ tài chính Thừa Thiên Huế trong năm (bao gồm số tạm ứng và số chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định) tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ*” (hiện áp dụng tại thành phố Cần Thơ).

**(4)-** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ ***cho phép thành lập Quỹ bảo tồn di sản Huế***. Quỹ được hình thành từ các nguồn Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng và nguồn vốn viện trợ của UNESCO, các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ cho bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích.

## 2. Huy động các nguồn vốn hỗ trợ từ các nguồn

**(1)-** Đề nghị Quốc hội cho phép:

+ “***Ngân sách Thừa Thiên Huế được hưởng 100% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đấ****t theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn Thừa Thiên Huế (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thành phố*”. (Hiện nay, thành phố Hồ Chí Minh đang áp dụng mức 50%, tại khoản 9, điều 5 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh).

+ “*Đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương trên địa bàn Thừa Thiên Huế (dự án do Bộ hoặc Chính phủ tài trợ một phần hoặc toàn bộ), song điều kiện ngân sách Trung ương chưa bố trí được, Thừa thiên Huế có thể sử dụng ngân sách của mình, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của tỉnh, vay trong phạm vi quy định hoặc huy động theo phương thức đối tác công tư (PPP) để sớm hoàn thành dự án.* ***Ngân sách trung ương có trách nhiệm hoàn trả cho Thừa Thiên Huế phần dự toán chi thuộc trách nhiệm của ngân sách trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt****, không bao gồm phần lãi vay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo”.*

+ Phân cấp cho UBND Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm quyết định hình thức và phương án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP trong các trường hợp đặc biệt (đặc biệt là dự án cải tạo, phục dựng di sản) theo hướng: “*phân cấp cho UBND Thừa Thiên Huế* ***chịu trách nhiệm quyết định hình thức và phương án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP trong các trường hợp đặc biệt***” (sửa Điều 26 (Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt) Luật Đấu thầu số 43/2013/QH2013 ngày 26/11/2013 “Trường hợp gói thầu, dự án xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư quy định tại các điều 20, 21, 22, 23, 24 và 25 của Luật này thì người có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư”.

+ “*Đồng ý cho HĐND Thừa Thiên Huế được nghiên cứu,* ***đề xuất việc thực hiện một số phí đặc thù liên quan tới dịch vụ và thương mại*** *trên địa bàn. Đề án thu các loại phí này phải trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định*” (ban hành Nghị quyết sửa đổi Luật NSNN năm 2015 và Luật Phí và lệ phí năm 2015; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

**(2)-** Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ***Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN*** cho từng giai đoạn 5 năm, *trong đó bổ* sung tiêu chí về đô thị có tính chất đặc thù về di sản. Căn cứ vào Nghị quyết của UBTVQH, đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN cho từng giai đoạn 5 năm, *trong đó tính toán hợp lý điểm của tiêu chí* về đô thị có tính chất đặc thù về di sản *cho từng giai đoạn 5 năm.*

**(3)-** Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đô thị Thừa Thiên Huế, trong đó có đề cập:

+ “***UBND Thừa Thiên Huế được phê duyệt danh mục dự án, quyết định tiếp nhận các khoản viện trợ (ODA, phi Chính phủ nước ngoài) không hoàn lại*** *đối với các dự án, chương trình dự án không phụ thuộc vào quy mô viện trợ, trừ các khoản viện trợ hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến thể chế, tôn giáo, chính sách pháp luật, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định*” (Hiện đang áp dụng tại khoản 3, điều 4 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng).

+ “***Đồng ý chủ trương việc ngân sách trung ương bố trí 100% vốn đối ứng cho các dự án ODA phần cấp phát*** *triển khai thực hiện trên địa bàn Thừa Thiên Huế*” (Hiện đang áp dụng tại mục c, khoản 2, điều 1 Nghị định số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023).

+ “***Ngân sách Thừa Thiên Huế được hưởng 100% số thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh quản lý và số thu từ thoái vốn nhà nước tại các tổ chức kinh tế do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu***” để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thuộc ngành nghề ưu tiên đầu tư của Thừa Thiên Huế (du lịch, hóa dược, y tế, giáo dục,…), đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, tu bổ, tạo dựng di tích (tại mục K, khoản 1, điều 37 (nguồn thu của ngân sách địa phương) của Luật NSNN có đề cập: “Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu”.

+ “*Để sử dụng có hiệu quả quỹ đất thuộc Thừa Thiên Huế quản lý, UBND Thừa Thiên Huế* ***được tạm ứng từ nguồn ngân sách Thừa Thiên Huế hoặc từ nguồn huy động*** *theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, sau khi thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất sẽ thu hồi hoàn trả ngân sách hoặc hoàn trả nguồn vốn huy động*” (Hiện đang áp dụng tại khoản 3, điều 7 Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội).

**(4)-** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép:

+ “***UBND Thừa Thiên Huế áp dụng cơ chế ứng trước dự toán năm sau từ nguồn vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ****: Căn cứ quy định hiện hành và khả năng cân đối nguồn vốn, Thừa Thiên Huế được xem xét ứng trước dự toán ngân sách năm sau liền kề để thực hiện các dự án đặc biệt, quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước*” (Hiện đang áp dụng tại khoản 4, điều 6 Nghị định số 89/2017/NĐ-CP ngày 29/7/2017 quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng và mục d, khoản 4, điều 1 Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 3/9/2015 ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

+ “***Tiếp tục bố trí vốn Ngân sách Trung ương từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục đầu tư trùng tu, tôn tạo, bảo tồn quần thể di tích Cố Đô Huế*** theo Quyết định 818/QĐ-TTg đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế và dự án di dời, giải phóng mặt bằng khu vực I, di tích Kinh thành Huế thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế”.

+ “***Cho phép được hưởng cơ chế hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp như quy định đối với các tỉnh Tây Nguyên. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài Chính triển khai thực hiện***” (Hiện đang áp dụng tại mục a, khoản 2, điều 1 Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023; và Hiện đang áp dụng tại mục c, khoản 7, phần V Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, Ban hành kèm theo Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14/9/2015).

+ “***Ưu tiên hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho phát triển kết cấu hạ tầng khung phục vụ du lịch trong phạm vi Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương*** theo Quyết định số 1774/QĐ-TTg ngày 19/12/2018 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu Du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

+ “***Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ một phần cho các dự án quan trọng, cấp thiết do Thừa Thiên Huế đề nghị vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để phục hồi, xây dựng các thiết chế văn hóa và hạ tầng y tế, giáo dục trên địa bàn tỉnh (theo danh sách ở mục 7)***.

## 3. Quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý đô thị

**(1)-** Đề nghị Quốc hội cho phép:

+ “*UBND Thừa Thiên Huế xem xét,* ***quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, quy hoạch đô thị Thừa Thiên Huế*** *đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng*”. Khoản 2, Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 đề cập “Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị”. Tuy nhiên, khoản 6, điều 8 (Chương trình phát triển đô thị cấp tỉnh) của Dự thảo Luật Quản lý phát triển đô thị có đề cập “UBND tỉnh tổ chức lập, thẩm định, lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt Chương trình phát triển đô thị cấp tỉnh”. Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đang được áp dụng “Đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện” (Khoản 3, điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng).

+ “*UBND Thừa Thiên Huế xem xét,* ***quyết định việc việc điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế, khu du lịch, khu sinh thái, khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu chức năng đặc thù cấp quốc gia*** *đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng*”. Khoản 1 điều 34 (Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng) của Luật Xây dựng năm 2014 có đề cập “Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch sau: “Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao” và “Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu sinh thái, khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu chức năng đặc thù khác cấp quốc gia”; và Điều 38 quy định “Cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng chấp thuận về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng” và Điều 39 quy định “Cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng quyết định việc điều chỉnh cục bộ bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch xây dựng”.

+ “*Trên cơ sở thống nhất ý kiến với các Bộ chuyên ngành, UBND Thừa Thiên Huế* ***tổ chức thực hiện lập, thẩm định, xin ý kiến HĐND tỉnh và phê duyệt điều chỉnh cục bộ trong quy hoạch tỉnh*** *đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu quy hoạch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều 53 Luật Quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện*”. (Hiện nay, Điều 8 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng cũng đã phân cấp điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cho HĐND và UBND thành phố Đà Nẵng).

+ “*HĐND Thừa Thiên Huế* ***được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên*** *phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong mỗi kỳ kế hoạch sử dụng đất*”. (Theo khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh).

+ “*HĐND Thừa Thiên Huế được* ***quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên*** *phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong mỗi kỳ kế hoạch sử dụng đất*” (Điều 58, Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 có đưa ra điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, đó là cần văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.

**(2)-** Đề nghị Chính phủ cho phép:

+ “UBND Thừa Thiên Huế ***được phê duyệt điều chỉnh đến 10% diện tích khu công nghiệp, khu công nghệ cao, nhưng không quá 30 ha*** so với diện tích quy hoạch đã được phê duyệt lần đầu” (áp dụng theo Khoản 3, điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 1/11/2016 quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng).

+ “*UBND tỉnh* ***quyết định chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới có quy mô từ 100 ha đến dưới 200 ha*** *phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND tỉnh thống nhất ý kiến với Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt quyết định chấp thuận đầu tư*” (áp dụng theo Điều 9 Nghị định số 103/2018/NĐ-CP ngày 7/8/2018 quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Cần Thơ).

Khoản 1 và 2 Điều 21, Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị, theo đó “Thủ tướng Chính phủ quyết định chấp thuận đầu tư sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng đối với trường hợp sau: Dự án có quy mô sử dụng đất từ 100 ha trở lên;…” và “UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận đầu tư đối với các dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 ha đến dưới 100 ha sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng”.

+ “*UBND Thừa Thiên Huế* ***được phê duyệt các khu vực phát triển đô thị gồm: (i) khu vực phát triển đô thị tại các đô thị có đồ án quy hoạch chung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; và (ii) khu vực phát triển đô thị nhằm hình thành một đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại IV trở lên theo quy hoạch đã được phê duyệt****. UBND tỉnh thống nhất ý kiến với Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quản thực hiện*”. Hiện nay, theo quy định tại mục a và c, khoản 1, điều 9 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị, thẩm quyền này thuộc Thủ tướng Chính phủ quyết định.

+ “*Căn cứ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, khu vực phát triển đô thị được phê duyệt, UBND Thừa Thiên Huế* ***được quyết định chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở*** *theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt tại những khu vực đã được đầu tư hạ tầng, đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực; và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Xây dựng*”. Hiện nay, theo quy định tại khoản 7, điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, trước khi quyết định chuyển quyền sử dụng đất cho người dân tự xây nhà ở, UBND tỉnh phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

+ “***Đối với những đồ án quy hoạch phân khu có quy mô dân số tương đương với đô thị loại IV trở lên tại các đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, các đô thị có quy mô được xác định trong quy hoạch chung được phê duyệt tương đương với đô thị loại I****, UBND Thừa Thiên Huế* ***được quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch****; và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Xây dựng”.* Hiện nay, theo quy định tại khoản 4, điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, trước khi quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch, UBND tỉnh phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng.

+ “***Sở quản lý xây dựng chuyên ngành*** *trực thuộc UBND tỉnh* ***chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách*** *do UBND tỉnh quyết định đầu tư*” (áp dụng theo Khoản 3, điều 1, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng có quy định: “Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của dự án do UBND thành phố quyết định đầu tư”).

+ “***Sở quản lý xây dựng chuyên ngành*** *trực thuộc UBND tỉnh* ***chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế (thiết kế cơ sở; thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác (vốn ngoài ngân sách) đầu tư xây dựng trên đia bàn tỉnh (kể cả công trình cấp I, cấp đặc biệt)***”. Nghị định số 42/2017/NĐ-CP giao thẩm quyền này cho “cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định”.

+ “***Bổ sung diện tích đất quốc phòng*** *(hiện đang làm sở chỉ huy, bệnh viện 268 và nhà ở cho cán bộ chiến sỹ do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý sử dụng)* ***thuộc diện di dời của Dự án di dời khu vực 1 kinh thành Huế trước năm 2022****”.*

**(3)-** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép:

+ “Xây dựng ***Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*** và sớm ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch”.

+ “***Bổ sung Khu công nghệ cao*** Thừa Thiên Huế vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chỉnh phủ phê duyệt tại Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08/6/2015”.

+ “***Bổ sung Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Tân vào các khu du lịch quốc gia*** thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 và Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch chủ trì thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

+ “***Đồng ý chủ trương xây dựng Quy hoạch phát triển vùng ven biển, Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thành Công viên Đầm phá Quốc gia***”.

+ “***Bổ sung Đại học Huế thành Đại học Quốc gia*** vào Quy hoạch mạng lới các trường Đại học, cao đẳng giai đoạn 2021-2030”. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng cho giai đoạn 2006-2020.

+ “***Điều chỉnh quy hoạch tuyến đường bộ ven biển*** qua Thừa Thiên Huế; ***quy hoạch tuyến cao tốc kết nối với Lào*** thúc đẩy phát triển du lịch, thương mại, y tế với nước bạn Lào và các nước trong tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây”.

+ “***Bổ sung các dự án năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, điện khí...)*** trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021-2030 và định hướng 2050 (Quy hoạch điện VIII).

+ “*UBND Thừa Thiên Huế* ***được thực hiện việc thu hồi đất đối với dự án nông nghiệp công nghệ cao tập trung*** *đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đất đai*” (áp dụng theo Khoản 5, điều 1, Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 3/8/2015 về ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

+ “*UBND Thừa Thiên Huế được thực hiện* việc ***thu hồi đất đối với dự án khu du lịch có diện tích trên 50 ha*** *đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đất đai*”.

+ “*Cho phép* ***áp dụng đơn giá cho thuê đất chỉ bằng 30%*** *theo quy định đối với dự án đầu tư thuộc khu vực Kinh thành Huế để cho thuê kinh doanh dịch vụ du lịch*”.

## 4. Thu hút, xúc tiến đầu tư

**(1)-** Đề nghị Chính phủ cho phép:

+ “***Bổ sung địa bàn các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang và Thị xã Hương Trà vào danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn***” (sửa Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

+ “***Miễn tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư tại Khu công nghiệp cao, khu công nghệ thông tin tập trung; hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin*** *(nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin; đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin; thu thập, tạo lập và xử lý dữ liệu số, thông tin số; nghiên cứu sản xuất thiết bị công nghệ số, phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin)*”. Hiện nay, mục đ, khoản 3, Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước có quy định: “Việc miễn tiền thuê đất đối với Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng *khu ….,* *khu công nghệ cao* được thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều này”.

**(2)-** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép:

+ “***Ngân sách nhà nước cân đối hàng năm không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô*** *cho yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng trong giai đoạn 2021-2030*”. (Cơ chế này đã từng được áp dụng ở KKT mở Chu Lai[[32]](#footnote-32) và KKT Vân Phong[[33]](#footnote-33)).

+ “***Bổ sung KKT Chân Mây - Lăng Cô vào danh sách nhóm các KKT ven biển để tập trung đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025***”. (Cơ chế này đã từng được áp dụng tại Quyết định số 2458/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 về một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Quảng Ninh và KKT Vân Đồn.

+ “***Ưu tiên hỗ trợ từ nguồn NSNN cho phát triển kết cấu hạ tầng khung phục vụ du lịch trong phạm vi Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương*** theo Quyết định số 1774/QĐ-TTg ngày 19/12/2018 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu Du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

+ “***Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2030 đối với vườn quốc gia Bạch Mã***”[[34]](#footnote-34).

+ “*Ban hành Quyết định về Quy chế liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng DHMT giai đoạn 2021-2030*” để hạn chế sự phát triển tương đối giống nhau giữa các địa phương trong phát triển du lịch, KKT ven biển, dịch vụ hậu cần logistics, điện,… (Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 593/QĐ-Ttg ngày 6/4/2016 ban hành quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020).

+ “***Chấp thuận chủ trương phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế thành trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước*** *(thủy điện, điện mặt trời,…); Nghiên cứu Tổ hợp điện khí, khí thiên nhiên hóa lỏng; ưu tiên xây dựng đồng bộ lưới điện truyền tải, tích hợp các dự án điện gió, điện mặt trời,… vào hệ thống điện quốc gia*”. Hiện đang áp dụng tại mục a, khoản 1, điều 1 Nghị định số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023.

## 5. Đào tạo nguồn nhân lực và thú hút, đãi ngộ các nhân tài

**(1)-** Đề nghị Quốc hội cho phép:

+ “Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, phụ cấp (sau khi trừ đi các khoản phải trích nộp theo quy định pháp luật) và thu nhập từ kinh doanh phát sinh của cá nhân (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm việc tại khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao”. (Hoặc Quốc hội sửa đổi khoản 3, Điều 34 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007 hoặc bổ sung vào Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Luật về thuế đang được thảo luận).

**(2)-** Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

+ “*Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài Chính* ***ưu tiên bố trí vốn đầu tư để thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn lao động*** *nhằm phục vụ công tác đào tạo cho lao động”* nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước nói chung và mục tiêu Thừa Thiên Huế trở thành một trong những trung tâm lớn của cả nước về giáo dục và đào tạo nói riêng (theo tinh thần Nghị quyết 54-NQ/TW).

+ “*Chấp thuận cho phép Hội đồng nhân dân Thừa Thiên Huế* ***được quyết định trả mức thu nhập phù hợp với cán bộ, viên chức và mức lương phù hợp với chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt*** *trong khả năng và phạm vi nguồn ngan sách của tỉnh”.*

## 6. Các cơ chế chính sách khác

(1)- Đề nghị Chính phủ:

+ Sửa đổi Nghị định Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo hướng bổ sung nội dung: “*Miễn thuế nhập khẩu đối với các nguyên vật liệu trong nước chưa sản xuất được để thực hiện các dự án bảo tồn, trùng tu di tích*” (Hiện nay, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và Nghị định 134/2016/NĐ-CP không đưa ra quy định miễn thuế đối với các nguyên vật liệu trong nước chưa sản xuất để thực hiện dự án bảo tồn, trung tu di tích). Theo khoản 13, điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 có quy định “Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh Mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất”.

(2)- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

+ “*Thành lập Đoàn khảo sát và sớm tiến hành tổ chức khảo sát, kiểm kê toàn bộ các loại hình di sản văn hóa ở Thừa Thiên Huế* nhằm nhận diện, xác định giá trị của các di sản văn hóa để từ đó có cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị phù hợp”.

+ “*Phê duyệt Đại học Huế là đơn vị dự toán cấp 1 có cơ chế hoạt động như Đại học Quốc gia”*. Hiện nay, khoản 9, điều 4 Luật Ngân sách nhà nước 2015 và khoản 2, Điều 3 Thông tư 185/2015/TT-BTC có nêu “đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách”.

(3)- Đề nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận:

+ “*Xây dựng Chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia tại tỉnh Thừa Thiên Huế*” để góp phần phát triển nền kinh tế tri thức trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng và khu vực miền Trung nói chung.

## 7. Danh mục dự án, công trình ưu tiên đầu tư

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tên dự án** | **Địa điểm** | **Quy mô** | **Tổng mức đầu tư** | **Nguồn vốn đầu tư** | | | | | **Giai đoạn 2016-2020** | **Giai đoạn 2021-2025** | **Giai đoạn 2026-2030** | **Ghi chú** |
| **Ngân sách Trung ương** | **Ngân sách tỉnh** | **Vốn ODA, NGO** | **Hợp tác công tư PPP** (BT,BOT) | **Ngoài ngân sách** |
|  | **TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X)** |  |  | **40,409** | **29,954** | **3,515** | **3,790** | **3,000** | **150** | **4,496** | **21,479** | **14,284** |  |
| **II** | **HẠ TẦNG KỸ THUẬT** |  |  | **24,118** | **19,780** | **0** | **1,338** | **3,000** | **0** | **1,000** | **14,780** | **8,338** |  |
| **1** | **Hệ thống giao thông đối ngoại** |  |  | **18,250** | **15,250** | **0** | **0** | **3,000** | **0** | **1,000** | **10,250** | **7,000** |  |
| 1 | Nâng cấp Sân bay Quốc tế Phú Bài |  | Lên 9 triệu khách/năm | 5,250 | 2,250 |  |  | 3,000 |  | 1,000 | 4,250 |  |  |
| 2 | Đê chắn sóng Cảng Chân Mây, Giai đoạn 2 |  |  | 1,000 | 1,000 |  |  |  |  |  | 1,000 |  |  |
| 3 | Đường ven biển từ Phong Điền về Phú Lộc |  | 100km | 12,000 | 12000 |  |  |  |  |  | 5000 | 7000 |  |
| **2** | **Hệ thống giao thông kết nối các trung tâm đô thị vùng** |  |  | **5,868** | **4,530** | **0** | **1,338** | **0** | **0** | **0** | **4,530** | **1,338** |  |
| 1 | Đường Tố Hữu nối dài về sân bay Phú Bài |  | 10km | 1,000 | 1,000 |  |  |  |  |  | 1,000 |  |  |
| 2 | Cầu và đường Nguyễn Hoàng |  | 400m cầu, 1km đường | 1,500 | 1,500 |  |  |  |  |  | 1500 |  |  |
| 3 | Đường vành đai 3 |  | 8km | 1,200 | 1,200 |  |  |  |  |  | 1,200 |  |  |
| 4 | Cầu Vĩnh Tu |  | 2.330m cầu, 2km đường | 1,338 |  |  | 1,338 |  |  |  |  | 1,338 |  |
| 5 | Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 16 (Tứ Hạ - Bình Điền) (theo QH hệ thống đường ngang nối đường Hồ Chí Minh là đường Bình Lợi - Tứ Hạ) |  | 21,7km | 370 | 370 |  |  |  |  |  | 370 |  |  |
| 6 | Đường Tây phá Tam Giang - Cầu Hai (đoạn Phú Mỹ-Phú Đa) |  | 17,6km | 110 | 110 |  |  |  |  |  | 110 |  |  |
| 7 | Đường trục chính Khu đô thị Chân Mây |  | 3,5km | 350 | 350 |  |  |  |  |  | 350 |  |  |
| **III** | **HẠ TẦNG VĂN HÓA** |  |  | **11,641** | **8,376** | **3,265** | **0** | **0** | **0** | **3,496** | **5,151** | **2,844** |  |
| **III.1** | **Di tích** |  |  | **11,341** | **8,226** | **3,115** | **0** | **0** | **0** | **3,496** | **4,851** | **2,844** |  |
| 11 | *Dự án di dời dân cư KV 1 Kinh thành Huế* |  | 4.201 hộ | 4597 | 3235 | 1362 |  |  |  | 2746 | 1851 |  |  |
|  | *Di dời Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh* |  |  | 500 | 500 |  |  |  |  | 500 |  |  |  |
|  | *Di dời hộ dân sinh sống tại khu vực Mang cá nhỏ* |  |  | 200 | 200 |  |  |  |  | 50 |  |  |  |
| 22 | *Di dời Bệnh viện 268* |  |  | 200 | 200 |  |  |  |  | 200 |  |  |  |
| 1.3 | Trùng tu quần thể di tích Cố Đô Huế *(Chi tiết theo danh mục)* |  |  | 5,844 | 4,091 | 1753.2 |  |  |  |  | 3000 | 2844 |  |
| **III.2** | **Thiết chế văn hóa** |  |  | **300** | **150** | **150** | **0** | **0** | **0** | **0** | **300** | **0** |  |
| 11 | Bảo tàng Thừa Thiên Huế |  |  | 300 | 150 | 150 |  |  |  |  | 300 |  |  |
| **IIII** | **HẠ TẦNG Y TẾ** |  |  | **1,500** | **1,400** | **100** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1,300** | **200** |  |
| 1 | Dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế |  |  | 300 | 300 |  |  |  |  |  | 300 |  | Trước 2021 |
| 2 | Hạ tầng Khu y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế. |  |  | 1,000 | 1000 |  |  |  |  |  | 1,000 |  |  |
| 3 | Xây dựng trung tâm cứu hộ, cứu nạn miền Trung |  |  | 200 | 100 | 100 |  |  |  |  |  | 200 |  |
| **IIV** | **HẠ TẦNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO** |  |  | **2,700** | **248** | **0** | **2,452** | **0** | **0** | **0** | **248** | **2,452** |  |
| 1 | Hạ tầng Khu quy hoạch Đại học Huế tại Trường Bia |  |  | 2700 | 248 |  | 2452 |  |  |  | 248 | 2452 |  |
| **V** | **HẠ TẦNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ** |  |  | **450** | **150** | **150** | **0** | **0** | **150** | **0** | **0** | **450** |  |
| 1 | Hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung (Chuỗi công viên phần mềm Quang trung) |  |  | 450 | 150 | 150 |  |  | 150 |  |  | 450 |  |

# Phần 4

# KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển đề ra, ngoài việc Thừa Thiên Huế phải nỗ lực hành động, thực hiện quyết liệt hàng loạt các giải pháp, đặc biệt là thu hút các nguồn lực đầu tư nhằm vừa gìn giữ, bảo tồn di sản văn hóa của địa phương, đồng thời vừa phát triển kinh tế - xã hội địa phương, tỉnh Thừa Thiên Huế xin kiến nghị Quốc Hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành trung ương một số nội dung như sau:

# I. Đề xuất kiến nghị đối với Trung ương

## 1. Kiến nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép

a) “HĐND tỉnh được **quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên** phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được cấp có thẩm quyền quyết định trong mỗi kỳ kế hoạch sử dụng đất”.

b) “HĐND Thừa Thiên Huế được **quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dùng từ 20 ha trở lên**”.

c) “HĐND tỉnh được **quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng ngân sách tỉnh** theo quy định của Luật Đầu tư công, trừ dự án quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 8 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019”.

d) “Quốc hội quyết định dự toán tổng chi ngân sách cho Thừa Thiên Huế chỉ bao gồm chỉ tiêu tổng chi và giao cho **HĐND tỉnh quyết định việc phân bổ chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi bổ sung quỹ dự phòng tài chính, dự phòng ngân sách** cho các lĩnh vực phù hợp với thực tế và nhu cầu bảo tồn, phát triển của Thừa Thiên Huế trên tinh thần đảm bảo tỷ lệ chi cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật”.

e) “HĐND Thừa Thiên Huế **được quy định phí thăm quan** danh lam thắng cảnh, thăm quan di tích lịch sử và thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng đối với danh lam thắng cảnh, di tích và công trình thuộc trung ương quản lý; và **được sử dụng 100% phí thăm quan** nộp ngân sách nhà nước để trung tu, bảo tồn phát huy giá trị danh lam thắng cảnh, di tích và công trình trên địa bàn tỉnh”.

f) “Đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương trên địa bàn tỉnh (dự án do Bộ hoặc Chính phủ tài trợ một phần hoặc toàn bộ), song điều kiện ngân sách Trung ương chưa bố trí được, tỉnh có thể sử dụng ngân sách của mình, các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của tỉnh, vay trong phạm vi quy định hoặc huy động theo phương thức đối tác công tư (PPP) để sớm hoàn thành dự án. **Ngân sách Trung ương có trách nhiệm hoàn trả cho Thừa Thiên Huế phần dự toán chi thuộc trách nhiệm của ngân sách Trung ương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt**, không bao gồm phần lãi vay trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo”.

g) “**Ngân sách tỉnh được hưởng 100% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công** gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của tỉnh”.

h) “UBND Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm **quyết định hình thức và phương án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP trong các trường hợp đặc biệt**”.

i) Đề nghị UBTV Quốc hội **ban hành Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN** cho từng giai đoạn 5 năm, trong đó bổ sung tiêu chí đô thị di sản đặc thù. Căn cứ vào Nghị quyết của UBTVQH, đề nghị TTCP **ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN** cho từng giai đoạn 5 năm, trong đó tính toán hợp lý điểm của tiêu chí đô thị di sản đặc thù cho từng giai đoạn 5 năm.

k) “**Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, phụ cấp** (sau khi trừ đi các khoản phải trích nộp theo quy định pháp luật) và **thu nhập từ kinh doanh phát sinh của cá nhân** (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài) **làm việc tại khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao**”.

## 2. Kiến nghị Chính phủ cho phép:

a) “UBND Thừa Thiên Huế **được phê duyệt điều chỉnh đến 10% diện tích KCN, khu công nghệ cao, nhưng không quá 30 ha** so với diện tích quy hoạch đã được phê duyệt lần đầu”.

b) “UBND Thừa Thiên Huế **quyết định chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới có quy mô từ 100 ha đến dưới 200 ha** phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND Thừa Thiên Huế thống nhất ý kiến với Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt quyết định chấp thuận đầu tư”.

c) “**Mức dư nợ vay** (bao gồm vay trong nước từ phát hành TPCP chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật) **của ngân sách Thừa Thiên Huế không vượt quá 60% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp**. Thu ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở dự toán ngân sách tỉnh được Quốc hội quyết định của năm dự toán. Trường hợp cần thiết vay để thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng mà mức dư nợ vay của ngân sách tỉnh vượt quá quy định tại khoản này, thì UBND tỉnh báo cáo Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, trình Quốc hội quyết định”.

đ) “**Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho Thừa Thiên Huế 80% số tăng thu so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao** từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương (sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách Trung ương hưởng 100% (không kể khoản thu: Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu; các khoản thu không phát sinh trên địa bàn mà chỉ hạch toán ở tỉnh; các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật); nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước”.

e) “Thừa Thiên Huế **được thực hiện cơ chế hỗ trợ một phần lãi suất cho các tổ chức, cá nhân** khi vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng có khả năng thu hồi vốn trong phạm vi và khả năng của ngân sách tỉnh”.

f) “UBND Thừa Thiên Huế **được phép tạm ứng từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh** để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng, cấp bách thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng chưa bố trí hoặc bố trí chưa đủ vốn. Thời gian tạm ứng không quá 36 tháng, kể từ ngày tạm ứng. Mức sử dụng quỹ dự trữ tài chính tỉnh trong năm (bao gồm số tạm ứng và số chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định) tối đa **không quá 70% số dư đầu năm của quỹ**”.

g) “UBND Thừa Thiên Huế **được tạm ứng từ nguồn ngân sách tỉnh hoặc từ nguồn huy động theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước** cho các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật thuộc nhiệm vụ đầu tư của ngân sách để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, sau khi thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất sẽ thu hồi hoàn trả ngân sách hoặc hoàn trả nguồn vốn huy động” (để sử dụng có hiệu quả quỹ đất thuộc tỉnh quản lý).

h) “UBND Thừa Thiên Huế **được phê duyệt danh mục dự án, quyết định tiếp nhận các khoản viện trợ (ODA, phi Chính phủ nước ngoài) không hoàn lại đối với các dự án, chương trình dự án không phụ thuộc vào quy mô viện trợ**, trừ các khoản viện trợ hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến thể chế, tôn giáo, chính sách pháp luật, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

i) “Đồng ý chủ trương việc **ngân sách trung ương bố trí 100% vốn đối ứng cho các dự án ODA** phần cấp phát triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh”.

j) “**Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc UBND Thừa Thiên Huế chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định đầu tư**”.

k) “**Sở quản lý xây dựng chuyên ngành trực thuộc UBND Thừa Thiên Huế chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế (thiết kế cơ sở; thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) của dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác (vốn ngoài NS) đầu tư xây dựng trên đia bàn tỉnh (kể cả công trình cấp I, cấp đặc biệt)**”.

l) “**Ngân sách Thừa Thiên Huế được hưởng 100% số thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh quản lý và số thu từ thoái vốn nhà nước tại các tổ chức kinh tế do UBND tỉnh làm đại diện chủ sở hữu**” để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thuộc ngành nghề ưu tiên đầu tư của tỉnh (du lịch, hóa dược, y tế, giáo dục,…), đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, tu bổ, tạo dựng di tích.

m) “**Bổ sung địa bàn các huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang và Thị xã Hương Trà vào danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**”.

n) “**Miễn thuế nhập khẩu đối với các nguyên vật liệu trong nước chưa sản xuất được để thực hiện các dự án bảo tồn, trùng tu di tích**”.

## 3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành cho phép:

a) “UBND tỉnh thực hiện **phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung, quy hoạch đô thị** sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện”.

b) “UBND tỉnh xem xét, **quyết định việc điều chỉnh cục bộ trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện”.

c) “UBND tỉnh **được thực hiện việc thu hồi đất đối với dự án nông nghiệp công nghệ cao tập trung** đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đất đai”.

d) “UBND tỉnh **áp dụng cơ chế ứng trước dự toán năm sau từ nguồn vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ**: Căn cứ quy định hiện hành và khả năng cân đối nguồn vốn, Thừa Thiên Huế được xem xét ứng trước dự toán ngân sách năm sau liền kề để thực hiện các dự án đặc biệt, quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng hỗ trợ vốn từ ngân sách Trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”.

đ) “Cho phép **được hưởng cơ chế hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp như quy định đối với các tỉnh Tây Nguyên**. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài Chính triển khai thực hiện”.

e) “**Tiếp tục bố trí vốn NSTW** từ Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2021-2025 để tiếp tục đầu tư trùng tu, tôn tạo, bảo tồn quần thể di tích Cố Đô Huế **theo Quyết định 818/QĐ-TTg** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế và dự án di dời, giải phóng mặt bằng khu vực I, di tích Kinh thành Huế thuộc Quần thể di tích Cố đô Huế”.

f) “**Ưu tiên hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước** cho phát triển kết cấu hạ tầng khung phục vụ du lịch trong phạm vi Khu du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương **theo Quyết định số 1774/QĐ-TTg** ngày 19/12/2018 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu Du lịch quốc gia Lăng Cô - Cảnh Dương tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

g) “Đồng ý chủ trương **xây dựng Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045** và sớm ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch”.

h) “**Ngân sách nhà nước cân đối hàng năm không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô** cho yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng trong giai đoạn 2021-2030”.

i) “**Bổ sung KKT Chân Mây - Lăng Cô vào danh sách nhóm các KKT ven biển để tập trung đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025**”.

j) “**Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2030 đối với vườn quốc gia Bạch Mã**”.

k) “**Ban hành Quyết định về Quy chế liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng DHMT giai đoạn 2021-2030**” để hạn chế sự phát triển tương đối giống nhau giữa các địa phương trong phát triển du lịch, KKT ven biển, dịch vụ hậu cần logistics, điện,…

l) “UBND tỉnh xem xét, **quyết định việc việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu kinh tế, khu du lịch, khu sinh thái, khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu chức năng đặc thù cấp quốc gia** đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng”.

m) “**Cho phép thành lập Quỹ bảo tồn di sản Huế”**. Quỹ được hình thành từ các nguồn Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa, từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng và nguồn vốn viện trợ của UNESCO, các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ cho bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích.

n) “**Ưu tiên bố trí vốn hỗ trợ một phần cho các dự án quan trọng, cấp thiết do Thừa Thiên Huế đề nghị vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025** để phục hồi, xây dựng các thiết chế văn hóa và hạ tầng y tế, giáo dục trên địa bàn tỉnh”.

o) “**Bổ sung Khu công nghệ cao Thừa Thiên Huế** vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chỉnh phủ phê duyệt tại Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08/6/2015”.

p) “**Bổ sung Khu du lịch nước khoáng nóng Thanh Tân vào các khu du lịch quốc gia** thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 và Quyết định số 2350/QĐ-TTg ngày 24/12/2014. Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch chủ trì thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

q) “**Đồng ý chủ trương xây dựng Quy hoạch phát triển vùng ven biển, Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thành Công viên Đầm phá Quốc gia**”.

r) “**Bổ sung trường Đại học Huế thành trường Đại học Quốc gia** vào Quy hoạch mạng lới các trường Đại học, cao đẳng giai đoạn 2021-2030”.

s) **“**Phê duyệt Đại học Huế là đơn vị dự toán cấp 1 có cơ chế hoạt động như Đại học Quốc gia**”.**

t) “**Điều chỉnh quy hoạch tuyến đường bộ ven biển qua Thừa Thiên Huế**; quy hoạch tuyến cao tốc kết nối với Lào thúc đẩy phát triển du lịch, thương mại, y tế với nước bạn Lào và các nước trong tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây”.

u) “Thành lập Đoàn khảo sát và **sớm tiến hành tổ chức khảo sát, kiểm kê toàn bộ các loại hình di sản văn hóa ở Thừa Thiên Huế** nhằm nhận diện, xác định giá trị của các di sản văn hóa để từ đó có cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị phù hợp”.

v) “**Ưu tiên bố trí vốn đầu tư để thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, việc làm và an toàn lao động”**.

w)“Chấp thuận cho phép Hội đồng nhân dân Thừa Thiên Huế **được quyết định trả mức thu nhập phù hợp với cán bộ, viên chức và mức lương phù hợp với chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt** trong khả năng và phạm vi nguồn ngan sách của tỉnh”.

x) “**Xây dựng Chi nhánh Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia** tại tỉnh Thừa Thiên Huế” để góp phần phát triển nền kinh tế tri thức trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng và khu vực miền Trung nói chung.

# II. Đối với địa phương và cộng đồng người dân

Địa phương và cộng đồng người dân Thừa Thiên Huế đóng vai trò rất quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh. Theo đó:

- Cần tranh thủ tận dụng tối đa các cơ chế, chính sách đặc thù để sớm hoàn thành mục tiêu “*Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao*” theo Nghị quyết số 54-NQ/TW.

- Tích cực thu hút và lựa chọn các nhà đầu tư, doanh nghiệp uy tín, giàu kinh nghiệm trong việc tham gia bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thừa Thiên Huế; phát triển hoạt động du lịch và các hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ ngành du lịch ở địa phương.

- Cần chú trọng đến các hoạt động mang đậm bản sắc văn hóa Thừa Thiên Huế, xây dựng hình ảnh riêng biệt Thừa Thiên Huế - thành phố Festival, thành phố Xanh Quốc gia, thành phố văn hóa của cộng đồng ASEAN và thành phố du lịch sạch của ASEAN để khuyến khích du khách trong và ngoài nước trải nghiệm nhiều hơn ở Thừa Thiên Huế và lựa chọn Thừa Thiên Huế như là một thành phố đáng sống nhất Việt Nam.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò và lợi ích của văn hóa, di sản, cảnh quan thiên nhiên, đặc biệt là lợi ích và sứ mệnh của việc gìn giữ một thành phố gắn với di sản cho hiện tại và tương lai.

- Cộng đồng người dân cần nêu cao trách nhiệm của công dân trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng và xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói chung.

# Phần 5

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương được phê duyệt, tỉnh cần khẩn trương thực hiện những công việc chính sau:

## 1. Hội đồng nhân dân tỉnh

- Ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển Thừa Thiên Huế trên nền tảng phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; là một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.

- Ban hành Quyết định phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết nêu trên giai đoạn 2021-2025 và phương hướng đến năm 2030.

- Chỉ đạo UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc Nghị quyết và giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết nhằm đảm bảo thực hiện tốt các định hướng và mục tiêu phát triển Thừa Thiên Huế đã đề cập trong Đề án cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

## 2. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Công khai hóa các cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương ngay sau khi được các cơ quan có thẩm quyền ban hành; tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động toàn xã hội tham gia thực hiện phát triển Thừa Thiên Huế theo đúng định hướng đề ra tại Nghị quyết số 54-NQ/TW.

- Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch, Chương trình, Dự án,… được HĐND và UBND ban hành cần kịp thời được đưa lên website của UBND tỉnh để cộng đồng giám sát quá trình triển khai thực hiện; đồng thời thường xuyên nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung chính sách kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển của Thừa Thiên Huế trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động nguồn lực để thực hiện công cuộc xây dựng một thành phố với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh. Việc Thừa Thiên Huế có phát triển thành công theo đúng định hướng đề ra tại Nghị quyết số 54-NQ/TW phụ thuộc rất lớn vào tính đồng bộ trong thực hiện các giải pháp huy động nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình và dự án theo đúng lộ trình ưu tiên đã đề ra.

- Đảm bảo cơ chế liên kết, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và giữa các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương trong quá trình triển khai Đề án cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là rất quan trọng. Trong quá trình thực hiện, UBND cần thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung (trong thẩm quyền của mình) hoặc kịp thời đề xuất HĐND tỉnh, kiến nghị Trung ương những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề không còn phù hợp với tình hình thực tế (ngoài thẩm quyền).

Trước mắt, UBND Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định, trong đó có nội dung:

+*“****Áp dụng không tách thửa đối với những thửa đất nhà vườn Huế thuộc khu vực Kinh thành có diện tích dưới 500m2 nhằm hạn chế di dân lưu thông vào khu vực Kinh thành***”. Khoản 2, điều 143 Luật đất đai 2013 hoàn toàn cho phép UBND tỉnh có thẩm quyền quy định diện tích tối thiểu được tách thửa, cụ thể: “Căn cứ vào quỹ đất của địa phương và quy hoạch phát triển nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh quy định hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở tại nông thôn; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở phù hợp với điều kiện và tập quán tại địa phương”; và khoản 4, điều 144 Luật đất đai, cụ thể “UBND cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị và quỹ đất của địa phương quy định hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở”.

+ “***Hỗ trợ tái định cư, lãi suất mua và xây nhà, bán nhà ở xã hội đối với các hộ gia đình không đủ điều kiện được tách thửa áp dụng đối với các thửa đất nhà vườn Huế thuộc khu vực Kinh thành có diện tích dưới 500 m2***”.

+ Ban hành ***Quyết định quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thừa Thiên Huế ưu tiên phát triển giai đoạn 2021-2025***, trong đó có đề cập đến chính sách tiền lương cho đội ngũ giảng viên nước ngoài, giảng viên cao cấp.

## 3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố, huyện, thị xã

*-* Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân các thành phố, huyện, thị xã trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, các cơ quan, ban ngành trong tỉnh tiến hành xem xét, nghiên cứu xây dựng các kế hoạch, đề án cụ thể, trình lên các cấp có thẩm quyền để cân đối các nguồn vốn, hoặc kêu gọi các nhà đầu tư trong ngoài nước tham gia thực hiện.

- Các Sở, ngành, UBND thành phố, huyện, thị xã có trách nhiệm kịp thời đề xuất UBND tỉnh những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề không còn phù hợp với tình hình thực tế để có phương án giải quyết nhanh và hiệu quả.

1. <https://hoangkimlong.wordpress.com/2018/12/10/di-san-the-gioi-tai-viet-nam/> [↑](#footnote-ref-1)
2. Với 3 bảo tàng nổi tiếng thế giới, đó là: (1) Den Gamle By (Bảo tàng Phố cổ): là một bảo tàng ngoài trời quốc gia về lịch sử và văn hóa đô thị. Nơi đây cho phép du khách tái hiện và trải nghiệm cuộc sống và công việc của người dân ở thành phố từ thời xa xưa. Bảo tàng hiện đang được thiết kế theo hướng mở rộng, bao gồm: mở rộng ra một số quận, mở thêm các cửa hàng và nhà hàng truyền thống kết hợp mở thêm các phòng triển lãm hiện đại; (2) ARoS (Bảo tàng nghệ thuật Aarhus): là một bảo tàng nghệ thuật mới và là một trong những bảo tàng lớn nhất ở Bắc Âu. Nơi đây trưng bày các triển lãm đặc biệt lớn và sắp đặt nghệ thuật quốc tế cũng như các bộ sưu tập nghệ thuật của từ thế kỷ 19 đến nay. Bảo tàng mở cửa vào năm 2004 và được tôn tạo vào năm 2011 với công trình "Cầu vồng toàn cảnh" ngoạn mục (bao gồm 275 tấn thủy tinh màu và thép); và (3) Moesgaard: một bảo tàng hoàn toàn mới tập trung vào thời tiền sử và dân tộc học. Nơi đây trình bày một bộ sưu tập các cấu trúc giải phẫu chính xác của loài người. Khách du lịch tới đây thường bị thu hút bởi cách tường thuật và không gian sáng tạo với ánh sáng, âm thanh và hình ảnh động. [↑](#footnote-ref-2)
3. Như: Dự án “Cải thiện môi trường nước thành phố Huế”, dự án “Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)”. [↑](#footnote-ref-3)
4. Dự án đê chắn sóng cảng Chân Mây, đường phía Đông đầm Lập An, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải khu công nghiệp và khu phi thuế quan. [↑](#footnote-ref-4)
5. Dự án đường Nguyễn Chí Thanh (Quảng Điền), đường đến cụm di tích Lăng Minh Mạng - Lăng Gia Long, đường Tây phá Nam Giang - Cầu Hai (đoạn Phú Mỹ - Phú Đa), đường Chợ Mai - Tân Mỹ, đường Phú Mỹ - Thuận An, đường nối từ Quốc lộ 1A vào vườn quốc gia Bạch Mã,… [↑](#footnote-ref-5)
6. Cụ thể đã đầu tư 1.200 tỷ đồng cho các dự án thuộc Đề án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô, đặc biệt là triển khai di dời dân cư, GPMB khu vực 1 di tích kinh thành Huế. [↑](#footnote-ref-6)
7. Dự án xây dựng Trường THCS chất lượng cao Nguyễn Tri Phương, bệnh viện đa khoa Thừa Thiên Huế,... [↑](#footnote-ref-7)
8. Dự án Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền; Kè chống sạt lở khẩn cấp đoạn Thuận An-Tư Hiền... [↑](#footnote-ref-8)
9. Số liệu từ Niêm giám thống kê năm 2018. [↑](#footnote-ref-9)
10. Số liệu từ Niêm giám thống kê năm 2018. [↑](#footnote-ref-10)
11. Phản ánh tình hình gia tăng dân số do tác động của biến động di cư, được tính bằng hiệu số giữa số người nhập cư và số người xuất cư của một đơn vị lãnh thổ trong kỳ nghiên cứu tính bình quân trên 1000 dân của đơn vị lãnh thổ đó [↑](#footnote-ref-11)
12. Đó là: Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam); Thành nhà Hồ (Thanh Hóa) và Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình). [↑](#footnote-ref-12)
13. Di sản Tư liệu Thế giới (còn gọi là Chương trình Ký ức Thế giới) được UNESCO khởi xướng từ năm 1992 xuất phát từ nhu cầu ngày càng tăng về việc bảo tồn và tiếp cận những di sản tài liệu quý hiếm có nguy cơ bị xâm hại và mai một ở nhiều nước và nhiều khu vực trên thế giới. Mục đích của chương trình là để ghi nhận các di sản văn hóa thuộc dạng tư liệu trên thế giới, đó có thể là cuốn sách, bộ phim, bức ảnh, giọng nói (băng ghi âm) hoặc có thể là bút tích, bản thảo,… [↑](#footnote-ref-13)
14. Chẳng hạn như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa; Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích… [↑](#footnote-ref-14)
15. Kết luận số 48-KL/TW đã nêu rõ “*Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là trung tâm của khu vực miền Trung và một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hoá, du lịch; khoa học - công nghệ, y tế chuyên sâu và giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2020, Thừa Thiên Huế xứng tầm là trung tâm đô thị cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ, y tế, đào tạo lớn của cả nước và khu vực các nước Đông Nam Châu Á; có quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, vững chắc, có hệ thống chính trị trong sạch…*”. [↑](#footnote-ref-15)
16. Được phê duyệt chủ trương tại Văn bản số 441/TTg-KGVX ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-16)
17. Văn bản số 5786/UBND-XDKH ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Văn bản số 6049/UBND-XDKH ngày 17 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế [↑](#footnote-ref-17)
18. Đô thị Huế là di sản "sống", là nơi cư trú, hoạt động mưu sinh của con người Huế từ bao đời và cũng là nơi tập trung đông du khách khi đến tham quan [↑](#footnote-ref-18)
19. Đề án đã đặt ra 03 mục tiêu cụ thể, đó là: (1) Tập trung và thứ tự ưu tiên phát triển các lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng như: xe điện, thuyền Cung đình… và mở rộng các hoạt động dịch vụ ở khu vực Kinh Thành - Hoàng Thành, là điểm nhấn của toàn bộ quần thể di tích Cố đô Huế, nhất là một số công trình, một số hồ ao, cảnh quan,..; (2) Phấn đấu tốc độ tăng trưởng nguồn thu dịch vụ bình quân hàng năm giai đoạn 2012-2015 đạt 70%, giai đoạn 2016-2020 đạt 20%. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm cho cả thời kỳ 2012 - 2020 đạt 45%; và (iii) Phấn đấu đến năm 2020 cơ cấu nguồn thu dịch vụ đạt tỷ trọng 30% so với nguồn thu bán vé tham quan. [↑](#footnote-ref-19)
20. Là cửa khẩu A Đớt - Tà Vàng và Hồng Vân - Kou Tai. [↑](#footnote-ref-20)
21. Số liệu dẫn theo Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 30 năm tái lập tỉnh Thừa Thiên Huế của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế. [↑](#footnote-ref-21)
22. Theo Quyết định số 10/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/1/1998 [↑](#footnote-ref-22)
23. Theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/10/2014 [↑](#footnote-ref-23)
24. Việt Nam cũng đã được nhận giải thưởng “Điểm đến du lịch hàng đầu Châu Á” năm 2018 do Tổ chức giải thưởng du lịch thế giới WTA trao tặng. [↑](#footnote-ref-24)
25. Một số mô hình đang được triển khai ở Đà Nẵng như: (i) Triển khai các hoạt động mới tại tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Võ Nguyên Giáp - Trường Sa và đường Nguyễn Tất Thành: Khu cắm trại, tắm biển ban đêm, dịch vụ massage chân, chiếu phim trên biển, ẩm thực, quán bar, pub; (ii) Tổ chức Phố đêm 24/7 tại quận Ngũ Hành Sơn; (iii) Kêu gọi đầu tư tàu lưu trú tiêu chuẩn 4-5 sao, tàu phục vụ ăn uống, vui chơi giải trí (nghệ thuật, quán bar,...) tại vịnh Đà Nẵng. Hỗ trợ nhà đầu tư hoạt động, duy trì và phát triển dịch vụ bar, cafe trên du thuyền; (iv) Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cấp, nâng tầm quy mô, quảng bá các show diễn phục vụ du khách như: Charming Đà Nẵng, Hồn Việt,....; (v) Đưa vào hoạt động show diễn Áo Dài, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, sự kiện 02 bên bờ Sông Hàn để tạo điểm nhấn văn hóa, vui chơi về đêm của Đà Nẵng, và tổ chức Cầu Rồng phun lửa, phun nước lúc 21h00 và Cầu Sông Hàn quay vào lúc 23h00 hàng đêm. Cho phép tàu du lịch thủy nội địa được hoạt động đến 24h00 hàng đêm, kết hợp ngắm Cầu Rồng phun lửa, phun nước và Cầu Sông Hàn quay; Hình thành các tour đi bộ (walking tour) ngắm cảnh thành phố, thưởng thức ẩm thực về đêm; (vi) Đầu tư hạ tầng chiếu sáng, cảnh quan để làm nền tảng hình thành phố đêm Trần Hưng Đạo (đoạn từ cầu sông Hàn đến cầu Rồng); (vii) phát triển các chuỗi cửa hàng tiện lợi 24 giờ; khuyến khích các trung tâm mua sắm hàng hóa (Lotte, Vincom...), thời trang, phố chuyên doanh thời trang Lê Duẩn, các khu chợ Hàn, chợ Cồn mở cửa đến 24 giờ hàng ngày; và (viii) trang trí ánh sáng, thiết kế đặt các mô hình, tạo điểm check in cho du khách về đêm tại chợ Hàn, chợ Cồn,…; (ix) Tạo điều kiện để nhà đầu tư sớm triển khai và đưa vào hoạt động các dự án: Phố đi bộ - Chợ đêm Bạch Đằng, Khu phi thuế quan và outlet tại Hòa Vang,... [↑](#footnote-ref-25)
26. Trên bản đồ du lịch tàu biển thế giới, châu Á là điểm đến hấp dẫn với 288 điểm được lựa chọn trở thành điểm dừng chân của các hãng du thuyền, trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 sau Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan về số lượng du thuyền ghé thăm. Theo số liệu từ Tổng cục Du lịch, mỗi năm lượng khách du lịch tàu biển đến Việt Nam trung bình chưa tới 300.000 lượt với gần 500 chuyến tàu cập cảng, tức chỉ chiếm từ 2,5 đến 3% tổng lượng khách quốc tế. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng đến theo con đường du lịch biển còn rất hạn chế phần lớn là do sự yếu kém của hệ thống hạ tầng cảng biển cũng như chất lượng dịch vụ. Hầu hết cảng biển đón tàu khách chung với tàu hàng hóa dẫn tới tình trạng tàu khách không thể cập bến vì tàu hàng chiếm chỗ, dù đã đăng ký trước nhiều tháng trời… [↑](#footnote-ref-26)
27. Nghị quyết số: 54/2017/QH14 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh [↑](#footnote-ref-27)
28. Nghị định 63/2017/NĐ-CP quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với thủ đô Hà Nội [↑](#footnote-ref-28)
29. Nghị định 89/2017/NĐ-CP quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng [↑](#footnote-ref-29)
30. Nghị định 103/2018/NĐ-CP quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Cần Thơ [↑](#footnote-ref-30)
31. Nghị định 144/2016/NĐ-CP quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng [↑](#footnote-ref-31)
32. Quyết định 108/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của KKT mở Chu Lai có quy định “*hỗ trợ đầu tư hạ tầng cho KKT mở Chu Lai tương ứng với số thu phát sinh trên địa bàn KKT mở Chu Lai như sau: (a) 100% số thu trong 10 năm đầu kể từ khi có Quyết định thành lập; (b) 50% số thu kể từ năm thứ 11 đến năm thứ 20; (c) từ năm thứ 21 trở đi thực hiện theo quy định chung*”. [↑](#footnote-ref-32)
33. Quyết định 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của KKT Vân Phong có đưa ra quy định *“Trong thời hạn 15 năm đầu, kể từ khi quyết định này có hiệu lực thi hành, ngân sách nhà nước cân đối hàng năm không thấp hơn toàn bộ nguồn thu ngân sách trên địa bàn KKT Vân Phong cho yêu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng…*”. [↑](#footnote-ref-33)
34. Hiện nay đang áp dụng Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 1/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ Về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020 [↑](#footnote-ref-34)